



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Kranich17 (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mọi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **XUÂN VẼ** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- ♦ **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM** (HT. Thích Thắng Hoan dịch), tr. 7
- ♦ **HỌC HẠNH KHÔNG KIỆU NGẠO VÀ NƠI IT** (Quảng Tánh), tr. 10
- ♦ **THÔNG TƯ V/V TƯỢNG NIỆM ĐLHT THÍCH NHẬT HẠNH** (GHPGVNTNHNK), trang 11
- ♦ **CHIA BUỒN VỀ SỰ VIÊN TỊCH CỦA TS THÍCH NHẬT HẠNH** (W. Edward Bureau & Bạch Phế), tr. 12
- ♦ **THIỆN SỰ THÍCH NHẬT HẠNH - NGƯỜI "ĐÁ VẼ" VÀ HÔM NAY "ĐÁ TÔI"** (Nguyễn Siêu), trang 13
- ♦ **CÔNG HẠNH TỬ QUANG** (thơ Thích Đồng Trí), trang 14
- ♦ **THIỆN SỰ TẾ HIỂN BÙU DƯƠNG...** (Thích Thánh Minh), trang 15
- ♦ **CHẠM ÁO VÀNG, HAI BỜ TỬ BI** (thơ Thy An), trang 18
- ♦ **THÍCH NHẬT HẠNH - MỘT LÃO HIỆN TRIẾT PHẬT GIÁO VÀ MỘT ĐỨA TRẺ** (Marie Laurence Cattoire, Hoang Phong dịch), tr. 19
- ♦ **ĐÓN XUÂN NHÂM DẦN, XUÂN SANG...** (thơ Trúc Nguyên - Thích Chúc Hiền), trang 22
- ♦ **CUỘC CHIẾN HAI BÀN TAY** (TN. Như Thủy), trang 23
- ♦ **CHÙM THƠ TIỀN BƯỚC CHÂN ANH** (thơ Tâm Thường Định), trang 24
- ♦ **BÁT CHÁNH ĐẠO - CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ, t.t.** (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & C.s. Tâm Cảnh dịch), tr. 25
- ♦ **TRUY TÁN CÔNG HẠNH HTR. CÁP DÙNG: TÂM KIỂM BẠCH HOA MAI** (GHPGVNTNHNK), trang 29
- ♦ **CHƯƠNG NGẠI Ở TỰ THÂN - Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ **THẾ NÀO LÀ TƯỚNG BIẾT VÀ TÁNH BIẾT** (TN Hằng Như), trang 31
- ♦ **UÔNG TRÀ NHỚ TRĂNG, BUÔNG BỎ** (thơ Thương Tử Tâm), trang 33
- ♦ **CON CỌP LÔNG VÀNG** (Huệ Trân), trang 34
- ♦ **CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM SỤP ĐỔ, VNPG SỬ LUẬN, Chương 40** (Nguyễn Lang), tr. 39
- ♦ **NHỰ THI, THƠ RƠI, THƠ VỚI THÂN** (thơ Quảng Tánh Trần Cẩm), trang 43
- ♦ **TRUYỆN CỤC NGẮN TSUTSUI YASUTAKA** (Hoàng Long dịch), trang 44
- ♦ **RAGU CHAY** (Gia Phương), trang 48
- ♦ **TUYẾT TRẮNG BOSTON, HOÀI NIỆM SÔNG QUÊ** (thơ Lương Thiệu Văn), trang 49
- ♦ **A CLOUD NEVER DIES** (Hạnh Chi), trang 50
- ♦ **BUỔI ẤY NGƯỜI VẼ** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 51
- ♦ **MÀNG TÂY, A-TI-SÔ VÀ Ô-LIU** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- ♦ **LIFE IS A GIFT - ĐỜI LÀ MỘT TẶNG PHẨM** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 53
- ♦ **LỤC BÁT THẮNG GIỀNG, DIU DẶNG GIỀNG HAI...** (thơ Tịnh Bình), trang 54
- ♦ **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 55
- ♦ **BAO ĐIỀU - Tam ngôn, Ngũ ngôn, Thất ngôn** (thơ Minh Đạo), trang 56
- ♦ **TIỀNG ĐÀN VI DIỆU** (Truyện cổ Phật giáo), trang 57
- ♦ **XUÂN VẼ BUỔI SỚM MAI, BÁT CHÁNH ĐẠO** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 58
- ♦ **STORY OF KAPILA THE FISH** (Daw Tin), trang 59
- ♦ **HAI CẢNH ĐỜI, HOMELESS** (thơ Diệu Viên), trang 60
- ♦ **NGÔ THOÁT - chương 12** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- ♦ **XUÂN VẼ, CHÚC TẾT, TỰ TRI...** (thơ Chân Thanh Mỹ), trang 65

Báo Chánh Pháp số 124, tháng 3.2022, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

PHÙNG XUÂN

Nói thật nhiều rồi im lặng
Làm thật nhiều rồi ngồi yên
Nói hay im: ý vô tận
Làm, không làm: tâm như nhiên

Ngôn ngữ trần gian vay mượn hết
Như mây: trùm khắp trời đông tây
Ngồi đó, trăm năm như núi vững
Cắt chân, nhàn hạ giữa trần ai

Tài hoa ngọn bút vang văn giới
Phong nhiêu ý tứ động đàn thi
Nụ cười ẩn mật lưu thiên tích
Ánh mắt sâu thăm hiện tử bi
Mây trôi, nước chảy nhập dòng biếc
Ngoài trời, trong nước, tỏa tuệ tri.

Một sớm hoa cải rợp vườn đông
Vàng tỏa nường rau, hương nội đồng
Bụi hồng rủ nhẹ ngày xanh mới
Thong dong cánh bướm bay qua sông.

Lồng lộng gió đưa lời kinh nguyện
Chập chùng sóng đẩy tiếng chuông ngân
Sinh-diệt nào chia phương nhất hạnh
Khứ-lai đã tỏ hướng phùng xuân.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NEPAL: Phật tử phản đối dự án mở rộng đường vành đai với lý do gây thiệt hại cho các khu di sản

Kathmandu, Nepal - Những người yêu quý di sản văn hóa Phật giáo đã phản đối dự án mở rộng Đường Vành đai của chính phủ, nói rằng dự án này nhằm phá hủy các di sản văn hóa trong khu vực Swayambhunath.

Dẫn chứng rằng các lực lượng khác nhau đang hoạt động chống lại các di tích tôn giáo và văn hóa bằng cách phá hủy chúng nhân danh các hoạt động phát triển ở Nepal, người dân theo đạo Phật của khu vực Swayambhu đã phản đối việc phá dỡ các cấu trúc khác nhau của khu vực Swayambhu vốn được ghi vào Danh sách Di sản Thế giới.

Họ tuyên bố rằng các công ty Xây dựng CPN-UML, CPN-Maoist Center của Trung Quốc và chính phủ do cựu thủ tướng KP Oli lãnh đạo trước kia đã làm việc một cách gian trá để phá bỏ lần lượt các di tích văn hóa của thủ đô.

Một phần lớn của khu di sản Phật giáo và khu rừng xung quanh Swayambhunath nằm trong tầm ngắm của dự án mở rộng Đường Vành đai.

(NewsNow - February 2, 2022)



MÃ LAI: Tu viện hang động Đàm mô Thích Ca Mâu Ni đối mặt với sự tàn phá do khai thác đá

Một nhóm nhà sư tại Tu viện Đàm mô Thích Ca Mâu Ni ở Thung lũng Kinta của bang Perak đang tranh đấu để cứu lấy nhà của họ.

Được xây dựng trong các hang động đá vôi, tu viện này nằm trên khu đất vốn đã được cho một công ty khai thác đá thuê và các kế hoạch đang được tiến hành để bắt đầu khai thác trên núi. Tuy nhiên, vào tháng 12 năm ngoái, Hội đồng thành phố Ipoh gần đó đã gửi thư ủng hộ tu viện trong nỗ lực chỉ định khu vực này là di sản văn hóa.

Tu viện Đàm mô Thích Ca Mâu Ni là một trong những ngôi chùa hang động đá vôi cuối cùng còn lại ở Mã Lai vẫn đang được hoạt động liên tục. Tại tu viện có khoảng 15 nhà sư sống toàn thời gian, và du khách đến từ các khu vực xung quanh để chiêm bái và tham dự các buổi pháp giảng.

Tuy nhiên Hiệp hội Xi măng Pan Malaysia (APMC) gần đây đã nộp đơn xin giấy phép để bắt đầu khai thác ngọn núi nơi tu viện tọa lạc, nói rằng họ có quyền hợp pháp đối với khu đất này và các nhà sư phải rời đi.

Hai ngọn núi kề cận khác đã bị phá hủy do khai thác đá, chỉ còn lại những bậc thang bằng đá và một mạng lưới đường xá.

Trong khi đó, ngọn núi xung quanh tu viện Đàm mô Thích Ca Mâu Ni có thảm thực vật tươi tốt và là nơi sinh sống của không chỉ các nhà sư, mà còn là của quần

Đền thờ và bảo tháp Phật giáo tại thủ đô Kathmandu, Nepal
Photos: Google



thể động thực vật vốn có thể bị đe dọa bởi sự tàn phá sâu hơn.

(Buddhistdoor - February 4, 2022)



Tu viện hang động Đàm mô Thích Ca Mâu Ni ở Thung lũng Kinta của bang Perak (Mã Lai)



Photos: dw.com

TÂY TẠNG: Các nhà sư Tây Tạng bị chính quyền Trung Quốc đưa đến các trại lao động vì lo ngại tượng Phật bị phá hủy

Vào tháng 1 -2022, 11 người Tây Tạng bị đánh đập và bắt giữ vì tung tin về việc chính quyền Trung Quốc đã phá hủy một pho tượng Phật cao 99 feet và hàng chục cối kinh ở tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Họ đã bị đưa đến các trại lao động trong khu vực.

Các nhà sư Tashi Dorjee, Tsering Samdup, Nyima Lhamo, và Trụ trì Pelga, cùng với trợ lý của Pelga là Nyima, và 6 người Tây Tạng không rõ danh tính khác đã bị bắt sau vụ phá hủy bức tượng và 45 cối kinh truyền thống ở hạt Drago của châu Kardze, Tỉnh tự trị Tây Tạng vào tháng 12-2021.

Nhà chức trách Trung Quốc đã bắt 11 người này vì nghi ngờ họ gửi tin tức và hình ảnh về vụ phá hủy pho tượng cho những

người liên lạc bên ngoài khu vực.
(RFA – February 4, 2022)



*Pho tượng Phật cao 99 feet ở tỉnh Tứ Xuyên, trước khi bị chính quyền Trung Quốc phá hủy
Photo: RFA*

PAKISTAN: Các đồ tạo tác thuộc thời kỳ Phật giáo cách đây khoảng 1,800 năm được tìm thấy tại địa điểm khảo cổ ở Swabi

PESHAWAR, Khyber-Pakhtunkhwa - Cục Khảo cổ và Bảo tàng tỉnh Khyber-Pakhtunkhwa (K-P) đã phát hiện một số lượng lớn cổ vật và đồ tạo tác thuộc thời kỳ Phật giáo cách nay khoảng 1,800 năm.

Khám phá này đã được thực hiện tại làng Babu Dehri thuộc huyện Swabi của K-P và được xem là một thành công lớn trong lịch sử khảo cổ của tỉnh.

"Việc tìm thấy một số lượng lớn các hiện vật như vậy từ một địa điểm, bao gồm khoảng 400 đồ tạo tác và một bảo tháp lớn, là một kỳ công lớn và được xem là phát hiện lớn nhất của tỉnh", Tiến sĩ Abdul Samad, Giám đốc Khảo cổ học K-P, nhận xét.

Tiến sĩ Samad cho biết tất cả những khám phá này đều có niên đại khoảng 1,800 năm thuộc thời kỳ Phật giáo.

(The Express Tribune - February 5, 2022)



ANH QUỐC: Hiệp hội Phật giáo Kendal cảm ơn Hòa thượng Piyatissa về 20 năm giảng pháp

Trong 20 năm qua, nhóm Hội Phật giáo của thị trấn Kendal đã hân hạnh được tổ chức các chuyến thăm và pháp giảng từ Hòa thượng Piyatissa, người đã mang lại hơn 50 năm kiến thức và kinh nghiệm cho nhóm.

Hòa thượng Piyatissa đã bắt đầu cuộc hành trình Phật giáo của mình tại Đại học Tích Lan, và đã truyền bá các bài thiền giảng, văn hóa Phật giáo, Giới luật và Giáo lý của Phật giáo.

Hòa thượng Piyatissa đã trụ trì tại Tịnh xá Phật giáo Ketumati của Manchester từ năm 1999.

Ông đã giảng dạy cho Hội Phật giáo Kendal trong 20 năm. Nhóm này được thành lập vào năm 1999 và làm việc chặt chẽ với nhóm Keswick và nhiều tổ chức khác trên khắp Vương quốc Anh.

Trước đại dịch Covid, ông thường đến Kendal mỗi tháng để thuyết pháp, tuy nhiên kể từ khi bị phong tỏa do dịch, Hội Phật giáo Kendal đã thích nghi bằng cách sử dụng các diễn đàn trực tuyến.

Hòa thượng Piyatissa cũng đã giảng dạy ở Stoke, Wolverhampton và nhiều nhóm khác trên khắp nước Anh.

(tipitaka.net – February 6, 2022)



*Hòa thượng Piyatissa
Photo: AlexCandlinNews*

*Địa điểm khảo cổ ở Swabi, nơi phát hiện các đồ tạo tác thuộc thời kỳ Phật giáo cách đây khoảng 1,800 năm
Photos: pkmashable.com & EXPRESS TRIBUNE*



THÁI LAN: Chùa Wat That Thong ở Bangkok truyền giới cho ngôi sao Ấn Độ đóng vai Đức Phật

Sau khi được đóng trong một bộ phim tiểu sử dựa trên cuộc đời của Đức Phật, diễn viên Ấn Độ Gagan Malik đã xuất gia tại chùa Wat That Thong ở Bangkok để nghiên cứu sâu sắc lời dạy của Đức Phật về giác ngộ tâm linh và bình an nội tâm.

Malik đã đoạt giải Nam diễn viên chính xuất sắc nhất tại Liên hoan phim Phật giáo Thế giới do Liên Hiệp Quốc tổ chức nhờ vai diễn Đức Phật trong bộ phim Sri Siddhartha Gauthama năm 2013.

Malik đã xuất gia vào lúc 10 giờ sáng ngày 10-2 với sự tham dự của một số bạn bè thân thiết và sẽ làm nhà sư trong 15 ngày cho đến ngày 24-2.

Trước khi vào tu tập tại chùa Wat That Thong, Malik đã thông báo với Câu lạc bộ Tri Rattanaphum mà anh đồng sáng lập rằng anh muốn học các phương pháp tu hành của chư tăng và truyền bá giáo lý của họ ở Ấn Độ, để khuyến khích nhiều người tìm hiểu thêm về Phật giáo.

Mặc dù Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, nhưng Phật tử chỉ chiếm 1-2% dân số của đất nước.

Malik cho biết anh tin vào Nghiệp và quan điểm của Phật giáo về vòng đời. Anh nói rằng có lẽ mình đã thực hiện một số việc tốt ở Thái Lan trong một tiền kiếp, đó là lý do tại sao anh ấy có đủ may mắn để trở lại đây để nghiên cứu thêm về lời dạy của Đức Phật và hiểu rõ bản thân mình hơn.

(Bangkok Post - February 11, 2022)



*Diễn viên Gagan Malik ngồi bên cạnh sư trụ trì chùa Wat That Thong trong chánh điện của ngôi chùa ở quận Watthana, Bangkok sau khi ông xuất gia
Photo: worldofbuddhist.com*

ẤN ĐỘ: Sư cô Tây Tạng nuôi chó hoang tại thành phố Gaya từ khi phong tỏa toàn quốc lần đầu tiên do COVID

Gaya, Bihar - Một sư cô Phật giáo 52 tuổi, đến Bồ đề Đạo tràng cách đây 2 năm, đã cho hơn trăm con chó đi lạc ăn kể từ lần phong tỏa đầu tiên trên toàn quốc do COVID gây ra.

Sư cô Gyang Lhamo của Tây Tạng đã đến Bồ Đề Đạo Tràng 2 năm trước để chiêm bái Đức Phật thì có lệnh phong tỏa toàn quốc. Vì vậy, sư cô không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải ở lại thành phố này.

Và sư cô Gyang Lamho nhận thấy những con chó hoang đang lang thang trên đường phố mà không kiếm được thức ăn.

Sư cô kể, "Tôi ở Gaya kể từ lần phong tỏa đầu tiên. Trong khi đi lang thang bên ngoài ngôi chùa Phật, tôi nhận thấy những con chó hoang đang kêu rên, vì chúng không kiếm được thức ăn. Tôi cảm thấy thương hại và quyết định cho chúng ăn. Tôi đã nuôi những con chó này trong gần hai năm."

Lhamo nói thêm, "Tôi thường cho chúng ăn bánh chapati và sữa vào buổi sáng và bánh quy vào buổi tối."

Cùng với việc này, sư cô cũng đang dạy các trẻ em nghèo. "Tôi cũng dạy trẻ em và vì mục đích này, tôi đã bổ nhiệm một giáo viên với mức lương 1,500 Rupees. Tôi muốn mang đến cho các em một nền giáo dục tốt hơn và một tương lai tốt đẹp hơn," sư cô Lhamo nói.

(ANI - February 13, 2022)



Sư cô Gyang Lhamo và những con chó hoang—Photo: ANI

Ý - ẤN ĐỘ: Tượng Phật giáo bị đánh cắp tái xuất hiện ở Ý sẽ trở về cố quốc Ấn Độ

Các quan chức Ấn Độ đã nhận được một bức tượng Phật giáo vốn bị mất tích hơn 2 thập niên trước từ bàn thờ tại Đền

Devasthan Kundalpur ở Bihar, một trong những địa điểm hành hương Phật giáo quan trọng nhất của đất nước này.

Tượng nói trên là một tác phẩm điêu khắc đá có niên đại gần 1,200 năm tuổi, đã được một nhà sưu tập người Ý tình nguyện đem giao nộp tại Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ tại Milan vào ngày 10-2-2022.

Bức tượng mô tả Bồ Tát Quán Thế Âm tay trái cầm cành hoa sen đang nở, với hai nữ thị giả dưới chân ngài. Tượng được điêu khắc cho đền thờ Devasthan Kundalpur ở Bihar vào khoảng giữa thế kỷ thứ tám và 12. Ngôi đền này nằm gần làng Kurkihar, ngôi làng nơi có một kho hơn 220 đồ đồng đã được khai quật trong một cuộc khai quật khảo cổ học vào năm 1930. Hầu hết những tác phẩm điêu khắc đó hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Patna ở Bihar.

Khi về đến Ấn Độ, tác phẩm điêu khắc nói trên sẽ được gửi đến Cơ quan Khảo sát Khảo cổ học Ấn Độ ở New Delhi cho việc nghiên cứu.

(artdaily.cc - February 14, 2022)



Bức tượng Phật giáo gần 1,200 năm tuổi - bị trộm từ Đền Devasthan Kundalpur ở Bihar, Ấn Độ - đã được trả lại cho các quan chức Ấn Độ ở Milan, Ý Đại Lợi vào ngày 10-2-2022
Photo: artdaily.cc

HOA KỲ: Đại học Columbia tổ chức cuộc triển lãm đồ vật Phật giáo trong bối cảnh nghi lễ

Phòng trưng bày Nghệ thuật Wallach, nằm trong

khôn viên Đại học Columbia ở Thành phố New York, đã tổ chức một cuộc triển lãm có tiêu đề "Việc sử dụng nghệ thuật Phật giáo là gì?"

Triển lãm này, bắt đầu vào ngày 4-12-2021 và kéo dài đến ngày 12-3-2022, nhằm trưng bày các đồ vật trong bối cảnh nghi lễ của chúng, cho thấy cả quá trình sản xuất và sử dụng chúng. Phần trưng bày do đó được sắp đặt khác biệt với hầu hết các cuộc triển lãm trưng bày nghệ thuật và bảo tàng khác, vốn chỉ tập trung vào các kích thích thẩm mỹ của các hiện vật trưng bày.

Trang web của triển lãm nêu bật ví dụ về "Bia cúng tạ," do nhà sư Zhilang hiến tặng và có niên đại năm 548 CN ở triều đại Đông Ngụy, Trung Quốc. Tấm bia này là tác phẩm bao gồm một dòng chữ xác định và kỷ niệm mục đích của việc tạo ra các đồ vật và hình tượng Phật giáo. Dòng chữ có nội dung: "Chúng tôi xây dựng các bảo tháp để đánh dấu sự kính bái của chúng tôi, và chúng tôi tạo ra hình tượng để thể hiện sự cống hiến của chúng tôi đối với giáo phái."

Triển lãm có nhiều hiện vật lần đầu tiên được trưng bày trước công chúng. Bộ sưu tập này, phần lớn đã được mua lại trong khoảng gần 2 thế kỷ, phần lớn được quyên góp bởi các cựu sinh viên và giảng viên Đại học Columbia.

(Buddhistdoor Global - February 10, 2022)



Một số hiện vật trong cuộc triển lãm
cổ tiêu đề "Việc sử dụng nghệ thuật
Phật giáo là gì?"



Photos: nytimes.com

INDONESIA: Tín đồ Ấn Độ giáo và Phật giáo được khuyến khích chuẩn bị cho hoạt động thờ cúng

Jakarta, Indonesia - Bộ trưởng Các vấn đề Tôn giáo Yaquut Cholij Qoumas đã yêu cầu những người theo Ấn Độ giáo và Phật giáo Indonesia chuẩn bị các chương trình lễ bái quốc gia và toàn cầu sau khi ký Biên bản ghi nhớ về việc sử dụng các ngôi đền Borobudur và Prambanan làm địa điểm thờ cúng toàn cầu.

"Hãy chuẩn bị các chương trình nghi sự khác nhau cho các hoạt động cúng kính tôn giáo của người theo đạo Hindu và đạo Phật đối với người Indonesia và thế giới," Bộ trưởng Qoumas phát biểu vào ngày 11-2.

Ông thông báo rằng Chính phủ Indonesia đã chính thức tuyên bố Đền Prambanan ở Yogyakarta, cũng như Đền Borobudur, Đền Pawon và Đền Mendut ở Trung Java là những địa điểm thờ cúng quốc tế của người theo đạo Hindu và Phật giáo.

Ông Qoumas nói rằng một biên bản ghi nhớ (MoU) - đã được ký kết với hiệu lực đó bởi một số bộ trong các lĩnh vực - sẽ tăng cường sự hòa hợp và hợp tác của tất cả các bên để phát triển và sử dụng các đền chùa theo đúng thực trạng của các giá trị văn hóa và tâm linh.

"Thông qua Biên bản ghi nhớ này, tất cả các bên có thể định hướng vai trò và khả năng của mình (trong việc quản lý bốn đền chùa nói trên)," ông nói thêm.

Theo Bộ trưởng, việc sử dụng các ngôi đền Prambanan và Borobudur cho các sự kiện tôn giáo là một biện pháp cụ thể để hiện thực hóa kế hoạch của chiến lược siêu ưu tiên du lịch do Tổng thống Joko Widodo (Jokowi) đưa ra.

Ông giải thích, việc sử dụng những ngôi đền này làm nơi thờ cúng quốc tế là một cách để bảo tồn những ngôi đền như một di sản văn hóa cũng như những di tích cao quý từ tổ tiên của Indonesia.

(ANTARA - February 14, 2022)



XUÂN VỀ

*Xuân về hòa nhập ngọn gió đông,
Rét lạnh mang theo ngập cả lòng,
Cúc tía cười duyên bên hàng giậu,
Mai vàng khoe sắc trước thư phòng.
Tuổi đời chồng chất đầy thốn thức,
Thân phận nổi chìm lắm long đong.
Xuân đến làm gì cho đau xót,
Nếu xuân càng đến thêm nào lòng...*

Quý đông Tân sửu - Jan 15th, 2022

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: **Kha Diệu Kỳ**

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

LỜI GIỚI THIỆU

Theo Duy Thức Học, mỗi con người đều có tám hiểu biết, gọi là tám Tâm Thức. Tám Tâm Thức này chỉ hỗ tương trong sự sinh hoạt nơi mỗi con người mà không có hỗ tương trong sự nhận thức, nghĩa là mỗi Tâm Thức chỉ hiểu biết vạn pháp theo khả năng riêng biệt của mình mà không thể thay thế hiểu biết vạn pháp ngoài khả năng chung. Thí dụ như Nhãn Thức chỉ có khả năng hiểu biết sự vật về phương diện nhìn thấy hình tướng mà không có khả năng hiểu biết về phương diện nghe tiếng giống như Nhĩ Thức. Các Thức khác cũng thế. Căn cứ theo đặc tánh khả năng sinh hoạt hiểu biết riêng biệt của mỗi Tâm Thức nói trên, nhà Duy Thức phân loại tổng quát tám Tâm Thức thành ba lãnh vực: lãnh vực biểu hiện, lãnh vực tiềm ẩn và lãnh vực căn bản.

1. Lãnh vực biểu hiện gọi là Biểu Thức, như sáu Thức trước, từ Nhãn Thức cho đến Ý Thức thứ sáu, chúng sinh hoạt biểu lộ ra trên thân thể dễ hiểu biết, cho nên gọi chung là Biểu Thức.

2. Lãnh vực tiềm ẩn gọi là Tiềm Thức, tức là chỉ cho Thức Mạt Na thứ bảy, Thức này chỉ núp phía sau Thức thứ sáu để sinh hoạt nên gọi là Tiềm Thức và nó còn có tên nữa gọi là Thức Truyền Tống, nghĩa là Thức này chuyên làm gạch nối giữa Thức thứ sáu và Thức thứ tám trong sự sinh hoạt, nên gọi là Thức Truyền Tống. Theo Phật Học Phổ Thông khóa thứ IX, tác giả Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, trang 27 giải thích Thức Truyền Tống rằng: "Truyền Tống Thức: là Thức có công năng truyền các pháp hiện hành vào Tàng Thức và Tống đưa các pháp chủng tử khởi ra hiện hành."

3. Lãnh vực căn bản gọi là Siêu Thức, tức là chỉ cho Thức A Lại Da thứ tám. Siêu Thức là loại tâm thức siêu đẳng, nghĩa là con người và vạn pháp nếu như không có Thức thứ tám làm chỗ nương tựa thì không thể sanh trưởng, không thể tồn tại trong thế gian và ngoài Thức thứ tám đây ra không có Tâm Thức nào khác thay thế được, cho nên gọi Thức thứ tám là Siêu Thức. Thí dụ một trứng gà có trống, trong khi gà mẹ đang ấp, nếu như không có Thức thứ tám đứng ra xây dựng hệ thống sanh lý cho gà con trong trứng thì gà con trong trứng không thể thành hình, và ngoài Thức này ra không có Tâm Thức nào khác có thể

thay thế được, cho nên gọi Thức thứ tám là Siêu Thức.

Trên phương diện Biểu Thức, sự hiểu biết về sáu Thức trước trong mỗi con người có tánh cách phổ quát, nghĩa là tất cả mọi người ai cũng đều hiểu biết cụ thể sự hiện hữu của sáu Thức trước khi chúng sinh hoạt nhận thức. Tánh chất, giá trị và ý nghĩa của sáu Thức trước trong mọi lãnh vực sinh hoạt đã được các triết gia cổ kim thi đua khai thác nhận thức phong phú, ở đây không phải là chủ đề chính để bàn sâu cho nên không cần giải thích thêm về sáu Thức trước này.

Còn trên phương diện Tiềm Thức, Thức Mạt Na thứ bảy sinh hoạt đã là tiềm ẩn phía sau Ý Thức thứ sáu thì khó hiểu biết nếu không quán chiếu để nhận thức. Các nhà triết học Duy Thức lý giải về Thức thứ bảy đi đến nhất quán là tánh so đo chấp trước ngã pháp, sanh hoạt bản năng vô thức, nghĩa là sinh hoạt không có Ý

Thức thứ sáu hợp tác, quản lý hồ sơ trong Tạng Thức, làm giác quan (ý căn) cho Ý Thức thứ sáu sinh hoạt, trình diện những quá trình kinh nghiệm trong Tạng Thức cho Ý Thức thứ sáu hồi ức, đưa lên những hình ảnh ký ức trong Tạng Thức để phá Ý Thức trong lúc Thiền Định, v.v... Đây là những dữ kiện sinh hoạt của Thức Mạt Na thứ bảy.

Riêng trên phương diện Siêu Thức, Thức A Lại Da thứ tám là một loại tâm thức siêu đẳng phi thường ngoài khả năng nhận thức của Ý Thức thứ sáu, nguyên vì sáu Thức trước hiện hữu để sinh hoạt là sau khi con người đã hình thành. Nguồn thể và hành trạng của Thức thứ tám như thế nào không thể nghĩ bàn và muốn đem nó lên trên bình diện khoa học để nhận thức là vấn đề nan giải cho người khảo cứu. Các triết gia đông tây từ xưa đến nay, ngoại trừ Phật Giáo không có ai biết đến hiện tượng sinh hoạt của nó.

Riêng Phật Giáo, các kinh luận đề cập đến Tâm Thức A Lại Da thứ tám rất nhiều. Sáng tỏ nhất, các Luận Sư Duy Thức Tông và Pháp Tướng Tông đã đào sâu hành trạng Tâm Thức thứ tám đây vô cùng phong phú trong các luận học, như Bồ Tát Di Lặc, Vô Trước, Thế Thân, Huyền Trang, v.v... Đặc biệt trong các luận sư nói trên, Bồ Tát Di Lặc giải thích chuyên đề "A Lại Da Duyên Khởi" với tác phẩm Du Già Sư Địa Luận (Yogācāryabhūmi-sātra) làm sáng tỏ tánh chất, giá trị và ý nghĩa của Tâm Thức siêu đẳng này.



HT Thắng Hoan

Một hôm tôi bắt gặp một tác phẩm với nhan đề “Đệ Bát Thức Nghiên Cứu” của tác giả Kha Diệu Kỳ, do Phổ Môn Văn Khố - Đài Bắc ấn hành năm Trung Hoa Dân Quốc 74. Khi đọc xong nhận thấy nội dung tác giả tổng hợp tinh ba của các luận sư như Thế Thân, Huyền Trang, Hộ Nguyệt, Nan Đà, Hộ Pháp, v.v... về chuyên đề “Thức A Lại Da thứ tám” và giải thích bằng lối biện chứng, tỷ giao, bình giảng theo chiều hướng thuận, theo chiều hướng nghịch qua hình thức phải-trái đúng-sai trên bình diện bản thể, hành trạng và hiện hành của Tâm Thức A Lại Da thứ tám, khiến cho Tâm Thức này đã sáng tỏ lại càng sáng tỏ thêm. Do đó, để rộng đường nghiên cứu về Thức A Lại Da thứ tám của tông phái Duy Thức, tôi xin dịch tác phẩm “Đệ Bát Thức Nghiên Cứu” của tác giả Kha Diệu Kỳ với nhan đề là “Nghiên Cứu Thức Thứ Tám” để làm tư liệu phong phú cho nền văn hóa Phật Giáo ngày nay trên lãnh vực Duy Thức Tông.

Trong nội dung bản dịch “Nghiên Cứu Thức Thứ Tám”, có những đoạn văn nằm trong dấu [.....] là lời giải thích thêm của dịch giả về danh từ chuyên môn để được rõ nghĩa hơn.

Tôi dịch tác phẩm này của tác giả Kha Diệu Kỳ nhất định có nhiều chỗ thiếu sót, và lời văn đơn giản không điều luyện trau chuốt bóng bẩy, xin quý đọc giả bốn phương nhận thấy tha thứ chỉ bảo cho. Thành thật cảm ơn quý vị.

Cẩn bút
Thích Thắng Hoan

CHƯƠNG I: PHẦN MỞ ĐẦU

PHẦN I: LUẬN LÝ THÀNH LẬP THỨC THỨ TÁM

Nhân sanh vũ trụ là thể tổng hợp của tinh thần và vật chất. Nếu như tinh thần không tồn tại thì vật chất hoàn toàn mất đi ý nghĩa. Nhân loại đều nhờ sự tồn tại của cảm quan và tâm thức, mới hiển bày được giá trị của vật chất và tình cảm. Thí dụ như một người mù, những cảnh đẹp để của các loài hoa phơi bày trước mắt đối với họ mà nói hoàn toàn không có tác dụng chút nào cả. Thứ cảm quan và tâm thức này, tức là chỉ cho Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý của sáu Căn và sáu Thức có thể phân biệt, nhưng sự hoạt động của sáu Thức thì sanh diệt vô thường, trước sau gián đoạn. Năm Thức trước phải nhờ đến năm Căn tiếp xúc với năm Trần mới hiện khởi hiểu biết và chúng sinh hoạt cũng có tánh gián đoạn. Thức thứ sáu thì niệm niệm liên tục không đình chỉ tợ hồ giống như tánh cầm giữ mãi mãi, nhưng nghiên cứu vi tế nó vẫn sanh diệt gián đoạn. Thí dụ như một người khi bị ngắt xiêu hoặc thời gian ngủ mê không

mộng mơ, Ý Thức và cả năm Thức trước của họ lúc đó không có tác dụng. Thời gian không có tâm thức hoạt động là phủ nhận tất cả không có tâm hay sao? Lễ tất nhiên không phải thế.

Vấn đề chính là ở nơi đây, khi con người bị ngắt xiêu hay ngủ mê không mộng mơ và sáu Thức trước của họ đình chỉ hoạt động thì tất nhiên trong thời gian đó có một thứ giữ gìn thân thể, đó chính là tâm thức vi tế mà Tâm Lý Học hiện đại gọi là tinh thần tác dụng của Tiềm Ý Thức hoặc Hạ Ý Thức.

Vì mục đích phân định rành mạch sự hoạt động của tâm thức đối với vấn đề phân biệt tướng thô và phân biệt tướng vi tế, nhà nghiên cứu đi sâu vào trong nhận thấy, chỉ được kiến lập cho tâm thức một danh xưng để bày tỏ là “Hằng Thời Tương Tục” [luôn luôn lúc nào cũng hoạt động liên tục nhau]. Trong kinh điển Tiểu Thừa khi nói đến sự hoạt động của tâm thức thì chỉ căn cứ nơi sự bất đồng của Căn Sở Ý [nơi giác quan nương tựa] và Cảnh Sở Duyên [nơi cảnh quan hệ] để kiến lập sáu Thức sai biệt mà thôi, không có trình bày cụ thể đến tâm thức ở nơi ngoài sáu Thức (1). Đáng lẽ, bất kỳ sự sanh khởi nào của Tâm Thức nhất định phải cụ bị đầy đủ Sở Y

và Sở Duyên, thí dụ như Nhãn Thức nương nơi Nhãn Căn để duyên đến Sắc Trần; Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý thì cũng giống như thế, đều quan hệ nơi Căn nơi Trần là chỗ Sở Y và Sở Duyên của chúng. Ý Thức thì tổng hợp và nắm lấy ảnh tượng phân biệt của năm Thức trước, cộng thêm phán đoán chủ quan của mình, đồng thời cùng duyên đến ảnh tử Lạc Tạ, tức là Pháp Trần. Đã vậy, Ý Thức còn có khả năng đem kinh nghiệm quá khứ phát khởi lên để cộng thêm tư duy trở lại, thì tất nhiên nó cũng phải có Căn để làm Sở Y cho nó; Thức Thể thì có thể làm Căn Sở Y cho nó và cũng có thể tàng trữ ba loại tánh, tánh thiện, tánh ác và tánh vô ký; và lại Thức Thể đây quyết định phải thuộc về loại Vô Phú Vô Ký [không bị ngăn chẹn và không nhất định thiện hay ác] thì mới có thể thọ nhận được những pháp huân tập; Thức Thể nếu như thuộc về tánh thiện thì không thể thọ nhận những pháp huân tập thuộc về loại tánh ác và ngược lại không thể thọ nhận những pháp huân tập thuộc về loại tánh thiện. Đối với Thức Thể vừa trình bày, các nhà nghiên cứu Duy Thức đem nó ra phân định thành lập một thứ tâm thức lấy tên là Thức A Lại Da, cũng tức là Ý Căn Giới trong mười tám giới (2). Nhiếp Đại Thừa Luận giải thích: “Gọi Thức A Lại Da là nói đến tên thể của Sở Tri Ý [chỗ nương tựa để hiểu biết]”. Chúng ta chỉ nhận thức được Sở Tri Ý thì mới có thể khéo léo ứng phó với các pháp duyên khởi.

Kinh Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma giải thích rằng: “Chữ Giới kể từ vô thị đến nay, tất cả pháp đều nương nơi đây và cũng do nó mà có các cõi và có Niết Bàn để chứng đắc” (3). Chữ “Giới” trong bài Tụng này là chỉ cho chúng từ của các pháp, cũng tức là nhân thể sở y [nhân tố nguyên thể làm chỗ



nương tựa] của tất cả pháp, mà cũng chính là căn bản y [chỗ nương tựa căn bản] của chúng sanh sanh tử lưu chuyển và Niết Bàn hoàn diệt. Tất cả pháp đây là bao gồm có pháp hữu vi và pháp vô vi; pháp vô vi thì không tác dụng, nhưng pháp hữu vi đều phải qua Ý Thức thứ sáu nhận thức thì mới hiển bày ra được hiệu dụng của chúng. Chỗ rất hiển nhiên, chữ “Giới” từ vô thi đến nay chính là sở y của Ý Thức thứ sáu (4). Mặc dù sở duyên của Ý Thức thứ sáu tuy là cảnh giới hiện tượng của Thức A Lại Da sanh khởi, nhưng không thể giống với chủng tử của chúng, từ đó mới kiến lập Chuyển Thức thứ bảy. Chuyển Thức thứ bảy chấp lấy Thức A Lại Da làm bản ngã kiên cố của mình, đem chủng tử trong A Lại Da phát khởi ra thành hiện hành và lại đem hiện hành đưa vào huân tập thành chủng tử. Chỗ gọi “Y nơi kia để chuyển biến rồi trở lại duyên nơi kia,” chữ “Y” có hai nghĩa, Thức A Lại Da là Nhân của tất cả pháp nương tựa và sau khi biến hiện lại làm Duyên cho tất cả pháp nương tựa, cho nên Thức đây chính là “Nhân Duyên Y” của tất cả pháp.

PHẦN II: TÁNH TRỌNG YẾU CỦA THỨC THỨ TÁM

Hôm nay chúng ta thảo luận để chọn yếu điểm gì thành lập Thức thứ tám? Đây chính là căn cứ nơi sự lưu chuyển và hoàn diệt của tất cả pháp để tìm ra một chỗ đứng. Nguyên vì có chỗ tàng trữ [có A Lại Da] cho nên vạn hữu mới có thể nương nơi đó để sanh khởi cụ thể, và công năng của vạn hữu mới có thể nương nơi đó để tồn tại sau khi chúng bị hoại diệt. Tất cả chủng tử Thức đều là căn bản của tất cả pháp và cũng là chỗ nương tựa của tất cả pháp. Một hành giả Phật Giáo nếu như đối với căn nguyên của vấn đề sanh tử lưu chuyển và niết bàn hoàn diệt có thấu triệt rõ ràng thì không đến nỗi tu mù luyện quán, không đến nỗi uổng sức phí công của chặng đường tu tập. Thí dụ như làm công đức mà không biết công đức đó không thể được thì liền khởi tham trước; cũng như được thần thông cảm ứng mà không biết thần thông đó không thể nương tựa thì lại ngồng nghênh tự đắc, đồng thời vì nó ngã mạn tăng trưởng. Chúng ta đây đang trong quá trình phá trừ ngã chấp thì không để cho hiện tượng này phát sanh mà làm trở ngại cho khóa trình tu tập phá trừ ngã chấp khiến không đạt được giải thoát sanh tử. Thông thường chỗ chấp ngã của người tu hành đương nhiên không phải là sắc thân hiện

tiền, mà chính là Thần Thức, là Linh Hồn vi tế, hoặc Đại Ngã biến khắp vũ trụ; tín ngưỡng lầm chấp cho rằng nương tựa vào giáo chủ nào đó để bật để lên trời được “sống vĩnh hằng”. Cổ nhiên căn cứ nơi nguyên lý tất cả pháp duyên khởi vô thường, sanh diệt vô ngã là phủ nhận có một cái ngã thường trụ không hoại hay sao? Chỗ chấp trước có ngã của con người thì giống nhau, cho nên đối với Tâm Thức họ đều hoàn toàn không biết chi cả.

Kinh Giải Thâm Mật giải thích rằng: “Thức A Đà Na rất vi tế thâm sâu, chủng tử tập khí giống như dòng thác nước chảy xiết; cái ngã đối với kẻ phàm ngu nếu không khai diễn thì e sợ bị phân biệt chấp làm ngã” (5). *Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm* cũng giải thích rằng: “Thức A Đà Na thì rất vi tế, tập khí trở thành dòng thác nước chảy xiết; chân thật mà không phải chân thật cho nên e sợ bị mê hoặc, cái ngã thường không được khai diễn.” Từ kinh văn trên có thể biết cái khó để giải thích, nhưng nếu không gia công lý giải thì đối với trong quá trình tu học sẽ lạc vào ngoại đạo (ngoài tâm cầu pháp) mà không tự biết. Nhờ những dữ kiện của kinh văn chúng ta mới có thể biết được chỗ trọng yếu để nương tựa nghiên cứu.

Bản văn này chỉ căn cứ những kinh luận có quan hệ đến Duy Thức Học, nhằm vào Thức thứ tám, tham cứu đặc tánh để tổng hợp. Đồng thời căn cứ vào mười môn phân biệt của Thành Duy Thức Luận đưa ra bảy chương chuyên đề để thảo luận.

(còn tiếp)

- 1) Hiện Đại Phật Giáo Học Thuật Tùng San (25) trang 17. “Duy Thức Học Thượng Đích Lại Da Luận, Pháp sư Diễn Bồ trước tác.
- 2) Hiện Đại Học Thuật Tùng San (28) trang 18.
- 3) Đại Chánh Tạng đệ tam thập nhất tập, trang 324 Nhiếp Đại Thừa Luận.
- 4) Diễn Bồ Pháp Sư sở trước “Duy Thức Học Thượng Đích Lại Da Luận” đem Ý Căn Giới trong 18 Giới xem như Tâm Căn, là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân năm Sắc Căn Sở Y, cũng là Sở Y của Ý Thức thứ sáu.
- 5) Đại Chánh Tạng tập 31, trang 32. Thậm thâm nghĩa là từ nhân thiên của xuất thế, xuống đến hữu tình, không thể cùng đạt tới tánh này. Thậm Tế nghĩa là tánh vắng lặng của Nhị Thừa không thể trình bày rõ tướng của nó. Nói chung, Thức này không phải giáo pháp của Thịnh Văn trở xuống.



HỌC HẠNH KHÔNG KIÊU NGẠO VÀ NÓI ÍT

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



"Một thời Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ Tỳ-kheo Cù-ni-sư vì có chút việc nên đến thành Vương Xá, ở tại Vô sự thất, cười đùa kiêu ngạo, thảo động, không chánh niệm như khi vượt."

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử cùng với chúng Tỳ-kheo sau giờ ngọ thức, vì có chút việc nên vẫn tập tại giảng đường. Tỳ-kheo Cù-ni-sư sau khi đã làm xong việc trong thành Vương Xá, đi đến giảng đường. Tôn giả Xá-lê Tử từ đằng xa trông thấy Cù-ni-sư đi đến. Nhân Cù-ni-sư mà bảo các Tỳ-kheo rằng:

...
- Nay chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không nói những đề tài súc sinh. Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay nói những vấn đề súc sinh, sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cất vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự nhưng hay nói những đề tài súc sinh'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cất vấn. Do đó, nay chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học không nói những đề tài súc sinh.

- Nay chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự, nên học hạnh không kiêu ngạo và ít nói năng. Nay chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự mà hay kiêu ngạo và nói năng nhiều sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích cất vấn: 'Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà lại hay kiêu ngạo và nói năng nhiều'. Nếu đến ở trong đại chúng, cũng bị các Tỳ-kheo thường hay chỉ trích, cất vấn. Do đó, nay chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự, sống ở nơi vô sự nên học không kiêu ngạo và ít nói năng".

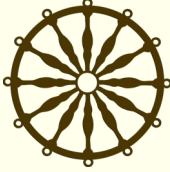
(Kinh Trung A-hàm, phẩm Xá-lê Tử tương ứng, kinh Cù-ni-sư, số 26 [trích])

Ở trích đoạn trước, Tôn giả Xá-lợi-phất dạy Tỳ-kheo sống độc cư cần học hạnh cung kính và không cười giỡn. Trích đoạn này, Tôn giả tiếp tục dạy các Tỳ-kheo vô sự nên học các hạnh: 1- Không nói đến những đề tài súc sinh, 2- Không kiêu ngạo và ít nói năng.

Đề tài về súc sinh là một trong những nội dung nói chuyện tạp của các Tỳ-kheo trẻ. Tạp thoại về mọi chuyện ở đời là tạp khí khó bỏ của người tu mà đứng ra nên "luận bàn Chánh pháp và giữ im lặng của bậc Thánh". Cho nên, người tu mà không luận bàn Chánh pháp, thích nói về chuyện súc sinh cùng các chuyện vui buồn thế gian thì rơi vào phóng dật, bị người chê cười.

Kiêu ngạo và nói nhiều là hai tật xấu tiếp theo mà người mới tu cần lưu ý để điều chỉnh. Việc từ bỏ đời sống thế tục để xuất gia, rồi sau khi xuất gia chọn lối sống vô sự nơi núi rừng tuy cao cả nhưng chỉ là những bước chân đầu tiên trên đường đạo. Người mới bắt đầu cất bước trên đạo lộ thì quý nhưng cũng chưa có gì để tự hào. Quan trọng là về đích, là thành tựu giác ngộ. Trước gió bão nghiệp lực và giông tố cuộc đời, nếu biết cúi đầu thì sẽ đi nhanh hơn, còn ưỡn ngực và khênh khay thì sớm muộn gì cũng bị quật ngã. Với người tập tu thì nên học hạnh khiêm cung. Như bông lúa chín, hạt càng chắc càng cúi xuống thấp, chỉ có hạt lép mới ngẩng cao đầu. Nếu kiêu ngạo hơn người liền rơi ngay vào ngã mạn, bị trôi buốc và trầm luân.

Nói nhiều thì sẽ sai nhiều. Với tâm kiêu ngạo, tự cao tự đại mà nói nhiều lại càng nguy hiểm hơn. Điều mà vị Tỳ-kheo vô sự cần thể hiện là bớt nói lại và nghe nhiều lên. Bởi biết lắng nghe là thể hiện sự sâu sắc, vững chãi và thấu hiểu. Nói nhiều mà không mấy đúng thì thật tệ hại, vừa nông nổi lại vừa phóng dật. Thế nên cần học hạnh không kiêu ngạo và ít nói năng.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148

Phật Lịch 2565

Số 49/HĐĐH/TT/CT

THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý Cư sĩ thành viên, các cơ sở tự viện thuộc GHPGVNTNHNK, Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ

Trích yếu: V/v tổ chức Lễ Tưởng Niệm Đại lão Hòa thượng Thích Nhất Hạnh

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK vừa nhận được tin Đại Lão Hòa Thượng húy thượng TRÚNG hạ QUANG, tự PHÙNG XUÂN, hiệu NHẤT HẠNH, thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 42, Pháp phái Liễu Quán đời thứ 8, trụ trì Tổ đình Từ Hiếu – Huế, khai sơn Đạo tràng Mai Thôn Pháp quốc, đã an nhiên thân thần thị tịch vào lúc 01:30 sáng ngày 22 tháng 01 năm 2022 (nhằm 20 tháng 12 năm Tân Sửu) tại Tổ đình Từ Hiếu; trụ thế 96 năm, 70 hạ lạp.

Đại lão Hòa thượng là bậc long tượng kỳ túc của Phật giáo Việt Nam, nguyên Giám học Phật Học Đường Nam Việt, đồng sáng lập Viện Cao đẳng Phật học Sài-gòn (tiền thân của Viện Đại học Vạn Hạnh), Chủ bút nguyệt san Phật Giáo Việt Nam (thuộc Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam), Chủ bút tuần san Hải Triều Âm (cơ quan ngôn luận của Viện Hóa Đạo GHPGVNTN), thành lập trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội và nhà xuất bản Lá Bối. Ngoài những đóng góp to lớn về văn hóa giáo dục, Đại lão Hòa thượng cũng đã cống hiến cho văn học Phật giáo, văn học nước nhà và văn học thế giới hàng trăm tác phẩm giá trị, trong đó có nhiều tác phẩm nổi tiếng về Thiền học đã được dịch ra hàng chục ngôn ngữ. Về sự nghiệp hoằng pháp, Đại lão Hòa thượng đã khai sáng Dòng Tu Tiếp Hiện, thành lập Đạo tràng Mai Thôn tại Pháp và hàng chục tu viện theo dòng Thiền Làng Mai tại nhiều quốc gia trên thế giới, thu nhận và cảm hóa hàng triệu thiền sinh Việt Nam và ngoại quốc khắp năm châu. Không chỉ trong vai trò một Thiền sư, nhà văn hóa, nhà thơ, nhà văn lỗi lạc, Đại lão Hòa thượng cũng là nhà hoạt động xã hội có ảnh hưởng rất lớn với cộng đồng quốc tế trong việc kêu gọi chấm dứt bạo động, chiến tranh, cải cách xã hội, giảm thiểu sử dụng tài nguyên thiên nhiên để bảo vệ môi trường xanh cho trái đất.

Tri ân và kính tiếc bậc Thầy kỳ vĩ của nhiều thế hệ Tăng Ni tín đồ Phật giáo Việt Nam và thế giới, toàn thể thành viên GHPGVNTNHNK, nhất tâm đánh lễ Giác Linh Cố Đại Lão Hòa Thượng tân viên tịch, và xin thành kính phân ưu cùng chư tôn đức Tăng Ni Sơn môn Từ Hiếu, Tăng thân Làng Mai và môn đồ pháp quyến khắp toàn cầu.

Giáo Hội kính mong chư tôn đức Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công đức lớn lao mà Cố Đại Lão Hòa Thượng đã một đời cống hiến cho Đạo Pháp, Nhân loại và Dân tộc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nay thông tư,

California, ngày 22 tháng 01 năm 2022,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK

Chủ tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

CONDOLENCE ON THE PASSING OF ZEN MASTER THÍCH NHẤT HẠNH

Chia buồn về sự viên tịch của Thiền sư Thích Nhất Hạnh

Lời dẫn: Ban tổ chức Đại Lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc tổ chức tại Việt Nam vào năm 2019 gửi thư mời chúng tôi, những người được mời thuyết trình tại Việt Nam, viết thư chia sẻ trước sự ra đi của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh. Vì thế, chúng tôi xin mạn phép hạ bút ở đây.



Sacramento, Jan. 25th, 2022.

Nam Mô đức Bổn sư Bụt Thích Ca Mâu Ni
Kính thưa Tăng thân Làng Mai và Môn đồ
pháp quyền

Kính thưa quý Sư Anh, Sư chị,

Mặc dù chúng ta có cảm thấy đau buồn khi Thầy qua bờ bên kia, nhưng trong thâm tâm, chúng ta cảm thấy Thầy vẫn đang tiếp trong người và trong tất cả chúng ta. Chúng ta cần hiểu và sống theo lời dạy của Người, "*Cơ thể này của tôi sẽ tan rã, nhưng hành động của tôi sẽ tiếp tục tôi... Nếu bạn nghĩ rằng tôi chỉ là cơ thể này, thì bạn đã không thực sự nhìn thấy tôi. Khi bạn nhìn vào những người bạn của tôi, bạn sẽ thấy sự tiếp tục của tôi. Khi bạn nhìn thấy ai đó bước đi với chánh niệm và lòng từ bi, bạn biết người đó là sự tiếp nối của tôi. Tôi không hiểu tại sao chúng ta phải nói "Tôi sẽ chết", bởi vì tôi đã có thể nhìn thấy chính mình trong bạn, trong những người khác và trong các thế hệ tương lai.*

Ngay cả khi không có mây ở đó, nó vẫn tiếp tục như tuyết hoặc mưa. Không thể để đám mây chết. Nó có thể trở thành mưa hoặc băng, nhưng nó không thể trở thành hư không. Đám mây không cần phải có linh hồn để tiếp tục. Không có bắt đầu và không có kết thúc. Tôi sẽ không bao giờ chết. Sẽ có một sự tan rã của cơ thể này, nhưng điều đó không có nghĩa là cái chết của tôi. Tôi sẽ tiếp tục, luôn luôn.

Hạnh nguyện và di sản tâm linh của Thầy sống mãi trong chúng ta. Những suy nghĩ, lời nói và hành động của chúng tôi là sự tiếp nối của Thầy. Chính trong những giây phút chánh niệm mà ta đang thực tập, ta thấy Thầy đang ở trong ánh nắng lúc rạng đông, trong làn nước sóng sánh, tách trà trên tay, trong từng hơi thở hay bữa cơm yên tĩnh bên nhau. Trong chính hơi thở của chúng ta, Thầy làm giàu cho nhân loại và tình yêu thương của nhau.

Cầu mong tất cả chúng ta được an toàn, tốt lành, thoải mái và hạnh phúc.

*Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế,
Ba la Tăng Yết đế, Bồ Đề Tát Bà Ha.
Đi qua, đi qua. Đi qua bờ bên kia,
Đã đi qua đến bờ bên kia, reo vui!*

Với lòng an bình và từ bi.

Đệ tử **Tâm Thường Định** (Phe X. Bach)
và **W. Edward Bureau**

Sacramento, Jan. 25th, 2022.

Namo Shakyamuni Buddha!

Dear Venerable Sanghas

Dear Sisters and Brothers in Dharma,

Though we may feel sad with Thay's passing to the other shore, in our hearts we feel him continuing in each and all of us. We understand and live his teaching: "This body of mine will disintegrate, but my actions will continue me. If you think I am only this body, then you have not truly seen me. When you look at my friends, you see my continuation. When you see someone walking with mindfulness and compassion, you know he is my continuation. I don't see why we have to say 'I will die' because I can already see myself in you, in other people, and in future generations.

Even when the cloud is not there, it continues as snow or rain. It is impossible for the cloud to die. It can become rain or ice, but it cannot become nothing. The cloud does not need to have a soul in order to continue. There's no beginning and no end. I will never die. There will be a dissolution of this body, but that does not mean my death. I will continue, always."

Thay's spirit and legacy live on in us. Our thoughts, speech and actions are his continuation. In our mindful moments, Thay is in the sunburst at dawn, the water of the ocean wave, the teacup in our hands, or a quiet meal together. In our very breathing, Thay enriches our humanity and love for each other.

May all of us be safe, well, at ease and happy.
*Gate, Gate, Paragate, Parasamgate Bodhi Svaha.
Gate, Gate, Paragate, Parasamgate Bodhi Svaha.
Gate, Gate, Paragate, Parasamgate Bodhi Svaha.
Gone, gone, Gone beyond, gone far beyond.
Awaken, Rejoice.*

In peace and compassion,

W. Edward Bureau and **Phe Bach**

THIÊN SƯ THÍCH NHẤT HẠNH

– Người “Đã về” và hôm nay “Đã tới”

Nguyên Siêu

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Bậc Đại sỹ suốt đời đã hy hiến, phụng sự không mỏi mệt, giờ thì “Đã Về” và “Đã Tới.” Người đã được thành thới và yên nghỉ rồi. Đã về là về lại cội nguồn. Lá rụng về cội. Về lại chốn xưa. Ngôi chùa Tổ Từ Hiếu. Ngôi chùa được tọa lạc trên vùng đất kinh đô-Huế, ngàn năm văn vật. Một địa danh mà đã lưu xuất không biết bao nhiêu bậc Kỳ túc xuất trần của Phật Giáo miền Trung nước Việt. Cái nôi đã nuôi lớn bao nhiêu tâm nguyện cứu đời, vị tha trên dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam. Nơi đây, dòng sông Hương núi Ngự cũng đã nuôi lớn bao nhiêu tâm hồn thi nhân, mặc khách, văn chương, âm nhạc trữ tình quê hương. Một trời thơ mộng vừa xuất thế vừa nhập thế, dựng thành tinh thần Giáo pháp Bất nhị, Vạn hạnh dung thông... cho Phật Giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt. Trường tồn ở chỗ là hồi chuông tiếng mõ không ngớt. Lời kinh tiếng kệ như thoi đưa. Chuông đại hùng, trống bát nhã luôn rền vang vượt thoát qua mọi thời đại của thế nhân thịnh suy, bĩ cực. Mặc cho đời áo mả cân đai, người con Phật nơi xứ ấy, âm thầm tương chua, muối mặn, ngày hai thời công phu bài sám, vậy mà đã nuôi lớn những bậc Kỳ túc Thiền gia làm nên sự nghiệp xuất thế, vang dội khắp năm châu bốn biển. Dù cho, nói theo ngôn ngữ trần gian “công danh sự nghiệp” có thừa, “Tiếng tăm lừng lẫy” khắp trời ai cũng biết, nhưng không vì vậy mà quên đi cội nguồn, Tông phong Thầy Tổ; quên đi lối cũ đường về, hầu Thầy làm điều. Và cũng không phải vì vậy mà quên quê cha đất Tổ. Núm ruột của Mẹ, nuôi lớn đời con. Sống thì tha phương hoá độ, bất cứ nơi đâu, chỗ nào có duyên thì tới, hết duyên thì đi, cho đến ngày cuối đời, thì quay về nằm trong lòng đất Mẹ. Cái tình tự giống nòi. Cái ơn nghĩa quê hương nuôi lớn con dân Việt, muôn đời không quên. Thiền Sư Thích Nhất Hạnh là người con dân nước Việt.

Giờ “Đã Tới.” Thiền Sư Thích Nhất Hạnh dẫm mòn gót chân trên vạn nẻo đường đất nước, thì hôm nay “Đã Tới,” tới bờ bên kia – đảo bỉ ngạn. Tới nơi tĩnh lặng bình an. Bình an như từng bước chân thành thới mà Thiền Sư hằng giảng dạy trong những đạo tràng tu học cho hai thế hệ già và trẻ. Thành thới như từng hơi thở vào ra một cách an nhiên, thiền tập.



Từ sự bình an của từng bước chân đi. Từ sự thành thới của từng hơi thở mà nuôi lớn bậc Xuất Trần Thượng Sỹ, trong đời năm trước này để trở thành:

1) Bậc Thầy của nhiều thế hệ: Thiền Sư đã giảng dạy cho nhiều thế hệ người từ bầu trời Phương Đông. Nguyên Giám Học Phật Học Đường Nam Việt, đồng sáng lập viện Cao Đẳng Phật Học Sài Gòn, là tiền thân của Viện Đại Học Vạn Hạnh... chủ bút tuần san Hải Triều Âm-cơ quan ngôn luận của Viện Hoá Đạo. Lập Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, nhà Xuất bản Lá Bối... Đến khung trời phương Tây, thành lập Đạo tràng Mai Thôn tại Pháp, và rất nhiều Tu Viện cho các Thiền sinh người Việt cũng như ngoại

quốc: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Úc, Canada... đều tham dự tu và phát nguyện xuất gia trở thành các vị Thầy làm lợi Đạo ích đời.

- 2) Bậc đạo sỹ khéo ứng hóa thân: Thiền sư đã phương tiện chuyển hoá lời Phật dạy đi vào lòng người một cách thâm trầm, mẫu nhiệm. Giảng dạy Pháp môn tu thiền chánh niệm, tinh giác thích ứng nhiều căn cơ hiện tại lạc trú: *Theo Gót Chân Bụt, Đường Xưa Mây Trắng, Thiền Tập Cho Người Bận Rộn, Trái Tim Của Bụt...*
- 3) Nhà văn hóa lớn cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21: Thiền Sư đã có khoảng 120 tác phẩm nhiều thể loại. *Đạo Bụt Nguyên Chất. Sám Pháp Địa Xúc. Nẻo Vào Thiền Học. Nói Với Tuổi Hai Mươi... Cửa Tùng Đôi Cánh Gà. Có những tác phẩm đã được dịch ra hàng chục thứ tiếng và lưu hành trên thế giới hôm nay, trong các lãnh vực, học đường, tôn giáo, xã hội...*
- 4) Một nhà văn Trác Việt, Kiệt Xuất: Thiền Sư đã sử dụng văn chương ngữ pháp qua hai phạm trù đạo học cũng như thế học thật tài tình đa dạng, ý vị rạt rào, chuyển tải ngữ ngôn cú pháp như thiên phú: *Thả Một Bè Lau. Kết Một Tràng Hoa. Sen Nở Trới Phương Ngoại... Đi Như Một Dòng Sông.*
- 5) Một nhà thơ Đạo và Quê Hương: Tô đậm hồn thơ, ý thơ, vận thơ thật trong sáng, diễn tả tự tình đạo pháp và quê hương: *Bông Hồng Cài Áo. Bướm Bay Vườn Cải Hoa Vàng...* một đoàn

- văn nghe như hồn thơ lai láng, màu sắc mượt mà quê hương.
- 6) Một nhà cách mạng bất bạo động, tranh đấu cho hòa bình, tự do: Đạo Phật là đạo từ bi, lấy tình thương xóa hận thù. Lấy sự thanh bình, thịnh vượng làm chất liệu sống mà Thiền Sư đã nỗ lực, đồng hành với các nhà đấu tranh cho nhân quyền, các chính khách ở phương Tây, nói lên tiếng nói công lý đầy tình người, nhân bản, hầu xây dựng một đời sống an lành, hạnh phúc cho con người trên thế giới nói chung và các quốc gia đang là chủ chiến nói riêng qua hình ảnh và ý nghĩa của người Tăng sĩ Việt Nam.
- 7) Một nhà bảo vệ môi sinh, bảo vệ trái đất: Thiền sư đã tha thiết kêu gọi con người hãy bảo vệ màu xanh trái đất. Vì đất là môi trường sống của tất cả, từ hữu tình đến vô tình đâu đâu cũng được đất nuôi dưỡng, tác thành sự sống cho lá hoa, sỏi đá, mây trời, gió êm và nắng ấm. Xin đừng tàn phá trái đất... Hay còn gì nữa. - Một nhà giáo dục lớn. Một nhà tâm linh lớn... cho vạn đại về sau.

Chỉ có bấy nhiêu, một con người có được bấy nhiêu không phải dễ gì có được. Nếu không có bước chân thành thoi. Nếu không có thở nhẹ và sâu trong phút giây hiện tại- bây giờ và ở đây. Hay không có ngồi vững như non, và miệng mỉm cười thì khó có bấy nhiêu lắm. Đạo Phật giản dị nhưng như thật. Như thật là tinh giác. Tinh giác trong từng bước chân đi. Tinh giác trong từng hơi thở nhẹ. Thiền Sư Thích Nhất Hạnh đã tu cho mình và cho người Pháp môn ấy, để ngày hôm nay Thiền Sư có tất cả. Từ cái đơn giản nhất. Từ cái bình dị nhất, những tưởng ai cũng làm được, nào ngờ quá khó và khó vô vàn. Thiền Sư đã chánh niệm, tinh giác, nên thiền sư "Đã Về" và "Đã Tới" bằng thông dong từng bước chân.

Mây trời vẫn bay thông dong trên bầu trời Từ Hiếu. Cảnh chùa là chốn tịch mịch, thâm u, nên một tuần lễ tâm tạng cũng là một tuần lễ tu tập im lặng, cho tứ chúng đệ tử Phật và giờ này các quốc gia trên thế giới hàng Tăng Ni đệ tử của Sư Ông lần lượt xách va li ra các sân bay để bay về Tổ đình Từ Hiếu phủ phục tâm tạng, chí thành, chí thiết của hàng môn đồ pháp phái Đạo Tràng Mai Thôn làm rực sáng một góc trời quê hương.

Ngày 22 tháng 01 năm 2022
Chùa Phật Đà San Diego, CA
Hậu học
Thích Nguyên Siêu

CÔNG HẠNH TỪ QUANG

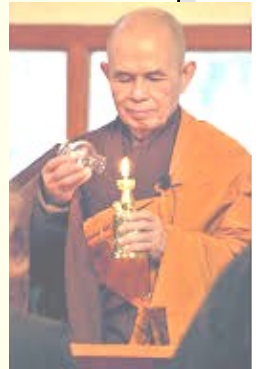
(Tâm hương kính tưởng Thiền Sư Nhất Hạnh)

*Người từ đại nguyện hiện sinh
Ngang qua trần thế mang hình nhân gian.
Cảnh đời dâu bể trái ngang
Người luôn tận tụy để mang an lành.
Chánh niệm hơi thở thiền hành
Từ bi dập tắt chiến tranh hận thù
Hào quang khai vệt mây mù
Năm châu bốn bể vân du độ đời.
Việc xong đến lúc nghỉ ngơi
Vạn duyên buông xả, phải thời ra đi.
Nắm mô, bia tháp sá chi?
Đôi thông kẽ lá thăm thì tên Ai?
Mấy ai sánh đợc như Ngài?
Mấy ai vượt thoát đợc hai bên bờ?
Mấy ai gối tuyết làm thơ?
Mấy ai thao thức giấc mơ hòa bình?
Mấy ai lấy nhạc làm Kinh?
Mấy ai chuyển Đạo làm Tình Nhân Sanh?
Mấy ai dừng mọi tranh giành?
Mấy ai không tiếc hư danh cuộc đời?
Mấy ai vững lái xa khơi?
Mấy ai để lại cho đời Tiếng Chuông?
Mấy ai ôm trọn nỗi buồn?
Mấy ai bom đạn vẫn luôn dẫn đầu?
Mấy ai mưa nắng dãi dầu?
Mấy ai hành Đạo vô cầu, vô tư?
Mấy ai thấu đợc lý Như
Mấy ai tro bụi tâm thư sống đời?....
Sư Ông công hạnh rạng ngời
Đại dương từng lớp nhắc lời Thầy khuyên.
Tri ân hạnh ngộ hữu duyên
Trầm hương kính tiễn về miền thánh thoi.
Thân Phật không trụ ở đời
Nhưng mà Pháp Phật nơi nơi hành trì.
Lời Thầy xin nguyện khắc ghi
Đường Xưa Mây Trắng mãi đi cùng Người...*

thơ

THÍCH ĐỒNG TRÍ

Chùa Việt Nam, Pasco, WA, Hoa Kỳ
Ngày 22/01/2022



THIÊN SƯ TẾ HIỂN BỬU DƯƠNG với DÒNG THIÊN LIỄU QUÁN XỨ TRẦM HƯƠNG

Thích Thánh Minh

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ KHÁNH HÒA

Khánh Hòa ngày xưa thuộc xứ Kauthara vương quốc Chăm Pa. Năm 1631, chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên gả công chúa Ngọc Khoa cho vua Po Romé. Vương phi Ngọc Khoa xin vua nước Chăm Pa cho người Việt lập nghiệp ở vùng đất mới này. Đến năm 1653, quân Chăm Pa quấy nhiễu người Việt và xâm chiếm Phú Yên, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần sai quan cai cơ Hùng Lộc đem binh đánh dẹp, đẩy lùi quân Chăm Pa đến tận sông Phan Rang. Tại đây, vua Chăm Pa là Bà Tấm xin hàng và dâng đất từ sông Phan Rang trở ra đến Phú Yên. Chúa Hiền đã đưa người Việt đến định cư tại vùng đất mới và thành lập dinh Thái Khang gồm hai phủ Thái Khang và Diên Ninh. Phủ Thái Khang gồm các huyện ở phía bắc: Tân Định, Quảng Phước (nay là Ninh Hòa và Vạn Ninh) và phủ Diên Ninh gồm các huyện ở phía nam: Phước Diên, Hoa Châu, Vĩnh Xương (Diên Khánh, Cam Lâm, Khánh Sơn, Cam Ranh, Nha Trang và một phần phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận). Sau đó đổi thành dinh Bình Khang rồi Trấn Bình Hòa và năm 1831 mới chính thức đổi tên thành tỉnh Khánh Hòa.

Trong đoàn người di cư ấy có các nhà sư lên đường để hoằng pháp và hướng đạo tinh thần cho cộng đồng người Việt mới định cư. Vì vậy Phật giáo đã có mặt ở Khánh Hòa rất sớm như các chùa: Minh Thiện, Hội Phước, Vạn Thiện, chùa Núi Phụng Thủy Sơn, Thiên Bửu, Bảo Long, Bảo Phong, Linh Sơn, Thiên Lộc và Kim Sơn v.v... Theo sử liệu còn lưu giữ tại các chùa giúp chúng ta biết được các nhà sư đến đây có nguồn gốc từ nhiều dòng phái khác nhau: Thiên phái Đạo Môn Mộc Trần, thiên phái Liễu Quán và thiên phái Chúc Thánh v.v...

Những danh Tăng mở đạo thuở ban sơ thường được sử sách nhắc đến như các ngài: Hòa thượng Tịnh Đức Phổ Chiếu khai sơn chùa Minh Thiện năm 1673; thiên sư Phật Ấn Quảng Hiển và Tịch Viên Hồng Quy khai sơn chùa Hội Phước năm 1680; thiên sư Thiệt Vinh Bửu Hạnh, Thiệt Địa Pháp Ấn, Tế Điền Như Bốn, Tế Cảm Linh Phù, Tế Dưỡng Châu Cắp, Tế Xuân Lưu Quang và Tế Hiển Bửu Dương v.v...

*"Dong buồn vượt biển vào đây
Thuyền Sư ghé lại những ngày hoang sơ
Ba trăm năm lẻ đến giờ
Đạo phong vẫn tỏa xóa mờ thương đau".*

II. SỰ TRUYỀN THỪA THIÊN PHÁI LIỄU QUÁN

Căn cứ vào các bằng Chánh Pháp Nhãn Tạng, các Long Vị và một số tư liệu hiện có tại tổ đình Hội Phước, chùa Thiên Bửu, chùa Phổ Hóa, chùa

Thanh Lương, chùa Linh Sơn, chùa Thiên Thai Sơn Thạch Phú Yên, chùa Tân Long, chùa Thiên Lộc, chùa Từ Ân Sài Gòn Gia Định và chùa Kim Cang Long An chúng ta rõ được hành trạng và công hạnh truyền thừa của thiên sư Tế Hiển Bửu Dương.

Ngược dòng thời gian cách đây trên 300 năm, trong số dân cư đặt chân lên bờ biển Khánh Hòa hoang vắng có Hòa thượng Tế Hiển Bửu Dương là một trong những đệ tử đặc pháp với tổ sư Liễu Quán đã rời kinh đô Huế, lên đường vượt biển về phương nam. Thiên sư Bửu Dương đã dựng am tranh bên cạnh dòng sông Lốt Ninh Hòa để công phu thiền tập. Sự tu hành và tài đức của ngài tỏa sáng, cảm hóa được dân chúng quanh vùng, danh tiếng đồn xa thiện tín và các quan chức khắp nơi tìm đến tham học rất đông. Sau đó không lâu, thiên sư đã rời rộng am tranh thành chùa Thiên Bửu thượng rồi chùa Thiên Bửu hạ bên cạnh dòng sông Dinh. Công hạnh giáo hóa của ngài đã lan rộng đến Nha Trang, Diên Khánh và đến Đồng Nai, Sài Gòn Gia Định, Long An v.v...

Tổ Thiệt Diệu Liễu Quán, một thiên sư lỗi lạc đời thứ 35 của rừng thiền Lâm Tế. Ngài linh động chuyển thiên phái Lâm Tế trở thành một tông phái đặc thù đậm nét đạo pháp dân tộc Việt với dòng kệ truyền thừa có 48 chữ, 12 câu theo thể tứ cú dùng để đặt pháp danh:

*"Thiệt tế đại đạo,
Tánh hải thanh trừng,
Tâm nguyên quảng nhuận,
Đức bốn từ phong,
Giới định phước tuệ,
Thể dụng viên thông,
Vĩnh siêu trí quả,
Mật kế thành công,
Truyền trì diệu lý,
Diễn xướng chánh tông,
Hành giải tương ứng,
Đạt ngộ chơn không."*

Hòa thượng Thích Nhất Hạnh dịch nghĩa:

*Đường lớn thực tại
Biển thể tính trong.
Nguồn tâm thẩm khắp
Gốc đức vun trồng.
Giới định phước huệ
Thể dụng viên thông.
Quả trí siêu việt
Hiểu thấu nên công.
Truyền giữ lý mẫu
Tuyên dương chính tông.
Hành giải song song
Đạt ngộ chơn không.*

Hòa thượng Viên Giác đã phân tích bài pháp

kệ trên thành lộ trình tu hành gồm sáu bước:

1. Thể tính vắng lặng
2. Tâm thức thánh thiện
3. Công phu hoàn chỉnh
4. Trí tuệ vẹn toàn
5. Hóa độ nhân gian
6. Thành tựu thánh quả.

Với lộ trình sáu bước, pháp kệ truyền thừa của tổ Liễu Quán có tính cách định hướng đường lối tu tập và hành đạo, qua đó thể hiện ý chí của Tổ một cách rõ ràng rằng, nội dung mà một dòng thiền chuyên chở phải là sự vận hành công đức giải thoát và giác ngộ trong đời sống của xã hội nhân sinh. Đó là một định hướng mở rất phóng khoáng phù hợp với bối cảnh phát triển xã hội của dân tộc Việt vào thế kỷ XVIII.

Tổ Liễu Quán sinh ngày 18 tháng 11 năm 1667 tại làng Bạc Má, huyện Đồng Xuân, nay là xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Ngài mồ côi mẹ lúc lên 6 tuổi. Năm 12 tuổi theo cha lên chùa Hội Tôn lễ Phật. Vì cảm mến cảnh chùa nên xin cha ở lại tu học. Duyên lành đến, Hòa thượng Tế Viên xuống tóc và ban cho ngài pháp danh Thiết Diệu. Năm ngài 19 tuổi, bốn sư viên tịch. Ngài tìm đến núi Hàm Long chùa Thiên Thọ (Báo Quốc) cầu học với tổ Giác Phong. Năm 1695 thọ Sa Di giới với Hòa thượng Trường Thọ Thạch Liêm. Năm 1697, thọ Cụ Túc giới với Hòa thượng Tử Lâm và năm 1699 ngài bắt đầu cuộc hành trình tham vấn cầu đạo khắp các thiền lâm, tâm thường suy nghĩ: Pháp nào là tối vi đệ nhất ta quyết xả thân mạng y theo pháp tu hành. Nghe chư thiền đức cho biết Hòa thượng Minh Hoảng Tử Dung khéo dạy pháp tham thiền. Ngài đến núi Long Sơn chùa An Tôn (Tứ Đàm) bái yết Hòa thượng Tử Dung cầu pháp. Tổ Tử Dung dạy pháp tham cứu công án "Muôn pháp quy về một, một quy về đâu?" Một hôm nhân xem *Truyền Đăng Lục* khi đọc đến câu "Chỉ vật truyền tâm, người không hiểu rõ" ngài liền tỏ ngộ đem trình sở ngộ lên tổ Tử Dung.

Mùa hạ năm 1712, trong đại lễ Toàn Viện được tổ chức tại Quảng Nam, trong lúc ngài Liễu Quán trình bày kệ "Tắm Phật," Tổ Minh Hoảng Tử Dung hỏi: "Tổ Tổ truyền nhau, Phật Phật trao nhau; chẳng hay truyền nhau cái gì?" Ngài Liễu Quán nói: "Búp măng trên đá dài một trượng, Phất tử lông rùa nặng ba cân". Tổ lại hỏi: "Cao cao đỉnh núi đi thuyền, sâu sâu đáy biển ngựa phi là sao?" Ngài đáp: "Suốt đêm gầy sừng trâu đất rỗng, trọn ngày đàn gậy có dây đầu!" Tổ Minh Hoảng Tử Dung vui mừng ấn chứng ngài Thiết Diệu Liễu Quán là tổ thứ 35 của dòng truyền thừa tông Lâm Tế.

Sau đó, ngài Liễu Quán vào núi Thiên Thai lập am tu thiền và thường xuyên ra vào Huế, Phú Yên để hóa đạo. Từ năm 1712 đến năm 1721, tổ đã lên đường hóa đạo, tiếp Tăng độ chúng và khai sơn chùa Bảo Tịnh Phú Yên. Trong thời gian này,



thiền sư Liễu Quán đã giáo hóa được nhiều đệ tử, một số đã được truyền tâm ấn tiếp nối đèn Pháp của tổ trở thành bậc long tượng trong chốn thiền môn, mở rộng phạm vi hoằng pháp vào miền Nam đến tận vùng Đồng Nai, Gia Định, Mỹ Tho v.v...

Năm 1722, tổ Liễu Quán về Huế trụ trì chùa Thiên Tôn. Từ năm 1733 đến năm 1735, ngài lần lượt mở Đại giới đàn truyền giới. Mùa xuân năm 1742, ngài mở đại giới đàn tại chùa Viên Thông; cuối thu nhuộm bện, ngài gọi các các đệ tử đến bảo: "Nhân duyên cuộc đời đã hết, ta sắp đi thôi!" Mọi người đều khóc. Ngài bảo "Các người khóc điều chi? Chư Phật xuất thế còn phải nhập Niết Bàn. Ta nay đường đi đã rõ, neo về đã có nơi. Các người không nên buồn khóc." Vài ngày trước lúc viên tịch ngài ngồi ngay ngắn viết bài kệ từ biệt rằng:

*"Tuổi đời đã quá bảy mươi niên
Không không sắc sắc chẳng ưu phiền
Hôm nay mãn nguyện về quê cũ
Nào phải lằng xằng hỏi tổ tông."*

Sáng ngày 22 tháng 11 năm Nhâm Tuất 1742, ngài an nhiên thị tịch, hưởng thọ 76 tuổi. Ngài độ được 49 đệ tử xuất gia và hàng ngàn phật tử tại gia. Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát ban lệnh lập văn bia tuyên dương công hạnh của ngài và ban cho thụy hiệu:

"Chánh Giác Viên Ngộ Hòa Thượng"

Bảo tháp tổ Thiết Diệu Liễu Quán an trí trên núi Thiên Thai, làng An Cựu, huyện An Trà, trong khuôn viên chùa Thiên Thai Thiên Tôn Huế.

III. CÔNG HẠNH THIỀN SƯ TẾ HIỂN BỬU DƯƠNG (1703-1791)

Hòa thượng Tế Hiển Bửu Dương thuộc họ tộc Nguyễn Phước, sinh năm 1703 tại Huế. Ngài là người đầu tiên truyền thừa thiền phái Liễu Quán vào vùng đất mới Khánh Hòa, Sài Gòn Gia Định và Long An.

Năm 1745 niên hiệu thứ 6 Cảnh Hưng nhằm thời chúa Võ Nguyễn Phước Khoát, ngài khai sơn Thiên Bửu thượng. Và sau đó lập thêm chùa Thiên Bửu hạ, nay gọi là Tổ đình Sắc tứ Thiên Bửu hay chùa Tổ tọa lạc tại thôn Bình Thành, xã Ninh Bình thị xã Ninh Hòa, cạnh dòng sông Dinh. Cảnh trí thanh tịnh nên người xưa đã mô tả:

"Thanh thủy đoạn phiền não, cô thôn hiện già lam"

Tạm dịch: "Nước sông dứt phiền não, thôn vắng hiện già lam".

Phải chăng Thiên Thai Thiên Tôn là nơi ngài được truyền pháp và Bửu Dương là pháp hiệu tổ Liễu Quán ban cho. Chọn 2 chữ đầu tên chùa "Thiên" và "Bửu", gộp hai chữ ấy lại thành "Thiên Bửu" là tên gọi của chùa?

Chùa Thiên Bửu thượng tọa lạc tại thôn Đầm Tịnh, xã Ninh Phụng, thị xã Ninh Hòa với kiến trúc

theo kiểu chữ "Môn" gồm chánh điện, Đông lang và Tây lang và trước cổng Tam Quan có hai câu đối:

Thiên nhân cung kính Thế tôn, phước huệ viên dung khai giác lộ

Bửu địa trang nghiêm Phật độ, nhân duyên thành tựu khai tử môn

Tạm dịch là:

Trời người cung kính Thế tôn phước huệ, tròn đầy mở đường giác

Đất quý trang nghiêm cõi Phật, duyên lành thành tựu khai cửa tử.

Tiền đường có chạm câu đối của Tổ Phước Tường:

Thiên đạo hoằng khai, thiên cá tu hành thiên cá đắc

Bửu vân quảng nhuận, thất trùng lan thuận thất trùng tu.

Tạm dịch là:

Chánh pháp mở ra, ngàn kẻ tu hành, ngàn kẻ được

Mây lành toả khắp, bảy hàng cây báu, bảy hàng tu.

Thiền sư Tế Hiển Bửu Dương có khai sơn chùa Từ Bi, vì trên long vị của ngài thờ ở chùa sắc tứ Tập Phước Gia Định có ghi: "Từ Bi đường thượng, tam thập lục thế hỷ Tế Hiển, thượng Bửu hạ Dương đại lão Hòa thượng".

Năm 1747, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 8, ngài trùng hưng chùa Phổ Hóa do tổ Tế Dương Châu Cấp khai sơn ở xã Ninh Bình.

Năm 1763, ngài đã chứng minh đức Đại hồng chung ở chùa Thanh Lương xã Ninh Thân:

"Thượng Bửu hạ Dương, Hòa thượng chứng minh, Đại Việt quốc, Quảng Nam xứ, Bình Khang phủ, Tân Định huyện, Trung tổng, Bình An xã, Bình An thôn. Trụ trì tăng Tích Nhơn Đại sư, Thanh Lương tự phụng Phật, kim bốn đạo cập thập phương thiện nam tín nữ chúng đẳng. Cảnh Hưng nhị thập tứ niên, tứ nguyệt kiết nhật chú Hồng Chung..."

Có nghĩa là: "Tại thôn Bình An, xã Bình An, tổng Trung, phủ Bình Khang, huyện Tân Định, xứ Quảng Nam, nước Đại Việt, Hòa thượng hỷ thượng Bửu hạ Dương Chứng minh đức đại hồng chung, vào năm Cảnh Hưng thứ 24, tháng tư ngày lành chuông do đại sư Tích Nhơn trụ trì chùa Thanh Lương cùng thiện nam tín nữ, thập phương bốn đạo cúng dường tạo lập..."

Có lẽ trong chiến tranh sợ bị thu để làm vũ khí nên người trong chùa mang chung đi dấu, nhưng lâu quá bị thất lạc?



Tháp Tổ Bửu Dương

Một hôm, một người câu cá ở bầu Bơi bất ngờ trông thấy một đại hồng chung nổi lên rồi chìm xuống ở bầu. Người ấy lặn xuống nhìn thấy chiếc chuông nằm úp sát lớp cát ở đáy bầu. Nghe tin dân chúng xúm lại kéo lên, dùng hết sức mà quả chuông lớn vẫn không nhúc nhích. Sau đó dân làng thiết lập hương án cầu nguyện thì chuông kéo lên nhẹ nhàng.

Ngoài những công hạnh xây chùa, tạo tượng đúc chuông ra Hòa thượng Tế Hiển Bửu Dương đã đào tạo những đệ tử nổi danh như:

1. Hòa thượng Đại Thông Chánh Niệm (1710-1810)
2. Hòa thượng Đại Phước Liễu Tánh
3. Hòa thượng Đại Bửu Kim Cang (1740-1765)
4. Hòa thượng Đại Bồ Thiên Đề.

Ngày 20 tháng 2 năm 1791, tổ Tế Hiển Bửu Dương viên tịch tại tổ đình Thiên Bửu. Sư ra đi của ngài đã khép lại một cuộc đời tận tụy phục vụ đạo pháp nhân sinh trong buổi đầu mở đạo. Tổ Tế Hiển Bửu Dương là vị sao sáng trong rừng thiền, làm tỏ rạng thiền phái Liễu Quán tại xứ trầm hương. Kế thừa chùa Thiên Bửu khoảng 100 năm sau, Hòa thượng Thanh Chánh Phước Tường noi gương tổ tiếp tục truyền đuốc trao đèn và dày công đào tạo ra những danh Tăng phục vụ đạo pháp dân tộc. Ngọn đuốc Bồ Tát Thích Quảng Đức đã thắp sáng trang sử Phật Giáo Việt Nam trong mùa pháp nạn 1963. Thiền sư Tâm Trung Nhơn Thứ, người thắp ngọn đuốc tuệ soi sáng cõi sương mù Đà Lạt. Môn phong Liễu Quán tại Khánh Hòa đã thắp sáng niềm tin cho người Phật tử Việt Nam nhiều thế hệ.



Tam quan chùa Thiên Bửu thượng (trái) và Chùa Thiên Bửu hạ

Tháp tổ Tế Hiển Bửu Dương được môn đồ tứ chúng tạo lập tại chùa Thiên Bửu thượng. Đây là một trong những di tích lịch sử văn hóa cổ tháp nổi tiếng tại Khánh Hòa. Tháp cao 5,5m, trên đỉnh có hình hoa sen đỡ bình tịnh thủy, tất cả có 7 tầng, 56 góc của tháp đều gắn đầu rồng. Chung quanh tháp là lan can bao bọc, cao 1m rộng 6 tấc, bốn góc thành khắc hoa sen. Tầng trên cùng, ba mặt trước trang trí hoa văn lưỡng long tranh châu, các mặt chung quanh còn lại khắc hình những linh vật kỳ lân phụng hoàng. Kế tầng dưới 4 mặt chạm trở Phật ngự và hoa văn mai lan cúc trúc... Tầng dưới cùng phía trước đặt tấm bia, 7 mặt còn lại khắc các bài kệ bài tán bằng thể thơ ngũ ngôn hay bát cú.

Tháp tổ Tế Hiển Bửu Dương hình bát giác có 7 tầng tượng trưng thất Phật, hình bát giác tượng trưng bát chánh đạo. Chung quanh Tháp có xây thành hình vuông. Tại 4 góc thành có 4 cây trụ cao đắp hình hoa sen trên đầu trụ. Hai bên cửa Tháp có hai cây trụ lớn chạm nổi hình hai con rồng châu, hai bên cửa tháp có hai con lân phục. Đây là cổ tháp kiến trúc kỳ vĩ, chạm trở tinh vi, đường nét uyển chuyển mềm mại, sắc nét, có long châu, lân phục.

Bia Tháp có câu đối hai bên bia:

Chánh quả tại liên hoa thượng phẩm

Duyên thành ư bảo tháp trung sanh

Tạm dịch:

Chánh quả trên thượng phẩm hoa sen

Duyên thành nở giữa lòng bảo tháp

Bên phải tháp có bài kệ:

Kiến sắc phi ư không

Văn thính bất thị thiệt

Sắc thính ngã mạc tướng

Thân đáo liên hoa đài.

Tạm dịch là:

Thấy sắc chẳng phải không

Nghe tiếng không là thật

Sắc thính ta đừng nghĩ

Thân đến liên hoa đài

Tháp cổ Bửu Dương là một di tích cổ có nghệ thuật kiến trúc và chạm trở hết sức tinh tế của tiền nhân còn lưu tại làng quê yên bình Diêm Tịnh, Ninh Hòa. Hàng năm, vào ngày 19, 20 tháng 2 âm lịch, môn phong tổ chức lễ húy kỵ tổ sư Tế Hiển Bửu Dương tại tổ đình Thiên Bửu và hiệp kỵ chư vị lịch đại tổ sư kế thế trụ trì trùng hưng tam bảo là để tri ơn và tán dương công hạnh truyền thừa dòng thiền Liễu Quán nơi xứ trầm hương, một quê hương đẹp như ý thơ của ai đó đã diễn tả:

"Khánh Hòa là xứ trầm hương

Non xanh nước biếc, người thương đi về."

(còn tiếp một kỳ)

CHẠM ÁO VÀNG

*đi lên đồi xanh, cỏ nhẹ dưới chân
chạm chiếc áo vàng ngỡ là áo Phật
tiếng ai ân cần trong gió
lâng lâng tâm thức reo vui
một phút lắng yên không vọng động
một ngày sống thêm không phân vân
khô nhẹ những tiếng băng trác
âm thanh chạy theo ngôn ngữ
dung lượng tuổi đời hòa cùng thiên nhiên
con đường ra biển đông thêm chữ nghĩa
nhẹ nhàng như chim hót bên sông
gửi cho nhau chút bình yên trong làn
chiều dài của mấy phương trình toán học
những triết gia râu tóc lẫn xăn
đi cạnh thiên sư với mở kinh nhọc nhằn
mảnh trăng tàn thao thức
một đường cong chứa đầy ẩn ngữ
cặp kính nâu trên đồng sách năm yên
suy nghĩ đổ về từ trăm miền
đi về đâu con đường miên viễn
hành trình vạch sẵn
mặt trời mặt trăng chia tay nhau lãng mạn
biến dạng cùng năm tháng
biết bao giờ tình nhân ngưng tiếng than van
một lần ngoài đầu nhìn lại
tuổi thơ, tuổi trẻ, trung lão niên
những bàn tay với lấy linh thiêng
những trái tim ghi nhớ thánh hiền
viên sỏi trắng cuộn tròn ngũ uẩn
cuộc hồng trần vẫn thao thức uyên nguyên...*

HAI BỜ TỪ BI

*cuối vườn rụng mấy lá phong
hoang vu lối nhỏ sợi lòng buông thơ
ý tuôn mưa nhẹ giọt hồ
thắm vai áo mỏng hai bờ từ bi
con chim hót tiếng nhu mì
nghe như xao động xuân thì sắc hương
đôi chuông nhỏ xuống tứ phương
lắng sâu tâm thức vô thường trần ai
tường rêu lá đổ hình hài
cuốn dây ngũ uẩn miệt mài tình xưa
đi về một kiếp đông đưa
hóa thân huyền ảo dư thừa cuộc chơi*

thơ **THY AN**

THÍCH NHẤT HẠNH MỘT LÃO HIỀN TRIẾT PHẬT GIÁO VÀ MỘT ĐỨA TRẺ

Bài viết của Bà **Marie-Laurence Cattoire**
đưa lên báo ngày 25.01.2022
(*Thích Nhất Hạnh, le vieux sage bouddhiste et l'enfant*)

HOANG PHONG dịch

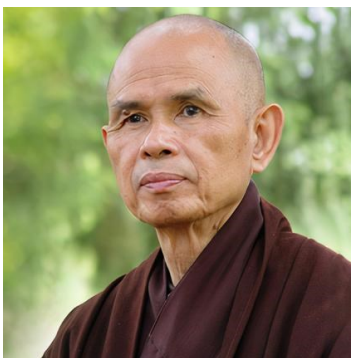
NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Thích Nhất Hạnh, Thiền sư Zen Việt Nam, một gương mặt lớn của Phật giáo dân thân, sinh năm 1926, vừa viên tịch ngày 22 tháng giêng. Tổ hợp báo chí "Le Monde" về tôn giáo tường thuật lại hành trình và tư tưởng của một con người tranh đấu cho hòa bình.

Thích Nhất Hạnh một người nổi tiếng khắp thế giới, từng tiếp đón chúng tôi vào dịp phỏng vấn ông năm 2014, lúc đó ông sắp tròn 88 tuổi. Cuộc phỏng vấn này cũng là một trong các cuộc phỏng vấn cuối cùng của ông. Vào đúng năm đó ông bị tai biến mạch máu não và từ đó ông không còn xuất hiện trước công chúng nữa. Ông viên tịch tại Việt Nam ngày 22 tháng giêng, lúc 95 tuổi. Hôm nay chúng tôi phác họa lại chân dung của ông theo Làng Mai. Làng Mai là một tập thể tu tập Phật giáo do chính ông thành lập tại vùng Dordogne (*Tây Nam nước Pháp*) năm 1969.

Thích Nhất Hạnh đã biến đời mình thành một cuộc dẫn thân. Dù ngày nay số đệ tử đông đảo của ông nhìn vào ông như một nhà hiền triết, thế nhưng không vì thế mà ông không phải là một nhà cách mạng sâu xa, từ lâu đã công khai phê phán một nền tín ngưỡng xơ cứng (*sclerosis / chai cứng, khô cứng*) trên quê hương ông. Xuất gia năm 16 tuổi (*chính thức được thọ đại giới năm 23 tuổi - lời dịch giả*), và sau đó ông đã quy tụ được đông đảo lớp người trẻ tuổi Việt Nam, say mê trước viễn tượng của một nền Phật giáo tân tiến, sẵn sàng dẫn thân vào thế giới.

Năm 24 tuổi, ông đứng ra thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Ấn Quang (*đúng hơn đến năm 1965 ông mới bắt đầu giữ chức Chủ bút tuần san Hải Triều Âm thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - dịch giả*) nơi này đã trở thành chiếc nôi của một cuộc tranh đấu phi bạo lực, chống lại chiến tranh Việt Nam vào những năm 1963 đến 1975. Năm 1965, ông thành lập tập thể Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, quy tụ gần 10 000

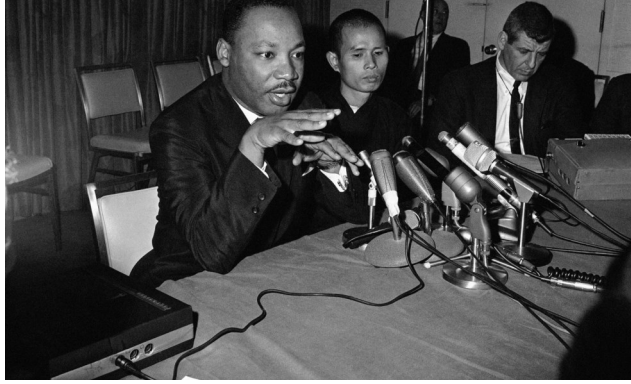


người trẻ tuổi đứng lên vì xã hội, họ là những con người tranh đấu cho hòa bình từ bên trong lòng một cuộc chiến. "*Nếu không tạo được một tập thể thì chẳng làm được gì cả*" đây là niềm tin mà ông cùng chia sẻ với Martin Luther King (1929-1968) (*mục sư Tin lành, tranh đấu cho nhân quyền, đoạt giải Nobel Hòa bình 1964, chết vì bị ám sát*) khi hai người gặp nhau lần đầu tiên tại Chicago (1966). Đối với vị tu hành Phật giáo đó thì một người làm chính trị, một nhà giáo, một nhà trị liệu, một người đàn ông hay một phụ nữ kinh doanh, [tất cả] luôn phải tự nhắc nhở mình là phải thành lập một *sangha (tăng đoàn)*, tức là một tập thể, thì mới mong thực hiện được "*các giấc mơ*" của mình.

Việc học hỏi của ông trong thế giới Tây phương (theo học tại đại học Princeton, Hoa Kỳ) càng làm gia tăng thêm tinh thần cởi mở và lòng hăng say thiết lập một nền Phật giáo có thể quy tụ được thật nhiều người. Sau những năm dài chịu đựng mọi sự hăm dọa và ám hại, Thích Nhất Hạnh đành phải chọn kiếp sống lưu vong. Ông tị nạn tại Pháp năm 1969, sau đó đến năm 1982 thì ông thành lập tu viện Làng Mai tại vùng Bordeaux, ngày nay là một trong số các tu viện quan trọng nhất trên đất Pháp. Làng Mai - hay "*Tập thể đáng yêu*" theo cách gọi của người bạn của ông là Martin Luther King - từ lúc mới thành lập đến nay đã chủ trương một phép tu tập gọi là "thiền định dựa vào hành động", và mỗi năm đều quy tụ được hàng ngàn người thế tục.

"Một nụ cười cũng có thể làm biến đổi cả thế giới"

Uy lực tự nhiên của Thích Nhất Hạnh hiện lên trên một gương mặt thật nghiêm khắc, tương phản một cách thật lạ lùng với một nụ cười rạng rỡ trên môi, mỗi khi ông cất tiếng để nói lên một điều gì đó. "*Một nụ cười cũng có thể biến cải được thế giới này*", vị thiền sư Zen hiểu rõ điều đó. Tiếp xúc với ông sẽ không khỏi nhận thấy ông là một



con người vô cùng cứng rắn, thế nhưng ông vẫn giữ được nguyên vẹn cái mong manh và cả sự yếu mềm của một đứa bé mà ông cứ mang trong lòng.

Thầy ("thầy" là cách mà chúng tôi gọi ông theo người Việt Nam) tiếp đón chúng tôi với một tách trà; sự tiếp đón đó là cách buộc chúng tôi trước hết phải biết tận hưởng một niềm vui chung được ngồi với nhau, bên cạnh nhau, tại nơi này, giữa một hiện thực thật tròn đầy, trước khi cùng nhau bắt đầu thảo luận. "Với một tâm thức tròn đầy (*pleine conscience / mindfulness / chánh niệm*), chúng tôi cùng cảm thấy một niềm hoan lạc khi cùng thốt lên với nhau những lời đúng đắn" (ý nói đến *Con đường gồm tám yếu tố đúng đắn / Bát chánh đạo*). Đây là cách mà chúng tôi bắt đầu cuộc đàm thoại trong "chiếc am" làm bằng gỗ của ông trên lưng đồi, nhìn xuống một thung lũng.

Với những ngôn từ trực tiếp và đơn giản, vượt lên trên mọi giáo điều, Thầy đề cập một cách thật lưu loát các chủ đề về tâm lý học Tây phương, chẳng hạn như nền triết học của Descartes - bằng cách nêu lên thật dí dỏm: "Tôi suy nghĩ tức là tôi không thực sự hiện hữu!" (*René Descartes là một nhà toán học, vật lý học và triết gia người Pháp, thế kỷ XVII, đã thốt lên một câu rất nổi tiếng: "Tôi suy nghĩ tức là tôi hiện hữu", câu này đối với Phật giáo không mang một ý nghĩa nào cả, bởi vì đối với Phật giáo thì tất cả mọi hiện tượng đều chuyển động, đổi thay, tự chúng và bởi chính chúng không hề hàm chứa một sự hiện hữu đích thật và nội tại nào cả, kể cả những sự suy nghĩ và các sự tạo dựng trong tâm thức một cá thể*) và cả các chủ đề khoa học. Thầy cũng thuật lại với chúng tôi một câu chuyện trong thiền Zen về một người cưỡi ngựa đang phóng thật nhanh. Người này bất chợt gặp một người bạn và người bạn này cất lời hỏi: "Bạn đang phóng ngựa đi đâu đấy?" Người kỵ mã trả lời rằng: "Tôi cũng không biết, bạn cứ hỏi con ngựa của tôi". Đối với vị thầy Zen thì đây chính là hoàn cảnh của chúng ta ngày nay: "Con ngựa là Mạng lưới thông tin (*Internet*), và chúng ta (những người cưỡi ngựa) không sao chủ động được nó" (trẻ con thì chơi các trò chơi điện tử, người lớn thì xem những chuyện nhảm nhí hoặc vô bổ, tất cả các thứ đó chỉ là cách nghiền nát sự suy nghĩ của mình, làm tiêu hao ngày tháng quý báu trong cuộc đời mình. Ngoài ra Mạng lưới thông tin cũng là một công cụ lèo lái con người một cách kín đáo. Tuy thế nếu chủ động được con ngựa, không để nó hất mình xuống đất hay xuống hồ thì nó cũng có thể là một phương tiện giúp

minh đi nhanh và xa hơn).

Thế nhưng tất cả con người của ông và cả trí thông minh của ông cũng chỉ hướng vào một mục đích duy nhất là sáng tạo các phép tu tập mới, hầu đối phó với những khổ đau mới trong xã hội chúng ta ngày nay. "Tôi chỉ duy nhất hiện dâng những gì có thể giúp đỡ được mọi người, bởi vì thời gian thật quý báu... Thời gian quý hơn tiền bạc, thời gian chính là sự sống!" Truyền bá các phép thiền định mới, thích ứng với thời đại chúng ta, chính là sự dẫn thân của Thích Nhất Hạnh.

Chẳng hạn như "Tiếng chuông của một tâm thức tròn đầy" (*"Mindfulness Bell"*). Tại Làng Mai mỗi khi nghe thấy tiếng chuông vang lên thì tất cả mọi người đều dừng tay vài giây, những giây phút dừng lại đó sẽ giúp mình quay về với thân xác mình, với hơi thở của mình. "Chúng ta hít thở [tức là] chúng ta thật sự hiện hữu [tại nơi này và trong lúc này], nhờ đó tất cả [những gì chung quanh chúng ta và cả bên trong con người của chúng ta] đều trở nên rất thật" (*nhằm tôn trọng ý nghĩa của câu nói xin trích dẫn nguyên văn tiếng Pháp như sau: "Nous respirons, nous sommes vraiment là, alors tout devient plus vrai", tạm dịch sang tiếng Anh như sau: "We breathe, we are really there, so everything becomes more real"*). Thầy khuyên những người thế tục nên giữ thói quen đó khi trở về nhà [sau các khóa tu tập tại Làng Mai], chẳng hạn như mỗi khi nghe thấy tiếng chuông điện thoại [thì hãy dừng lại với chính mình vài giây trước khi bốc máy] (*không nên gắn cái ống nghe của điện thoại cầm tay vào tai mình, hoặc dán mắt vào màn hình của máy để xem những chuyện vô bổ hay chơi các trò chơi điện tử. Mỗi giây phút trong đời mình là một gia tài quý báu, không nên phí phạm một cách vô ý thức*). Dù cho phép luyện tập đó (*thiền định dựa vào hành động*) có vẻ kỳ lạ cách mấy đi nữa, thế nhưng chẳng phải nó cũng có thể che chở chúng ta trước cuộc chạy đua điên rồ đang gặm nhấm cả thế giới này (*mặc dù gọi là "thiền định dựa vào hành động" thế nhưng hành động trong phép thiền định đó lại là một sự dừng lại, dừng lại đối với từng cử chỉ, từng ngôn từ và từng tư duy của mình, hầu giúp mình có thể trở về với mình, với con người đích thật và sâu xa của chính mình*).

Phép thiền định về một cốc nước ngọt có gas (*limonade / soft drink*)

Ngoài ra cũng có một nơi mang những thứ khổ đau thật tầm thường, đó là gia đình; thế nhưng Thích Nhất Hạnh vẫn tin rằng thiền định là một bức tường thành có thể ngăn chặn được mọi hình thức hung bạo, và ông cũng là người đầu tiên đứng ra tổ chức các khóa tu học cho trẻ em. Vào dịp hè, Làng Mai nhận nhiệm vụ với các đám trẻ em nô đùa hòa lẫn với tiếng cười của chúng. "Chúng tôi từng tổ chức các khóa tu học cho trẻ em với sự cổ xúy của cha mẹ cùng đi với chúng. Đối với trẻ em việc tu tập thật vui vẻ. Chúng thích tàn bộ hoặc ngồi xuống với một tâm thức tròn đầy (*mindfulness / chánh niệm*) để tận hưởng sự yên lặng. Chúng tôi tập cho các em cách đánh chuông và cả phép thiền định bằng cách uống trà, thế nhưng chúng tôi thay các tách trà bằng những cốc nước ngọt có gas!"

Trong một tác phẩm mang tựa Chăm sóc cho đứa bé nội tâm (*"Prendre soin de l'enfant*



Nhà sư Phật giáo Thích Nhất Hạnh, ảnh chụp vào tháng bọ năm 2007 tại chùa Vĩnh Nghiêm, Việt Nam (Anh của Associated Press, kèm theo bài báo trên đây)

intérieur" - "L'Esprit d'ouverture", nhà xuất bản Belfond, 2014), Thích Nhất Hạnh khuyên dạy chúng ta phải biết đàm thoại với đứa bé bên trong nội tâm mình. "Trong mỗi con người chúng ta luôn có một đứa bé đang phải gánh chịu khổ đau. Thế nhưng không phải chỉ cần ngoảnh mặt đi thì đứa bé sẽ biến mất!" Thầy cho biết là đứa bé ấy cần đến sự chăm sóc của chúng ta. Nhờ vào phương tiện thiện xảo đó, chúng ta sẽ có thể tiếp cận dễ dàng hơn với sự mong manh của chính mình mà chỉ cần đến thật ít bạo lực.

Đối với vị thầy tâm linh thì nếu muốn khơi động lòng nhân từ, mang lại sự hòa giải trong gia đình hoặc tái lập lại sự giao hảo lành mạnh với bè bạn, thì trước hết chúng ta phải chăm lo cho đứa bé bên trong nội tâm mình, đứa bé đó luôn sinh động, thế nhưng nó lại thường bị tổn thương. Có thể vì quá bận rộn nên chúng ta thường quên không chăm sóc cho đứa bé đó; vì vậy phải tạo ra cho mình những giây phút thành thời để có thể trở về với mình, để hàn huyên với đứa bé bên trong chính mình, hầu giúp nó thoát ra khỏi khổ đau đang nghiền nát nó. Hãy thiền định vài phút mỗi ngày giúp mình nghe thấy tiếng nói của nó, ôm chặt nó vào lòng và khóc với nó nếu cần, đẩy nó ra con đường chữa trị [cho bản thân mình].

"Đứa bé trong tôi lúc nào cũng sinh động, tôi rất thích những đứa trẻ quay quần chung quanh tôi". Sau một lúc yên lặng, Thích Nhất Hạnh ngược lên, nhìn vào tấm chân dung của mình thời còn trẻ treo trên vách am. Quả là một điều hết sức bất ngờ, ông cho biết con đường vượt lên trên mọi lý thuyết đó, không hề ở bất cứ một nơi nào khác cả, mà là ở tại nơi này, bên trong mỗi con người của chúng ta.

Vài lời ghi chú của người dịch

Bà Marie-Laurence Cottaire, tác giả của bài viết trên đây là nhà văn và nhà báo, rất năng hoạt và tích cực, thường xuyên hợp tác với tổ hợp báo chí Le Monde, một trong số các tổ hợp báo chí lâu đời và uy tín nhất của nước Pháp. Bà viết sách và giảng dạy về thiền định, riêng bà đã luyện tập thiền định hơn hai mươi năm nay. Bài báo trên đây được đăng tải trên báo Le Monde ba ngày sau khi có tin Thiền sư Nhất Hạnh viên tịch. Thế

nhưng trước hết nên dành ưu tiên cho báo chí trong nước và của người Việt Nam trên thế giới loan tin trước, và sau đó thiết nghĩ cũng nên nêu lên một vài quan điểm và tầm nhìn của những người Tây phương về sự ra đi của vị thiền sư Việt Nam nổi tiếng này. Một số chi tiết trong bài báo trên đây thật ra cũng đã được trích ra từ một bài phỏng vấn trên báo Le Monde về Thích Nhất Hạnh từ năm 2014.

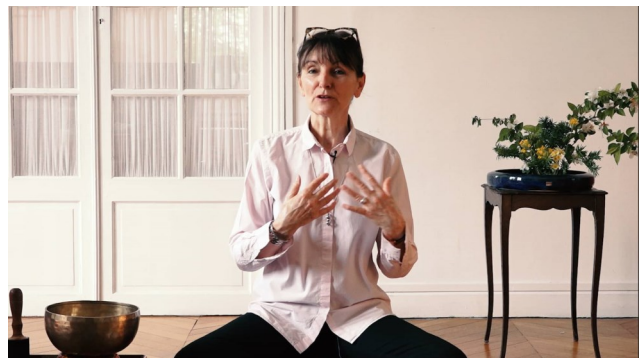
Theo bài báo trên đây thì thiền sư Thích Nhất Hạnh không những là một người tu hành, một nhà hiền triết, mà còn là một nhà cách mạng thật sâu xa. Thế nhưng chủ đích của cuộc cách mạng đó của ông chỉ là để mang lại một nền hòa bình bên trong một cuộc chiến tương tàn. Phương tiện của cuộc cách mạng đó là phi bạo lực, không sử dụng súng đạn, hận thù và dối gạt. Cuộc cách mạng đó chỉ dựa vào lòng nhiệt huyết của tuổi trẻ trước lý tưởng phụng sự xã hội và lòng nhân từ giữa con người với nhau, giữa những con người cùng một dòng máu, cùng một dân tộc, cùng một giống nòi.

Người ta thường nói một con chim én không tạo được một mùa xuân, thế nhưng đôi khi một con én lạc đàn cũng có thể mang lại một vài tia nắng ấm nơi những phương trời xa lạ. Hôm nay con chim én đó đã tách ra khỏi đường bay, đã gãy cánh giữa lưng trời, trong lúc một mùa xuân đang chớm nở.

Sau hết, xin trích dẫn một câu phát biểu của thiền sư Nhất Hạnh: *"Tôi không hiểu tại sao chúng ta lại cứ phải nói lên là 'Tôi sẽ chết', bởi vì tôi đã nhìn thấy tôi bên trong chính bạn, bên trong các kẻ khác, và cả bên trong các thế hệ mai sau"* (câu này được dịch lại từ một câu tiếng Anh của ông: *"I don't see why we have to say 'I will die', because I can already see myself in you, in other people, and in future generations"*).

**Bures-Sur-Yvette, 12.02.22
Hoang Phong chuyển ngữ**

(Độc giả có thể xem bản gốc tiếng Pháp bài viết trên đây của bà Marie-Laurence Cattoire theo địa chỉ liên kết: https://www.lemonde.fr/le-monde-des-religions/article/2022/01/25/thich-nhat-hanh-le-vieux-sage-bouddhiste-et-l-enfant_6110954_6038514.html)



Tác giả bài viết bà Marie-Laurence Cattoire (hình Internet)

Chùm Thơ Xuân

迎壬寅春

壬寅春到國家安
疫病消除世界閒
梅菊花開迎祿壽
竹桃色潤進財康
刀兵斷盡義恩結
福德重逢福壽長
天地溫和風雨順
清平盛治映陽光

Phiên âm:

NGHINH NHÂM DẦN XUÂN

Nhâm Dần Xuân đáo quốc gia an
Dịch bệnh tiêu trừ thế giới nhàn
Mai cúc hoa khai nghinh lộc thọ
Trúc đào sắc nhuận tấn tài khương
Đao binh đoạn tận nghĩa ân kết
Phúc đức trùng trùng phước thọ trường
Thiên địa ôn hoà phong vũ thuận
Thanh bình thành trị ánh dương quang

Dịch thơ:

ĐÓN XUÂN NHÂM DẦN

Nhâm Dần xuân đến quốc gia an
Dịch bệnh tiêu trừ thế giới nhàn
Cúc thắm mai vàng nghinh lộc thọ
Đào hồng trúc biếc đón tài khương
Đao binh dứt sạch nghĩa ân kết
Phúc đức trùng trùng phước thọ trường
Trời đất ôn hoà mưa gió thuận
Thanh bình thịnh trị sáng dương quang.



XUÂN SANG

Xuân sang nắng ấm đượm hương nồng
Năm mới Nhâm Dần Xuân sắc trong
Trí tuệ vun bồi nhân đức tích
Từ bi ban trải nghĩa ân tròn
Nguồn thiện tỏa sáng an non nước
Ánh đạo ngời soi tịnh núi sông
Phật pháp xương minh tâm đức sáng
Nhân sinh an lạc ánh dương hồng.

VỊNH CẢNH HOA XUÂN CHÙA LẦU

Tăng nhân sáng sớm nhấp chung trà
Tĩnh mạch vườn chùa cúc nở hoa
Thược dược nghinh Xuân mừng Tết sáng
Mai vàng đón Tết chúc Xuân ngà
Hoa thiên tỏa rạng người vui trước
Lối đạo ngời soi khách lắng tà
Cửa Phật thanh bình Xuân cát thịnh
Nhâm Dần Xuân đáo ánh thiên pha...!

GÌN NON NƯỚC

Cha ông dựng nước đã dày công
Tổ quốc hồn thiêng rặng núi sông
Biển đảo đừng cho tham giặc chiếm
Biên cương chớ để bạo tầu xông
Cơ đồ xã tắc nên gìn giữ
Giặc dã âm mưu hãy ngưng phòng
Con cháu Lạc Hồng trong bốn biển
Xuân về Tết đến kết nguyện mong...!

California, 2:00 am, 30-01-2022

TRÚC NGUYỄN — THÍCH CHỨC HIỀN

Cuộc Chiến Hai Bàn Tay

TN. NHƯ THỦY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Xưa có anh chàng con nhà giàu đẹp trai học giỏi, nhưng chỉ có cái tật cố chấp cùng mình.

Một hôm, dùng búa đóng đinh lơ đễnh thế nào mà bàn tay trái của anh nện phải tay mặt một cái đau điếng. Từ đó, anh đâm ra ác cảm cố chấp đối với bàn tay trái. Luôn luôn anh rắp tâm tìm dịp trả thù.

Bữa nọ, tay trái đóng cửa vô ý làm kẹt bàn tay phải đau điếng. Anh chàng liền nổi giận lôi đình, mở một cuộc chiến sống chết giữa hai bàn tay.

Kết cuộc người ta không rõ bàn tay nào thắng trận, chỉ biết thân nhân anh phải chờ anh vào nhà thương để bó bột hai cánh tay và chữa bệnh tâm thần.

Em thân mến!

Không có câu chuyện nào vô duyên và vô lý bằng câu chuyện trên đây cả. Trên thực tế, ta không bao giờ thấy có một trận thư hùng giữa hai bàn tay.

Thế mà trong mỗi con người chúng ta, giây phút nào lại vắng bóng những cuộc chiến đằng dai giữa những vọng niệm thiện và ác.

Cũng như anh chàng trên, hạng tu sĩ chúng ta, ai cũng dành nhiều cảm tình, sẵn sàng khoan dung đối với những tư tưởng thiện và ngược lại, chúng ta rất bức bối, đầy thù hằn, ác ý với những vọng niệm xấu ác của chính mình.

Em đã từng nghe nói đến Phật tính chân tâm, nhưng chưa bao giờ em biết cái thực thể ấy nằm ở đâu, trong ngõ ngách nào. Từ đó không thể tin ở ở bên ta. Trên xác thân vô thường sinh diệt này

và chỉ có một lối cuối cùng là tìm nó nơi tâm mình mà thôi.

Nhưng hỡi ơi! Khi nhìn lại bản tâm của mình em sẽ thấy không biết cơ man nào là những vọng tưởng thiện ác đua nhau trình diễn, chúng sinh diệt loạn động liên miên. Vì đã được trui rèn từ thuở nhỏ, lúc nào ta cũng có khuynh hướng thiên về chân, thiện, mỹ và ghét cay ghét đắng những gì ngược lại. Do đó, mà trong ta, lúc nào cũng có những cuộc chiến dai dẳng giữa hai thể lực đối nghịch nhau. Phe nào thắng thì ta cũng mệt nhoài, vì cả hai đều là những vọng niệm của mình cả.

Em thân mến!

Nếu em thấy rằng mình còn sức để mở thêm một cuộc đọ sức giữa hai bàn tay nữa thì xin em cứ tiếp tục! Bằng ngược lại, em đã mệt nhoài, nằm không xong mà thả cũng chẳng ra, thì tôi xin đề nghị: chúng ta hãy thử một lần nhìn thẳng vào những vọng niệm sinh diệt ấy, bất kể nó là thiện hay ác, ta vẫn nhìn nó bằng một thái độ từ hòa như nhìn hai bàn tay của mình không thiên trọng cái nào hết... thì cái gì sẽ xảy ra? Khi anh chàng trên không còn thù nghịch bàn tay trái nữa... thì... anh ta sẽ được ra khỏi nhà thương điên và tùy tiện sử dụng hai bàn tay. Chỗ này người xưa bảo: "Lược sống nào cũng là nước cả" hay "Mỗi vọng niệm là một hóa thân Phật vậy."

Em có thấy thế không?

(trích *Hư Hư Lục* của Ni sư TN. Như Thủy)





CHÙM THƠ TIỀN BƯỚC CHÂN ANH

Kính tiễn anh **Tâm Kiểm - Bạch Hoa Mai**
thơ Tâm Thường Định

1.
Qua Bạch thôn trang
Hoa Mai đã nở
Cả ngoài lẫn trong.

Có những buổi bình minh
Chim líu lo ca hát
Giữa cách đồng Bát ngát
Bao nguồn xanh nhiệm màu

2.
Anh đi cánh nhận lưng trời
Thăng trầm ngọt đắng một đời áo lam
Tâm hương lệ chảy hai hàng.

Ở tận cùng khổ đau
Cũng có mầm hạnh phúc
Người như sông có khúc
Thấy dòng chảy nhân sinh

3.
Tình lam vẫn mãi ngàn đời
Mong anh trở lại như lời hẹn xưa.

Đời sống bao nghĩa tình
Có gì đâu còn mất?
Giữa cõi đời tất bật
Bi-Trí-Dũng đồng hành!

4.
Mưa Cali thấm lạnh
Tin Anh mát lạnh thêm
Gió reo rất quanh thềm
Lăng Cô càng ảo não.

Cuộc sống quá mong manh
Tấm lòng ta đáng hết
*"Và nếu mai ta chết
Nụ cười mỉm trên môi!"* *

5.
Anh giỏi hoạt động thanh niên
Tượng đài GDPT anh thiết kế
Bao công trại anh làm
Bao trại mộc anh đến
Bao đơn vị dựng xây
Anh đều làm trọn vẹn.

8.
Anh đi mây qua núi
Hoa Đà cũng nở rồi
Anh ơi! Đừng tiếc tuổi
Tự tại ở bên Không.

6.
Anh nhẹ gót thong dong
Buồn vương sâu ở lại
Thút thít mưa trong lòng
Bao tình thương còn lại.

9.
Tâm Kiểm thoát vòng sanh tử
Bạch Hoa Mai tọa áng sen vàng.

7.
Nhớ lời xưa, "mọi sự nhờ hai em!"

10.
Uyên nguyên muôn đời tĩnh tịch
Chân không diệu hữu thông dong.

Sacramento. Ngày tiễn Anh đi
Jan. 11th, 2022

XIN HÃY CÙNG NHAU!

Đôi mắt ai cay cay
Chưa bao giờ buồn thê
Và những điều có thể
Ta nói không nên lời

Giữa những nỗi chọi voi
Tìm về trong cõi vắng
Khi tâm ta tĩnh lặng
Sẽ nhận thấy chính mình

* Ý thơ HT Minh Đạt



BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khuru Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG VI CHÁNH NIỆM (Samma Sati)

Đức Phật dạy rằng Pháp, thực tại của sự vật (paramattha-sacca: chân đế. ND) có thể thấy trực tiếp trong hiện tại (sanditthik. ND), vượt ngoài thời gian (ehi-passiko. ND), mời gọi chúng ta đến để mà thấy (ehi-passiko. ND). Ngài còn dạy, nó luôn luôn có mặt với chúng ta và nơi nó được nhận ra đúng như sự thật là từ bên trong của mỗi người (nằm uẩn. ND) (1). Thực tại của sự vật, Pháp, không phải là những gì huyền bí và xa lạ mà là sự thật từ nhận thức của chính chúng ta. Nó chỉ được nhận thức đúng bằng sự hiểu biết chính xác và toàn diện về những cấu trúc của nó thông qua nhận thức của chúng ta. Để sự thật này trở thành sự thật cho giải thoát, chúng ta phải hiểu biết nó một cách trực tiếp. Nếu chỉ bằng tin ngưỡng, bằng sự tin tưởng và thẩm quyền của kinh sách hay vị thầy hay từ sự suy nghĩ theo luận giải và diễn dịch thì chưa đủ để thấy đúng pháp. Nó phải được hiểu biết bằng sự quán sát, hiểu rõ ràng và hội nhập bằng trí tuệ, cũng là sự thấy biết trực tiếp.

Yếu tố đưa lãnh vực nhận thức vào sự tập trung chú ý và làm cho nó đạt đến nhận thức chính xác là tâm sở “sati” trong ngôn ngữ Pàli, thường được dịch là “niệm”. Niệm là sự có mặt của tâm, sự chú ý hay biết rõ. Tuy nhiên, sự biết trong “niệm” này khác hẳn với sự biết hoạt động trong nhận thức thông thường của chúng ta. Tất cả sự nhận thức (của các giác quan. ND) đều liên quan đến “sự biết” theo ý nghĩa sự phân biệt hay ghi nhận về một đối tượng. Nhưng đối với sự tu tập về niệm thì sự hiểu biết rõ được áp dụng ở một mức độ đặc biệt. Tâm được giữ vững ở mức độ chú ý trọn vẹn, sự quán sát khách quan những gì đang xuất hiện trong ta và quanh ta ngay trong lúc hiện tại. Trong sự tu tập về chánh niệm, tâm được rèn luyện duy trì ở hiện tại, sáng suốt, lặng lẽ và tỉnh thức, quán sát vào sự việc đang xảy ra.



Tất cả những sự phán đoán và giải thích về đối tượng phải được ngưng lại. Nếu chúng xuất hiện thì chỉ ghi nhận và để đi qua. Công việc chỉ đơn giản là ghi nhận bất kỳ điều gì xảy ra như nó đang diễn ra, lướt trên những thay đổi của sự việc như người lướt sóng trên biển. Toàn bộ tiến trình đều là cách tập trung về hiện tại, trọn vẹn ở đây và lúc này, không bị trượt qua hướng khác, không bị cuốn đi bởi thủy triều loạn niệm.

Chúng ta có thể nghĩ rằng chúng ta luôn luôn biết đúng được hiện tại nhưng đó chỉ là ảo tưởng. Hiếm khi chúng ta biết được hiện tại một cách chính xác ngoại trừ khi thực hành chánh niệm. Trong nhận thức thông thường, tâm bắt đầu tiến trình nhận thức bằng sự tiếp xúc (phassa/xúc: sự hợp nhất của giác quan, đối tượng và thức. ND) với đối tượng trong hiện tại nhưng tâm không dừng lại ở xúc. Thay vào đó, nó dùng xúc trong chớp nhoáng đó làm bàn đạp để xây dựng những hình ảnh trong tâm, không còn giữ bản chất thật sự của dữ liệu. Tiến trình nhận thức thường có tính cách diễn giải. Tâm nhận thức đối tượng

mà không bị khái niệm hoá chỉ xảy ra trong thời gian rất ngắn. Rồi thì, ngay sau khi tiếp nhận đối tượng bằng xúc, nó bắt đầu tiến trình hình thành ý tưởng bằng cách diễn giải đối tượng theo nó, cố làm cho dễ hiểu dựa trên những phạm trù và giả định của riêng nó. Để làm được việc này, tâm thiết lập những khái niệm, kết nối những khái niệm ấy thành những cấu trúc, sắp xếp những khái niệm cùng cố nhau, rồi kết hợp những cấu trúc ấy lại với nhau trở thành các sơ đồ diễn giải phức tạp. Thế là, nhận thức đầu tiên và trực tiếp bị khái niệm hóa phủ lên và đối tượng được nhận thức hiện ra không chính xác sau những lớp khái niệm và quan điểm dày đặc, giống như mặt trăng bị mây che.

Đức Phật gọi tiến trình cấu trúc tâm lý này là papañca, hý luận; với những ý nghĩa “chế biến,” “thêm thắt,” “sự sinh sôi nảy nở của khái niệm.” Những sự chế biến này phác họa ngay hình ảnh tiêu biểu cho hiện tượng, làm chúng ta chỉ biết đối tượng qua một trung gian chứ không đúng như nó

đang là. Nhưng những sự chế biến không những ngăn che sự hiểu biết mà còn tạo nên nền tảng cho định hướng (sai lầm.ND). Tâm bị vô minh lửa gạt và che đậy, suy nghĩ ra những khái niệm theo riêng nó rồi phóng ra bên ngoài, áp đặt những khái niệm ấy lên đối tượng như thể những khái niệm ấy chính là đối tượng. Kết quả là những gì chúng ta được biết giống như là sự nhận thức chính xác về đối tượng. Thế nên, những gì mà chúng ta dùng làm cơ sở cho tiêu chuẩn, kế hoạch và hoạt động của chúng ta chỉ là những sản phẩm chấp vá chứ không còn nguyên bản. Thật sự, sản phẩm trên không phải hoàn toàn là ảo tưởng hay tưởng tượng. Nó cũng được hình thành từ những gì nó lấy trong nhận thức đầu tiên để làm cơ sở và nguyên liệu nhưng còn có những cái khác kèm theo: những thêm thắt do tâm hư cấu ra.



Ấm thầm làm động lực cho tiến trình hư cấu này là những phiền não chìm sâu bên dưới, không thấy được. Nhóm phiền não này tự tạo ra những hư cấu nhưng lại tưởng rằng chúng là sự thật đang ở ngoài nên dùng chúng làm đà để ngoi lên bề mặt của nhận thức. Đây là nơi mà các phiền não tạo thêm nhiều phức tạp nữa. Việc sửa sai các khái niệm lầm lẫn này là vai trò của trí tuệ. Nhưng để hoàn thành vai trò này có hiệu quả, trí tuệ cần phải tiếp cận trực tiếp đối tượng như nó đang là, dọn sạch những chế biến của khái niệm. Việc làm của chánh niệm là làm sáng tỏ lãnh vực nhận thức. Niệm làm cho nhận thức được sáng suốt trong hình thức trực tiếp trong sáng của nó. Chánh niệm ghi nhận đối tượng như nó đang là, trước khi nó bị sơn phết bằng lớp sơn khái niệm, che phủ bằng diễn giải. Như vậy, sự tu tập chánh niệm không phải là việc cố làm cho nhiều mà là việc "không làm": không suy luận, không đánh giá, không liên tưởng, không trừ tính, không tưởng tượng, không mong ước. Tất cả những "việc làm" ở trên của chúng ta là những hình thức can thiệp, những cách mà tâm chi phối nhận thức và cố gắng củng cố địa vị thống trị của nó. Chánh niệm tháo gỡ những nút thắt và sự phức tạp của những "việc làm" ở trên bằng cách chỉ ghi nhận. Nó không làm gì cả ngoài ghi nhận, quan sát nhận thức theo từng thời điểm khi phát sinh, tồn tại và mất đi. Trong sự quan sát, không có chỗ bám víu, không bắt buộc phải nhận lãnh gánh nặng từ dục vọng, chỉ có tiếp tục quan sát nhận thức như nó đang là, ngay trong lúc ấy bằng sự chú ý, chính xác và liên tục.

Chánh niệm đóng vai trò điều khiển trong lãnh vực tu tập. Nó giữ tâm ổn định trong hiện tại, không bị trôi dạt về quá khứ hay tương lai theo những kỷ niệm, hồi tiếc, lo sợ và hy vọng. Tâm bị thất niệm đôi khi được so sánh như quả bí đỏ; tâm có chánh niệm như viên đá. (2) Trái bí đỏ đặt trên

mặt ao nước thì sẽ trôi đi xa dần và vẫn nổi trên mặt nước. Nhưng một viên đá thì không trôi. Nó ở yên nơi nó được bỏ xuống, chìm ngay vào trong nước và đi đến tận đáy. Giống như vậy, khi có chánh niệm vững vàng, tâm dùng ngay trên đối tượng của nó và quán sát trọn vẹn những đặc tính của đối tượng, không giống như sự suy nghĩ lan man và chỉ lướt qua bề mặt khi tâm mất chánh niệm.

Niệm tạo điều kiện để đạt kết quả cho cả thiền chỉ và thiền quán. Nó có thể dẫn đến định hay tuệ, tùy theo cách nó được áp dụng. Chỉ thay đổi một chút trong cách

áp dụng có thể tạo ra sự khác biệt chia hai tiến trình hành thiền tùy theo phương pháp đang làm. Nó có thể đi sâu vào những mức định tĩnh trong nội tâm, đạt đến trạng thái cao nhất của thiền định, jhàna. Hay là, nó lột bỏ những ảo tưởng bên ngoài để đạt đến tuệ tri. Để đạt đến những giai đoạn định tĩnh, công việc quan trọng nhất của niệm là giữ vững tâm liên tục trên đối tượng, không cho tán loạn. Niệm phục vụ như người quản lý với trách nhiệm giữ chặt tâm không cho rời khỏi đề mục thiền định và tự đánh mất chính nó trong những suy nghĩ phiêu lưu không định hướng. Niệm cũng canh chừng những tâm sở bất thiện khuấy động trong tâm, nhận ra những triền cái núp dưới những nguy trang của chúng và trực xuất ngay trước khi chúng có thể gây hại. Để đưa đến minh sát và tuệ tri, niệm được tập luyện trong một phương pháp khác hơn. Trong khi tu tập phương pháp thiền quán, nhiệm vụ của niệm là quán sát, ghi nhận, phân biệt các hiện tượng một cách vô cùng chính xác cho đến khi những thực tướng (chân đế. ND) của các hiện tượng được đưa ra ánh sáng.

Chánh niệm được phát triển bằng cách thực hành phương pháp gọi là "bốn cách thành lập chánh niệm" (cattāro satipatthāna: Bốn niệm xứ) quán sát trên các lãnh vực hoạt động của bốn đối tượng: thân, thọ, tâm và pháp. (3) Như Đức Phật giảng dạy:

"Này các tỳ-kheo, chánh niệm là gì? Ở đây, vị tỳ-kheo quán niệm, quán thân trên thân bằng nhiệt tâm, tinh giác và chánh niệm, xả bỏ những tham dục và những sầu khổ của thể gian. Vị ấy quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm và quán pháp trên pháp bằng nhiệt tâm, tinh giác và chánh niệm, xả bỏ những tham dục và những sầu khổ của thể gian." (4).

Đức Phật dạy rằng bốn cách thành lập chánh niệm là "con đường đi thẳng đến thành tựu sự thanh tịnh, vượt qua đau khổ và than khóc, chấm dứt đau đớn và buồn rầu, đi vào chánh đạo và chứng đắc Niết bàn." (5) Phương pháp này được gọi là con đường đi thẳng (ekāyano maggo) không có chủ ý đặt ra một giáo điều hạn hẹp, nhưng

muốn nói rằng sự đạt đến giải thoát chỉ có thể thực hiện được qua sự quan sát toàn diện về các lãnh vực nhận thức bằng cách tu tập về chánh niệm.

Trong bốn cách thực hành chánh niệm, niệm thân đề cập về phương diện vật chất đang hiện hữu; ba sự thực hành kia được đề cập chủ yếu (nhưng không phải độc nhất) về phương diện tinh thần. Để hoàn tất sự tu tập chánh niệm phải có đủ bốn lãnh vực quán niệm. Tuy nhiên, không có thứ tự cố định nào được đặt ra để thực hành bốn cách quán niệm này. Thân thể thường được dùng đầu tiên làm căn bản cho sự quán niệm. Những sự quán niệm khác sẽ xuất hiện sau khi chánh niệm đạt được năng lực và sáng suốt. Phạm vi giới hạn của bài viết không cho phép giải thích đầy đủ cả bốn cách thành lập chánh niệm. Ở đây, chúng ta phải giải quyết bằng một bản tóm lược ngắn gọn.

(1) Quán Thân Trên Thân (kāyānupassanā)

Đức Phật giảng dạy bước đầu cho sự quán thân bằng cách niệm hơi thở (ānāpānasati). Mặc dầu nó không bắt buộc như điểm khởi đầu của thiền tập trong khi hành thiền, niệm hơi thở thường thường được dùng như "đề mục căn bản cho thiền tập" (mūlakammaṭṭhāna: điều kiện căn bản để thành lập niệm), căn bản cho cả tiến trình quán niệm. Tuy nhiên, nếu xem đề mục này chỉ là một bài tập cho những người mới tập thiền là một sự sai lầm. Tự nó, niệm hơi thở có thể dẫn đến tất cả những giai đoạn của con đường tu tập, cuối cùng đạt đến giác ngộ hoàn toàn. Thật sự, đây chính là đề mục thiền mà Đức Phật dùng vào đêm Ngài giác ngộ. Nhiều năm sau đó, Ngài vẫn dùng nó trở lại trong những thời gian sống độc cư và thường xuyên khuyến bảo các vị xuất gia thực hành theo, đề cao pháp hành này là "nơi an trú, tuyệt vời, rất hạnh phúc, thuần khiết vô cùng, loại trừ và dập tắt ngay những ý tưởng bất thiện độc hại khi chúng vừa xuất hiện." (Trung bộ kinh 118).

Niệm hơi thở đóng vai trò rất hiệu quả khi làm một đề mục đề mục để hành thiền vì nó hoạt động với tiến trình luôn luôn có trong chúng ta, tiến trình thở. Điều nó làm là đưa tiến trình này thành căn bản cho thiền tập, đơn giản là đưa nó vào lãnh vực nhận thức, bằng cách dùng hơi thở làm đề mục quan sát. Hành thiền không đòi hỏi kinh nghiệm tri thức đặc biệt nào cả ngoài việc chú tâm vào hơi thở. Người hành thiền chỉ thở một cách tự nhiên bằng mũi, chú tâm đến hơi thở ngay điểm tiếp xúc quanh lỗ mũi hay môi trên, nơi mà vị ấy ghi nhận được sự tiếp xúc của hơi thở khi luồng hơi đi vào đi ra. Không nên cố gắng kiểm soát hơi thở hay ép buộc phải thở đều đặn mà chỉ chú ý quán sát tiến trình tự nhiên của hơi thở vào và ra. Sự tỉnh giác về hơi thở cắt đứt sự tán loạn của tâm lý khi bị phân tán, giúp chúng ta không còn lang thang vô định trong mê cung của những tưởng tượng hão huyền và giữ chúng ta an trú trong hiện tại. Khi nào chúng ta tỉnh thức với hơi thở, thật sự chú ý rõ nó thì chúng ta mới có thể ghi nhận chính xác nó ngay trong hiện tại, không phải trong quá khứ hoặc tương lai.

Đức Phật dạy về niệm hơi thở gồm bốn bước căn bản. Hai bước đầu (không cần theo thứ tự dài ngắn) cần phải ghi nhận sự thở vào hay thở ra dài

như nó đang xảy ra và diễn ra; sự thở vào hay thở ra ngắn như nó đang xảy ra và diễn ra. Người thực hành chỉ cần quan sát hơi thở đi vào và đi ra, càng rõ ràng càng tốt, ghi nhận chính xác hơi thở đang dài hay đang ngắn. Khi niệm trở nên tinh tế hơn thì nó có thể theo dõi trọn vẹn tiến trình của hơi thở từ khi bắt đầu hít vào đến giai đoạn giữa cho đến cuối, rồi thì từ khi bắt đầu hơi thở ra đến giai đoạn giữa cho đến cuối. Bước thứ ba này được gọi là: "cảm nhận trọn vẹn hơi thở". Bước thứ tư, "an tịnh thân hành" nghĩa là tập trung làm cho sự tịnh lặng của hơi thở hợp tác với những chức năng của cơ thể cho đến khi chúng trở nên cực kỳ trong sáng và tinh tế. Qua khỏi bốn bước căn bản này là những bước tu tập trực tiếp dẫn niệm hơi thở đi vào thiền định và thiền quán. (6)

Một cách tu tập khác về quán thân, mở rộng sự hành thiền ra khỏi giới hạn của tư thể tọa thiền đơn giản, là chánh niệm trên các tư thế. Thân thể của chúng ta có bốn tư thế căn bản: đi, đứng, ngồi và nằm; và nhiều động tác khác nhau biểu hiện sự thay đổi từ tư thế này sang tư thế khác. Chánh niệm trên các tư thế là tập trung tất cả sự chú ý vào từng động tác đang xảy ra trên thân: Khi đang đi, biết rõ đang đi; khi đang đứng, biết rõ đang đứng; khi đang ngồi, biết rõ đang ngồi; khi đang nằm, biết rõ đang nằm; khi đang thay đổi tư thế, biết rõ đang thay đổi tư thế. Sự quán sát trên các tư thế làm sáng tỏ tính cách vô ngã của thân thể. Nó cho thấy rằng thân thể không phải là bản ngã hay ngã sở mà chỉ là một tập hợp của sắc uẩn chịu sự chi phối của ý chí.

Cách tu tập tiếp theo mở rộng thiền quán thêm một bước nữa, được gọi là "chánh niệm và hiểu biết rõ ràng" (satisampajañña: chánh niệm tỉnh giác), thêm yếu tố hiểu biết vào thức tri (vijānana: sự nhận thức đơn thuần của giác quan. ND). Khi làm gì, chúng ta làm với sự nhận thức trọn vẹn hay hiểu biết rõ ràng. Đang đi hay đến, nhìn trước hay sau, cúi xuống hay vươn lên, mặc y phục, ăn, uống, tiểu tiện, đại tiện, đi ngủ, thức dậy, nói năng, im lặng... tất cả đều trở thành cơ hội để phát triển thiền quán trong các hành động với sự nhận thức rõ ràng. Trong những bản chú giải, sự nhận thức rõ ràng này được giải thích có bốn mức độ: 1. hiểu biết mục đích của hành động, nghĩa là nhận ra mục tiêu của hành động và xác định mục tiêu ấy có thuận pháp hay không; 2. hiểu sự phù hợp, nghĩa là biết được phương tiện hữu hiệu nhất để đạt được mục tiêu; 3. hiểu biết ở khắp phạm vi hành thiền, nghĩa là giữ tâm luôn luôn trong trạng thái của sự hành thiền ngay cả khi đang bận rộn; 4. sự hiểu biết không còn vọng tưởng, nghĩa là thấy hành động là một tiến trình vô ngã, không có thực thể bản ngã nào kiểm soát. (7) Mức độ cuối cùng này sẽ được khảo sát tỉ mỉ hơn ở chương cuối, phần phát triển tuệ giác.

Hai phần tiếp theo về niệm thân là trình bày sự quan sát bằng cách phân tích để hiển lộ sự thật tự nhiên của thân thể. Phần một là niệm về sự bất tịnh của thân thể đã được nhắc đến liên quan đến phần chánh tinh tấn (phần từ bỏ các pháp bất thiện đang có. ND); phần hai phân tích thân thể ra bốn thành tố chính (bốn đại chủng. ND). Thứ nhất, niệm thân bất tịnh (8) mục đích chống lại sự mê say thân thể, nhất là trong hình thức thêm khát nhục dục. Đức Phật dạy rằng săn tìm nhục dục là biểu hiện của khát vọng, là một nguyên

nhân của đau khổ, phải giảm thiểu và từ bỏ là điều kiện tiên quyết để chấm dứt đau khổ. Mục đích của niệm thân bất tịnh là làm suy yếu sự thèm khát nhục dục bằng cách loại trừ sự thôi thúc của nhục dục dựa trên kinh nghiệm từ trước và khái niệm về sự quyến rũ nhục dục của thân thể. Sự thèm khát nhục dục trội dậy hay tan mất tùy theo khái niệm này. Nó trội dậy vì chúng ta nghĩ rằng thân thể hấp dẫn. Nó tan mất khi khái niệm hấp dẫn không còn. Khái niệm về sự hấp dẫn của thân thể chỉ tồn tại trong bao lâu khi thân thể còn được ngắm nhìn một cách nồng nặc, rồi cố bám lấy những ấn tượng thích ý. Để đối trị khái niệm đó, chúng ta phải dứt khoát không dừng lại ở những ấn tượng này mà phải tiến hành quan sát vào chiều sâu của thân thể với sự khảo sát thật kỹ bằng thái độ khách quan.

Đúng như vậy, đây là những gì phải cương quyết làm cho được khi niệm thân bất tịnh để đi ngược dòng ái dục bằng cách cố gắng chèo thật xa chỗ dựa của tưởng tri (sanjānāti: nhận thức đối tượng bằng khái niệm chủ quan. ND). Niệm thân bất tịnh phải lấy chính thân thể của mình làm đối tượng. Bởi vì, nếu một người mới học thiền này bắt đầu với thân người khác, nhất là với người khác phái thì có thể không đạt được kết quả mong muốn. Dùng tưởng tượng để trợ giúp, người thực hành thăm phân chia thân thể theo những thành phần của nó và quán sát từng phần, đem sự thật không hấp dẫn của chúng ra ánh sáng. Kinh điển nêu ra ba mươi hai thành phần: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột già, ruột non, chất chứa trong bao tử, phân, não, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, chất nhờn, nước mũi, nước bọt, nước nhờn trong cơ thể, nước tiểu. Sự không hấp dẫn của các phần này gợi ý cho cả thân thể. Nếu nhìn thân thể thật kỹ thì thật không gì hấp dẫn, sắc đẹp bên ngoài chỉ là khái niệm. Nhưng chúng ta không được hiểu nhầm mục đích của pháp niệm thân bất tịnh. Mục đích của nó không phải gây ra sự thù ghét hay kinh tởm mà để không còn ham muốn, dập tắt ngọn lửa nhục dục bằng cách loại bỏ hết nhiên liệu của nó (9).

Phương pháp thiền quán thứ hai là phân tích thân thể bằng một cách khác. Thiền quán này được gọi là phân tích bốn thành tố của thân thể (dhātuvavatthāna: bốn đại chủng), cố gắng phủ nhận khuynh hướng tự nhiên của chúng ta là đồng hóa thân thể với bản ngã, bằng cách phơi bày thật chất khách quan của thân thể. Phương pháp quán chiếu này như tên của nó, dùng ý nghĩ phân chia thân thể ra bốn thành tố chính, được gọi bằng những từ ngữ cổ là địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại. Thật sự, chúng có nghĩa là bốn thành tố chính của vật chất: độ cứng, thể lỏng, nhiệt độ và di động. Thành tố cứng được nhận ra rõ nhất trong những phần đặc của cơ thể, các cơ quan, các cơ bắp và xương. Thành tố lỏng trong những chất lỏng của cơ thể. Thành tố nóng trong nhiệt độ của cơ thể. Thành tố di động trong tiến trình hô hấp. Chúng ta sẽ từ bỏ sự nhận thức về thân thể như là "tôi" hay "của tôi" khi đã quán chiếu trọn vẹn về những thành tố tạo thành thân thể. Khi đã phân tích thân thể ra bốn thành tố, chúng ta nhận ra rằng tất cả những phần chính này của thân thể đang hiện hữu thì cũng giống như những phần chính của vật chất bên ngoài mà thân thể

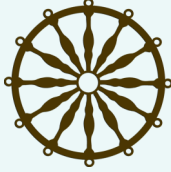
thường xuyên tiếp xúc. Khi chúng ta nhận thức rõ điều này một cách tường tận do có nhiều thời gian thiền quán thì không còn đồng hóa "ta là" với thân thể nên không còn chấp thủ nó. Chúng ta nhận ra thân thể chỉ là hình thể của tiến trình vật chất thay đổi theo dòng chảy hoạt động của tâm thức. Ở đây, không có gì có thể được xem là bản ngã thật sự đang hiện hữu, không có gì có thể cung cấp một nền tảng vững chắc cho quan điểm về bản ngã. (10)

Phương pháp cuối cùng về niệm thân trên thân là một loạt "niệm sự tan rã của xác chết," niệm về sự tan rã của cơ thể sau khi chết, có thể thực hiện bằng tưởng tượng với sự trợ giúp của tranh ảnh hay trực diện với một xác chết. Bằng một trong những cách này, chúng ta có thể ghi nhận được hình ảnh rõ rệt một cơ thể đang tan rã. Sau đó, chúng ta áp dụng tiến trình này trên thân thể của mình bằng cách suy nghĩ: "Thân này, đang đầy sức sống nhưng có cùng bản chất và cùng chịu sự tan rã như xác chết kia. Nó không thể thoát khỏi sự chết, không thể thoát khỏi sự tan rã nên cuối cùng phải chết và phân hủy." Một lần nữa, chúng ta không nên hiểu lầm mục đích của phương pháp thiền tập này. Mục đích của nó không phải để thỏa mãn những sự lồi cuồn không lành mạnh đối với cái chết và xác chết mà là để tháo gỡ sự chấp ngã của chúng ta vào đời sống bằng sự quán chiếu để đủ năng lực đập tan sự bám giữ này. Chúng ta đang bám víu vào đời sống đang tồn tại vì tuyệt đối cho rằng đời sống là trường tồn. Khi nhìn rõ một xác chết là chúng ta đang gặp một vị đạo sư chỉ dạy rõ ràng: "Mọi sự vật đều vô thường." (sabbe sankhārā aniccāti. Dhammapada. 277. ND).

(còn tiếp)

Chú thích Chương VI:

1. Nguyên câu Pāli: Dhammo sanditthico akāliko ehipassiko opānāyiko paccattam veditabbo viññūhi (Giáo pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hiệu năng hướng thượng, bậc trí tự liễu ngộ). (Trung bộ kinh .7 và những kinh khác)
2. Luận giải về sách Thanh tịnh đạo, Xem Thanh tịnh đạo XIV, n. 64.
3. Đôi khi danh từ satipatthāna được dịch là "sự thành lập của chánh niệm," nhấn mạnh trên khía cạnh khách quan, đôi khi được dịch là "ứng dụng chánh niệm," nhấn mạnh trên khía cạnh chủ quan. Cả hai đều được dùng trong cả chánh kinh và chú giải.
4. Trường bộ kinh 22; Word of the Buddha, trang 61.
5. Như trên.
6. Để biết chi tiết, xem Thanh tịnh đạo. Chương VIII, trang 145-244.
7. Xem Soma Thera, The Way of Mindfulness, trang 58-97.
8. Asubha- bhāvanā: quán bất tịnh. Cùng chủ đề này còn được gọi là tưởng về sự ghê tởm (patikkūlasaññā) và sự chánh niệm liên quan đến thân thể (kāyagatā sati).
9. Để biết chi tiết, xem Thanh tịnh đạo. Chương VIII, trang 42-144.
10. Để biết chi tiết, xem Thanh tịnh đạo. Chương XI, trang 27-117.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148

TRUY TÁN CÔNG HẠNH Huynh Trưởng Cấp Dũng GDPTVN Tâm Kiểm- Bạch Hoa Mai

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Huynh Trưởng Tâm Kiểm- Bạch Hoa Mai sinh ra trong một gia đình có tín tâm đối với Tam Bảo, nhờ phước duyên phụng sự Phật Pháp nhiều đời mà hôm nay có được duyên lành quy y Tam Bảo với Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu- Đức Đệ Tam Tăng Thống GHPGVNTN.

Trong cương vị là Phó Trưởng Ban Ngoại Vụ Ban Hướng Dẫn GDPTVN Trên Thế Giới.

Nguyên Phó Trưởng Ban Thường Trực Hội Đồng Huynh Trưởng Cấp Dũng GDPTVN.

Nguyên Trưởng Ban BHDGDPTVN tại Hải Ngoại.

Nguyên Trưởng Ban BHDGDPTVN tại Hoa Kỳ.

Anh đã dẫn thân trong mọi Phật sự của Giáo Hội, cũng như của Tổ chức GDPTVN, nhằm hoàn thành tâm nguyện của người Phật tử áo lam Sen Trắng, Hòa -Tin-Vui.

Anh là chim đầu đàn tạo dựng nền móng và phát triển con đường giáo dục thanh thiếu đồng niên của Tổ chức GDPTVN một cách tích cực trong nhiều thập niên qua. Tinh thần phụng sự của Anh gắng liền và thắp chặt Tình Lam từ quê hương đến Hoa Kỳ và các Châu lục trên thế giới.

Giáo Hội nhất tâm Truy Tán Công Hạnh Huynh Trưởng Cấp Dũng GDPTVN Tâm Kiểm Bạch Hoa Mai, đồng nguyện cầu hương linh Anh sớm tiêu điều miền Cực Lạc, rồi trở lại cõi ta bà chung sống trong mái nhà lam.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

California, ngày 14 tháng 02 năm 2022

TM. Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK

Chủ tịch,
(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



CHƯƠNG NGẠI Ở TỰ THÂN

(*Phật Pháp Thứ Năm*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa ACE Lam Viên thương mến,
Mỗi khi nói một vấn đề gì cho các em, chúng ta phải dùng rất nhiều câu để nhập đề; trái lại, từ ngàn xưa đức Phật đã sử dụng rất tài tình cách giới thiệu, minh họa bằng những con số, những hình ảnh thực tế, sinh động, hấp dẫn làm người nghe say mê theo dõi, động não, hiểu ý nghĩa những con số ấy để tìm ra lời giải đáp.

Hôm nay, NAL xin giới thiệu với các bạn một buổi học như vậy, ở vườn Cấp Cô Độc, trích trong Tương Ưng Bộ Kinh, phẩm "Chương ngại ở tự thân."

Đức Phật kể: có một vị vua trị dân rất giỏi, các nước láng giềng đều hâm mộ. Một hôm, có một người dân nước láng giềng xin nhập cư; vua chấp nhận và giao cho anh ta một chiếc hộp trong đó có 4 con rắn độc, bảo anh ta phải chăm sóc cẩn thận, hằng ngày phải tắm rửa và cho rắn ăn uống đầy đủ, được vậy, vua sẽ cung cấp bổng lộc đầy đủ. Vừa thấy rắn anh ta bỏ chạy ngay. Vua ra lệnh cho 5 người lính cầm vũ khí đuổi theo bắt lại. Anh ta cảm thấy mệt mỏi sắp đuối sức rồi còn nghe tiếng nhà vua cho 6 oan gia và 5 người lính nữa rượt bắt mình nên anh ta chạy thục mạng, không dám ngoái lại... cho đến khi gặp một thôn vắng, cuối thôn có một dòng sông. Dòng sông có 4 dòng chảy bao bọc, nước lớn mà không có cầu hay đò để qua bờ bên kia. Anh ta vội vã kết một chiếc bè bằng 8 thân cây lớn, nhanh chóng vượt qua bờ bên kia thoát nạn.

Kể câu chuyện xong, để họ chiêm nghiệm về

ý nghĩa 4 con rắn độc, 5 người lính, 6 oan gia... ngài dạy rằng:

- ♦ 4 con rắn độc dụ cho thân tứ đại
- ♦ 5 người lính cầm vũ khí rượt theo = 5 uẩn
- ♦ 6 oan gia = 6 sự ham muốn, dính mắc của 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý)
- ♦ Con sông có 4 dòng chảy = 4 dòng chảy xiết của DỤC: tham dục, ái dục, kiến chấp, si mê
- ♦ Chiếc bè với 8 thân cây = Bát chánh đạo
- ♦ Bờ bên này là phiền não, đau khổ; bờ bên kia là giải thoát, an lạc, thành thới.

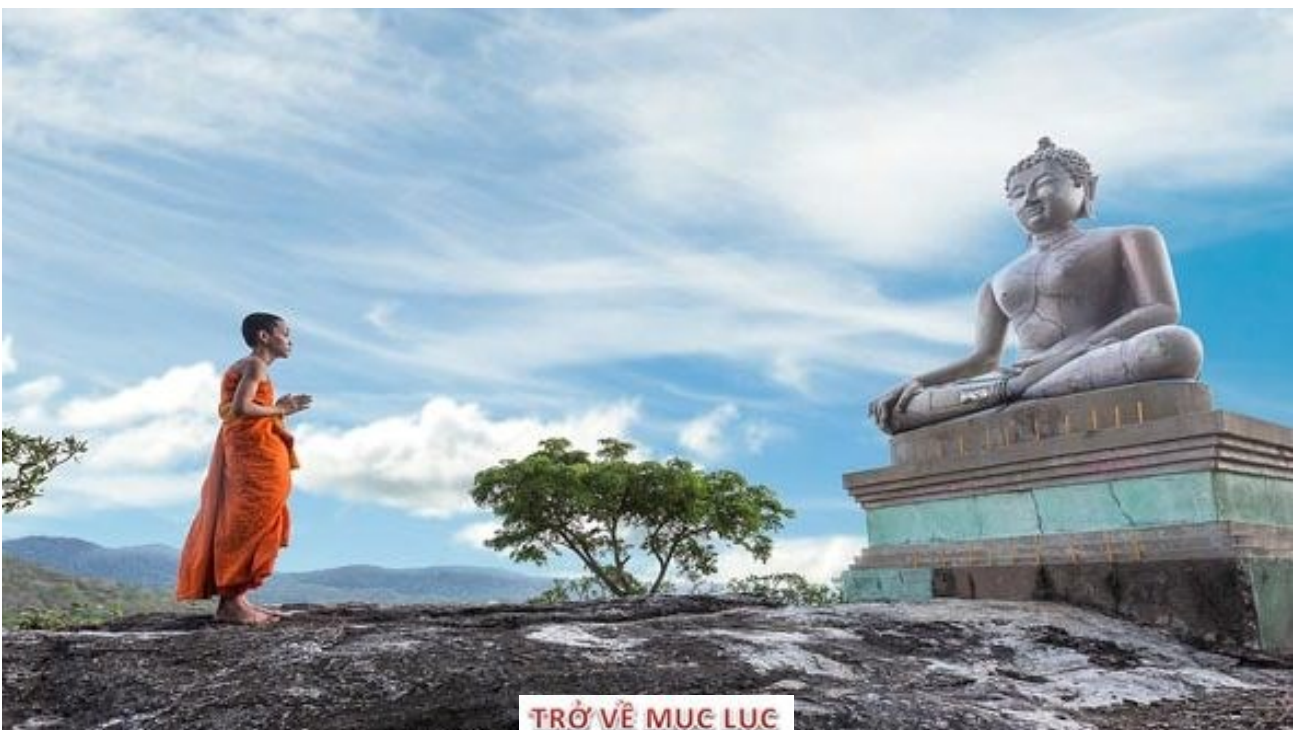
Thưa Anh Chị Em,

Bài Pháp đức Thế tôn dạy rằng "Chương ngại ở tự thân" chứ không từ bên ngoài đến.

Áp dụng bài học kể chuyện này, ACE chúng ta có thể kể chuyện nội bộ chúng mình, đại ý là: ACE nào không tôn trọng Nội quy, sử dụng luật riêng của mình, không biết lắng nghe, không tôn trọng ý kiến tập thể, tự tung tự tác, v.v... mà chỉ biết tôn vinh "ngọn núi tu đi của bản ngã mình" thì những ACE đó sẽ còn gặp phiền não dài dài... vì "chương ngại ở tự thân, không từ bất cứ nội quy nào đến."

Đầu năm Nhâm Dần, xin kính chúc ACE sức khoẻ tốt, thân không tật bệnh, tâm không phiền não, sáu thời thường AN LÀNH.

Trân trọng,
Người Áo Lam
Ngày 02/2/2022



TRỞ VỀ MỤC LỤC

Thế nào là TƯỚNG BIẾT VÀ TÁNH BIẾT?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Là người hay là thú, sinh ra đời nếu bộ não bình thường thì tất cả đều có cái biết. Biết đói, biết no, biết khát, biết nóng, biết lạnh, biết thiếu, biết đủ v.v... Tâm trí loài vật, có nhiều loài khá khôn ngoan, nhưng khôn ngoan cách nào cũng không bằng con người.

Khi còn nhỏ cái biết của con người rất hạn hẹp. Khi lớn lên cái biết dần mở rộng, nhờ học hỏi từ môi trường gia đình, học đường, xã hội. Tùy theo căn cơ mà có người thông minh học một biết mười, có người kém thông minh chậm hiểu. Nhưng dù cái biết của người thông minh hay cái biết của người kém thông minh thì đó cũng là cái biết cần thiết cho đời sống.

Trong nhà Phật, quan niệm mỗi con người có tới hai thứ biết. Một thứ là "*biết có lời*" là cái biết người ta thường xuyên sử dụng suy nghĩ hằng ngày. Đó là cái biết do học hỏi, do kinh nghiệm mà có. Những kinh nghiệm này được cất giữ trong ký ức, khi gặp cơ hội thì nó trỗi lên tạo thành cái biết của quá khứ, định danh liền cho đối tượng. Cái biết trong hiện tại là cái biết của ý thức, khi đối diện với đối tượng trước mặt là nó biết phân biệt, so sánh đưa đến cảm thọ thích hay không thích, dẫn đến tưởng tượng những chuyện chưa xảy ra. Tất cả những cái biết này do bản ngã tức "cái Ta" làm chủ. Kinh Kim Cang gọi đó là cái biết của "*tâm ba thời*". Tâm ba thời là tâm quá khứ, hiện tại, vị lai. Tóm lại, cái biết này không hoàn toàn chính xác vì nó lấy tin tức từ cái biết quá khứ để so sánh phân biệt rồi đưa đến suy luận viển vông về đối tượng nên bị xem là cái biết của vọng tâm, gọi là Tướng biết.

Một thứ biết khác là "*biết không lời*" ai cũng có. Đó là cái biết lặng lẽ, chân thật, đối tượng như thế nào biết như thế đó. Đây là cái biết của người tu tập, bước được vào dòng Thánh, là cái biết của Chân tâm, gọi là Tánh Giác.

II. TƯỚNG BIẾT

Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, tâm người nhìn như thế nào sẽ thấy cảnh vật như thế đó. Chẳng hạn như trong lúc tâm người đó đang chán nản buồn rầu, nhìn cảnh giới bên ngoài thấy hoa Xuân nở rộ, gió Xuân mát mẻ, cảnh sắc hài hòa, người người vui vẻ, nhưng đối với người này thì lại thấy cảnh trời âm đạm không vui. Như vậy cảnh vật bên ngoài bị thay đổi qua tâm trạng vui buồn của bản ngã, giống như cái nhìn của người đeo kính

màu. Mang kính màu vàng thì thấy cảnh sắc màu vàng, đeo kính màu xanh thì nhìn thấy cảnh sắc chan hòa một màu xanh. Tâm trạng buồn thì thấy cảnh vui thành buồn. Tâm trạng vui thì dù cảnh buồn cũng cảm thấy vui. Cái thấy biết trôi theo tánh khí vui buồn của bản ngã nên bị xem là cái thấy biết ảo, giả dối, không trung thực.

Lại nữa, khi mắt nhìn thấy một sự vật cụ thể, thí dụ như bình hoa, thì cho thêm quan điểm cũng như sự hiểu biết của mình vào bình hoa đó. Chẳng hạn như cho rằng bình hoa này không đẹp, đáng vẽ thô kệch, đáng lẽ người chế tạo bình hoa phải làm như thế này, điều chỉnh như thế kia thì đẹp hơn v.v... Như vậy cái thấy biết này, bị những tư tưởng hay kiến thức của người nhìn biến đổi sự vật thành ra cái khác không đúng với cái **đang là** của nó. Bản chất thực của nó không có tên gọi là bình hoa, cũng không đẹp không xấu, không nặng không nhẹ, nó là nó thôi! Ngược lại người nhìn, định danh cho nó một cái tên là bình hoa, thắp mắc bình hoa **nên là** thế này, **phải là** thế kia, **tướng là** thế nọ... thì tốt hơn!

Thấy biết các pháp qua xúc cảm buồn vui hay kiến thức sẵn có chỉ là cái thấy biết một cách tương đối. Bởi vì thực chất pháp tự nó là nó. Tên gọi hay hình dáng, màu sắc, nặng nhẹ, đẹp xấu... là do người đời đặt cho. Những gì người đời đặt cho hay gán ghép vào cho hiện tượng vật chất, thì đó chỉ là quy ước do con người chế định. Đã là pháp chế định thì mỗi nơi mỗi quan niệm khác nhau. Cái nhìn, cái thấy biết này thay đổi tùy nơi, tùy vùng và tùy người. Người tu thiền định thì gọi cái thấy biết này, là cái thấy "*biết có lời*" tức biết qua học hỏi, suy nghĩ của người thế gian. Nó sẽ thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh, nên trong nhà Phật xếp nó là cái biết thuộc tục đế.

Khi sáu căn: *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý* tiếp xúc sáu trần: *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*. Thấy biết liền, gọi là: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Cái thấy biết ngay tức khắc này là cái lóe sáng biết đầu tiên khi giác quan tiếp xúc đối tượng, là cái thấy biết của Tánh giác gọi là Tánh biết (giác tri). Nhưng Tánh biết nhanh chóng bị ý niệm, khái niệm, quan niệm, tư tưởng, kiến thức của bản ngã che lấp trở thành cái biết của thọ tướng trong kinh gọi là Tướng tri và cái biết của ý thức trong kinh gọi là Thức tri. Cả Tướng Tri và Thức Tri gọi chung là Tướng Biết.



III. TÁNH BIẾT

Người có tu tập khi tiếp xúc đối tượng, họ nhìn thẳng vào cái **đang là** của đối tượng, chứ không soi mói tưởng tượng, định danh, đo lường gì về đối tượng đó cả. Cái thấy biết này không có ý căn, ý thức hay trí năng xen vào cho nên không có tên gọi, không có so sánh, phân biệt, khen chê, thương ghét, không áp đặt một ý niệm, một khái niệm hay tưởng tượng gì lên đối tượng đó. Có đối tượng là sự vật cụ thể trước giác quan hay không có đối tượng trước giác quan thì Tánh biết vẫn biết.

Tánh biết (bodhi) là cái biết lặng lẽ, tức khắc không qua suy nghĩ, là cái biết bẩm sinh, không lời. Khi buông bàn ngã xuống, nghĩa là khi Tướng tri và Thức tri yên lặng, tâm định tĩnh không còn dao động, thì ngay khi đó Tánh biết xuất hiện.

Lưu ý, Tánh biết là cái biết trong sáng khách quan, khi giác quan tiếp xúc với đối tượng, chứ không phải là giác ngộ. Nhưng Tánh biết chính là nền tảng của trí tuệ, đưa tới giác ngộ. Trong kinh thường mô tả hành giả tu tập đúng pháp sẽ chuyển Thức thành Trí (nāna), tức chuyển cái biết của tâm phàm phu sang cái biết của tâm bậc thánh. Trí hay tri có nhiều cấp bậc như Tướng tri, Thức tri, Thắng tri, Tuệ tri và Liễu tri. Liễu tri là sự thấy biết của chư Phật và các vị đã giác ngộ.

Tim hiểu thêm về Tánh biết, chúng ta cùng đọc lại đoạn kinh ngắn, đức Phật giảng cho ông Bàhiya trong bài "*Kinh Bàhiya*" do cố Hòa Thượng Thích Minh Châu chuyển dịch từ tiếng Pāli sang tiếng Việt. Chúng ta chú ý đến chỗ thấy biết của các Tánh thấy, nghe, xúc chạm và nhận thức như sau: "*Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Như vậy, này Bàhiya, ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, nếu với ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiya, ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau. Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bàhiya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ*". (hết trích)

Trong lời kinh này, chúng ta thấy đức Phật dạy ông Bàhiya bài học liên hệ đến "**Tánh biết**" qua mắt thấy, tai nghe, thân xúc chạm và nhận thức (thức tri). Khi mắt thấy đối tượng, biết ngay tức khắc, mà trong đầu hoàn toàn im lặng, không có cái "*Ta*" nhảy ra phân biệt so sánh. Khi nghe âm thanh, chỉ biết nghe, không suy luận về nội dung âm thanh nghe. Khi xúc chạm (thọ, tưởng) chỉ có tánh xúc chạm không có diễn dịch gì trong đó. Trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri. Nghĩa là khi nhận thức điều gì về đối tượng, giữ nguyên trạng thái nhận thức không thêm bớt gì vào nội dung của nhận thức đó.

Sau cùng, Phật dạy nếu ông Bàhiya thành tựu được bốn trạng thái này thì ông không là chỗ ấy, ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Tại sao thế? Đó là nếu ông Bàhiya hành trì đúng lời dạy của đức Phật thì ông được giải thoát. Đã giải thoát rồi thì không còn hiện hữu ở đời nào nữa!

IV. LÀM THẾ NÀO ĐỂ "TÁNH BIẾT" HIỂN LỘ?

Có nhiều cách tu tập để Tánh biết hay Tướng giác hiển lộ. Ở đây chúng tôi chỉ nêu lên một vài pháp mà thiên sinh thường được hướng dẫn tu tập như sau:

1) Hộ trì các căn: Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, không nắm giữ tướng chung, tướng riêng của sáu trần, giữ cái "*biết không lời*", kéo dài cái lóe sáng biết đầu tiên. Biết không lời là biết mà không thăm thì trong não, tức không để tư duy của quá khứ, phân biệt của hiện tại, suy luận về tương lai... áp đặt lên đối tượng. Biết không lời là cái biết của Chân tâm, như trong bài kinh "*Nhất Dạ Hiền Giả*": "*Quá khứ không truy tìm. Tương lai không ước vọng. Quá khứ đã đoạn tận. Tương lai chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại. Tuệ quán chính ở đây. Không động không rung chuyển. Biết vậy nên tu tập...*" (hết trích).

Thấy biết tức khắc đối tượng, trong tâm hoàn toàn yên lặng, không dao động. Trong lộ trình hành trì tu tập thì giai đoạn tâm dừng niệm này gọi là trạng thái Chí (Samatha), là trạng thái biết không lời. Cái biết này chính là Tánh biết. Nếu tâm yên lặng vững chắc thì đạt Định (Samādhi). Trạng thái Samādhi là chỗ mà trong kinh "*Nhất Dạ Hiền Giả*" mô tả trạng thái tâm không động không rung chuyển.

2) Pháp không dán nhãn, hay định danh đối tượng: Pháp này cũng là pháp nhằm thu thúc lục căn, không để tâm quá khứ hay hiện tại xen vào cái thấy biết trong sáng. Khi giác quan tiếp xúc đối tượng đã từng biết, hay đã từng nghe nói qua, ngay khi đó "*tướng*" tự động gọi lên hình ảnh đã biết. Theo thói quen tâm nhanh chóng bị dính mắc với đối tượng. Gặp trường hợp này, hành giả áp dụng ngay phương pháp Phật dạy trong bài kinh "*Song Tâm*", dừng ngay không gọi tên đối tượng, cũng không gán cho đối tượng là người như thể này thể kia, vì đó là hình thức dán nhãn đối tượng sẽ khiến hằng loạt những ý tưởng xấu hay tốt sinh khởi tạo thành "*ý nghiệp*". Dừng niệm bằng cách nói thầm nhura kéo dài hai từ "**Không... nói Không nói....**" (*) Từ "*không nói*" này giống như mệnh lệnh, nó ra lệnh bộ não tắt ngay sự suy nghĩ.

So với bài kinh Song Tâm thì mệnh lệnh "*không nói*" được xem như là "*tâm thiện*" ngăn chặn "*tâm bất thiện*" là những suy nghĩ lung tung về đối tượng. Khi buông từ "*không nói*", an trú ngay trong "*trạng thái không nói*", lúc đó Tánh biết tự khắc xuất hiện.

Giải thích thì đồng dài nhưng tiến trình tâm diễn biến trong sát-na thời gian, như vừa thấy đối tượng thì trong tâm đã khởi lên ý thích hay không thích liền.

3) Chánh niệm tinh giác: Có hai cấp bậc:
- *Lúc đầu là chánh niệm cảnh giác:* Cảnh giác tức còn canh chừng cái biết, mà cái gì canh chừng? Khi giác quan tiếp xúc đối tượng, Trí năng luôn nhớ (niệm) canh chừng (cảnh giác) không để cho cái biết dính với trần cảnh. Vì có "*ngã*" canh chừng nên cái biết này vẫn còn là cái "*biết có lời*". Từ từ chuyển cái "*biết có lời*" sang "*biết không lời*", đi đến chánh niệm tinh giác.

- *Chánh niệm tinh giác:* Là cái tự biết không lời về đối tượng ngay trong "*thực tại*" tức "*bây giờ và ở đây*". Đó là cái biết "*đang là*" không nội dung trên thân, thọ, tâm, pháp của chính mình. Biết

không nội dung là biết mà trong tâm không diễn đạt gì cả, tức tâm hoàn toàn không dao động. Đó chính là Tánh biết.

- **Thực tập pháp Như Thật (yathà bhūta):** Bước đầu khi giác quan tiếp xúc đối tượng. Đối tượng như thế nào, thăm lặng thấy biết y như thế đó, tức thấy biết cái “đang là” của đối tượng, tâm hoàn toàn yên lặng. Ngay lúc đó, Tánh biết liền xuất hiện.

V. TẠM KẾT

Trên đường tu tập tâm linh đi đến giải thoát giác ngộ, **Tánh biết** chính là nền tảng cần phải có. Nói như thế không phải xem thường Tướng biết. Tướng biết rất cần thiết cho sự sống của con người. Nhờ có nó mà con người phát minh ra được nhiều thứ nâng cao đời sống vật chất của nhân loại. Cái biết này phải học hỏi, kinh nghiệm mới có, nhưng nó hữu hạn vô thường lại gây nhiều lo âu, phiền não cho con người.

Trái lại Tánh biết là cái biết bẩm sinh ai cũng có nên nó vô hạn. Nếu chọn con đường tu tập hướng về tâm linh thì hành giả cần buông bỏ rất nhiều thứ thuộc về Tướng biết như cái biết của tâm quá khứ, hiện tại, tương lai, buông bỏ các tâm sở thuộc “hành” như tham, sân, si, kiết sử, tùy miên v.v....

Về vấn đề tu tập, Tánh biết cũng có nhiều cấp bậc. Từ cái biết không lời, đến Thâm nhận biết, Tỉnh thức biết, Nhận thức biết. An trú được trong trạng thái Nhận thức biết không lời, tức Nhận thức trống rỗng, hành giả an trú trong “*định bất động*” là tầng định thứ tư trong Thiền Phật giáo. Trong trạng thái tâm thuần tịnh, nhu nhuyễn, định tĩnh, ngoài lý luận, dễ sai khiến này, tiềm năng giác ngộ kiến giải những điều mà hành giả muốn biết, không qua suy nghĩ, suy luận... gọi là trí huệ tâm linh (Bát nhã), như trường hợp đức Phật chứng ngộ ba minh, biết rõ nhiều đời trong quá khứ của mình, nhận ra nhân quả nghiệp báo của chúng sanh và biết rõ lậu hoặc là nguyên nhân của khổ đau, luân hồi sanh tử. Muốn thành tựu trí này, Tánh biết đóng vai trò quan trọng vì nó chính là nền tảng đưa đến giác ngộ. Thường xuyên thực tập sống trong Tánh biết hay Chánh niệm, xem như chúng ta đang làm sống lại Chân Tâm của mình vậy!

(*) Pháp “**Không Nói**” do cố HT Thích Thông Triệt truyền dạy.

UỐNG TRÀ NHỚ TRĂNG

*Châm một ấm trà chờ buổi sáng
Hình như tâm động dưới sương mai
Đêm qua trời treo vàng trăng khuyết
Trăng khuyết về đâu đợi trăng đầy*

*Châm một ấm trà thức nửa khuya
Hình như người đi lâu lắm rồi
Nâng chung nhấp lại môi mộng cũ
Mộng vẫn là mơ trách vì ai*

*Châm một ấm trà pha sương sớm
Hình như lệ đọng mấy mươi năm
Sao người không về ru sông ngủ
Ngược xuôi trăng khuyết với trăng rằm*

*Châm một ấm trà đêm trừ tịch
Năm cũ người xưa cũng ra đi
Trà vẫn ấm nồng hương lửa tắt
Ở đây ngày đó có một người...*

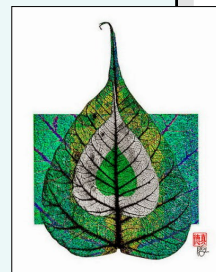
BUÔNG BỎ

*Ngày ngày đọc ngàn trang kinh Phật
Cũng không sao hiểu được Thích Ca
Qua năm bảy cuộc tình dang dở
Cũng không sao hiểu được đàn bà*

*Ngàn trang kinh Phật còn hai chữ
Buông bỏ chuông chiều vọng bỏ buông
Nhưng đôi mắt đó nhìn muôn khóc
Tâm động tìm đâu tâm bỏ buông*

*Lệ từ tâm động mà lệ ứa
Thơ cũng từ đó hứng thành thơ
Giang hồ từ thuở tình lận đận
Sầu đời uống rượu muốn đi tu*

*Vẫn mộng đời nhau như rượu ử
Sốt chia hương lửa dầu ngàn trùng
Phải chi những dòng sông là rượu
Xuôi ngược tìm nhau bớt lạnh lùng.*



thơ THƯỜNG TỬ TÂM



Con cạp lông vàng

HUỆ TRẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trong những điển tích Phật giáo, tôi từng băn khoăn về chuyện một con cạp lông vàng. Câu chuyện đơn giản thôi, nhưng rất đáng cho chúng ta suy ngẫm.

Con cạp lông vàng đó ở trong khu rừng rậm, bao quanh bởi núi non, vách đá cheo leo hiểm trở. Bộ lông vàng của nó óng mượt và rất đẹp, nhất là vào mỗi sáng, khi ánh dương lên chiếu vào từng sợi lông vàng thì ánh sáng đó long lanh, xuyên suốt tới nhiều dặm.

Biết bao nhà quý tộc đã nghe biết và mơ ước có bộ áo lông vàng hiếm quý nên không ngừng chiêu dụ bọn thợ săn, trả giá thật cao để đạt được ước muốn.

Tất nhiên, đây cũng là mơ ước của bọn thợ săn nên luôn có những kẻ tìm cách mon men tới bìa rừng với những túi tiền, tấm thuốc độc, mong hạ thủ con cạp lông vàng để lột lông đem bán.

Nhưng con cạp cực kỳ bén nhạy. Nó như "ngủ" được mùi cung tên nên ít có gã thợ săn nào tới được gần nó, cho tới khi một thợ săn này ý nghĩ, tìm một bộ áo ca-sa để trá hình làm vị sa-môn, ôm bình bát thông dong vào rừng. Tất nhiên, bên trong vật áo ca-sa đó có cất giấu cung tên tấm thuốc độc!

Có lẽ gã thợ săn đó chỉ chợt nảy ý, thử thay hình đổi dạng vì nghĩ rằng con cạp lông vàng đã từng nhìn thấy nhiều thợ săn rình rập hãm hại nó, nên một hình dạng khác có thể chưa làm nó phải lẩn tránh. Gã thợ săn chỉ cần một tích tắc ngăn ngừa đó của con cạp là có thể ra tay hạ thủ!

Vậy thôi, mà đúng như dự đoán của gã! Với nhân dáng một thầy tu hiền lành, càng lúc gã thợ săn càng đến gần được con cạp. Rồi khi tầm gần vừa đủ ra tay thì gã nhanh nhẹn lấp tên, giương cung nhắm ngay tim con cạp mà bắn thẳng!

Cạp trúng tên, gằm lên đau đớn. Trong vài giây phút cuối, nó dồn hết sức mạnh lao về phía bóng người mà nó tin là vừa hãm hại nó.

Tuy bị trúng tên nhưng sức mạnh của con cạp trong sự đầy tức giận, cảm thù đó cũng có thể đủ xô gã thợ săn ngã nhào, đủ sức cào cấu, cắn xé để kéo gã cùng sang bên kia thế giới với nó.

Nhưng qua ánh mắt cổ nhướng lên, con cạp trúng thương chợt nhận ra màu áo ca-sa quen thuộc mà nó thường thấy các sa-môn ôm bát khất thực hoặc trầm lặng tọa thiền dưới những gốc cây đại thụ trong rừng.

Nó không còn đủ tinh táo để tự hỏi sao hôm nay vị sa-môn hiền lành lại hại nó, nhưng có lẽ nó đủ nhân nhục để tự nói rằng: "Ồ, đây là một vị thầy tu. Ta thà chịu chết chứ không thể xâm phạm người này!"

Câu chuyện chấm dứt ở đây.

Trong câu chuyện này thì chiếc áo có làm nên thầy tu hay không?

Có lẽ là có, ít nhất với con cạp lông vàng.

Đừng trách con cạp lông vàng ngu xuẩn không nhận ra, sau lớp áo thầy tu là gã thợ săn độc ác, bởi vì con cạp chỉ nhìn chiếc áo như dấu hiệu của sứ giả Như Lai nên nó lập tức dừng tâm oán hận. Nó chưa đủ trí để ngăn chặn và thấu hiểu hết tâm địa ác độc của người, nhưng ít nhất, sự dừng tâm oán hận vào giây phút đó cũng giúp nó ra đi nhẹ nhàng.

Giây phút này mới thật quan trọng cho mọi người, mọi loài vì chính giây phút này, kẻ ra đi nương theo tâm trạng và nghiệp lực mình mà thác sanh.

Đã có phước duyên được gặp Phật pháp, được đọc, được nghe, được các bậc minh sư chỉ dạy thực hành con đường Phật đã chỉ ra, giúp chúng sanh giải thoát khổ đau thì người-con-Phật hãy tận dụng khả năng của mình mà cất bước.

Lành thay, khi chân cất bước mà lòng tận nơi lời Phật đã hứa khả **"Phật tánh đều sẵn có trong mọi người, mọi loài. Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành"**

Tìm học nơi Tam Tạng Thánh Giáo, người-con-Phật có thể thọ nhận phần nào mà chuyển hoá vô minh, để Phật tánh dần hiển lộ.

Từng bước hành trì, hãy thương người như thương ta mà vun bồi tâm từ bi, hãy vui với niềm vui của người mà tránh sự ganh ghét, hãy muốn ít biết đủ mà tránh tham cầu, hãy nhận diện những gì không phải nhu yếu mà thực hành hạnh buông xả...v...v...

Một vị thiền sư từng nhắc nhở: *"Trong đời sống hàng ngày, chúng ta thường dành hầu hết thời gian của mình để đi tìm những tiện nghi sinh sống như tiện nghi vật chất, tiện nghi tình cảm ... trong khi ta coi nhẹ đời sống tinh thần, đời sống tâm linh. Đời sống đó cần ta bước chậm lại, cần có cho ta những phút giây tĩnh lặng mới cảm nhận được. Lãng phí thời gian với những đòi hỏi tầm thường ta sẽ không có khả năng thừa hưởng những món quà đích thực quý giá ..."* (*)

Quả thật, những thứ thật nhất trên đời là những thứ mà mắt thường không nhìn thấy!

Không ai chọn được cho mình cách ra đời, nhưng có thể chọn cách sống ở đời, sao cho lúc lìa đời không ân hận, không hối tiếc chi.

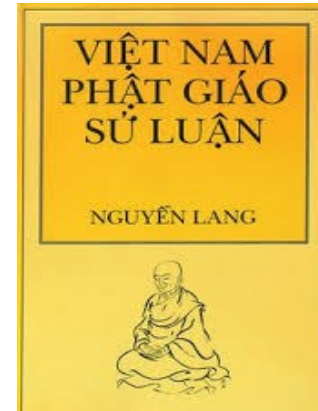
(Tào-Khê tịnh thất – thời điểm giao mùa)

(*) TS Nhất Hạnh - trong cuốn "Silence".

CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM SỤP ĐỔ

(Chương XL,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo và hết)

CUỘC ĐÀO CHÍNH NGÀY 1.11.1963

Phái đoàn Liên Hiệp Quốc chưa hoàn tất được việc điều tra thì ngày 1.11.1963 một cuộc đảo chính đã xảy ra ở Sài Gòn: Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã đứng dậy lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.

Cuộc đảo chính này được chuẩn bị từ cuối tháng Bảy nhưng mãi đến đầu tháng Mười một mới thực hiện được bởi vì các tướng lãnh trong quân đội đã gặp nhiều khó khăn.

Chính quyền Ngô Đình Diệm biết rằng lòng dân căm phẫn cho nên đã chuẩn bị thật kỹ lưỡng để ngăn ngừa những âm mưu đảo chính.

Trước hết, chính quyền ra lệnh chuyển các tướng lãnh từ lệnh các Vùng Chiến Thuật. Tướng Tôn Thất Đính từ Vùng Hai được đem về Vùng Ba, Tướng Huỳnh Văn Cao về Vùng Bốn, Tướng Nguyễn Khánh về Vùng Hai, Tướng Đỗ Cao Trí về Vùng Một. Những tướng bị nghi ngờ thì được triệu về Sài Gòn giữ những chức vụ không có quân trong tay. Tướng Trần Văn Đôn làm cố vấn quân sự cho Phủ Tổng thống. Tướng Dương Văn Minh cũng vậy. Hai lực lượng hùng hậu nhất mà chính quyền tin cậy là Lực lượng Đặc biệt do trung tá Lê Quang Tung làm tư lệnh và Lữ đoàn Liên minh Phòng vệ Tổng thống Phủ mà chủ lực đóng tại thành Cộng Hòa, Dinh Gia Long, nơi cư ngụ của tổng thống và cố vấn cũng được bố phòng rất chặt chẽ và có đủ sức chống lại chiến xa của quân đảo chính ít nhất là trong mười hai giờ đồng hồ.

VAI TRÒ CỦA NHỮNG CẤP CHỈ HUY TRẺ TRONG QUÂN ĐỘI

Những vị tướng lãnh đầu tiên nghĩ đến chuyện đảo chính là Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim và Dương Văn Minh. Nhóm tướng lãnh này chuẩn bị cuộc đảo chính rất kỹ lưỡng, có thể nói là chậm chạp nữa. Áp lực trong quân chúng và trong quân đội rất lớn, nhưng các tướng vì sợ thất bại như những lần đảo chính trước nên đã chần chừ rất nhiều. Một mặt họ muốn Hoa Kỳ cam kết là không xen vào phá hoại chương trình của họ, một mặt họ lại không tin lời cam kết của Hoa Kỳ, sợ Hoa Kỳ phản bội họ vào giờ chót.

Nên biết rằng lúc này dư luận thế giới và dư luận dân chúng Hoa Kỳ đã nổi lên chống chế độ

Ngô Đình Diệm kịch liệt và Hoa Thịnh Đốn đã hết hy vọng làm áp lực được cho chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi bản Thông Cáo Chung hoặc trục hai vợ chồng ông cố vấn Ngô Đình Nhu ra khỏi chính quyền. Theo tài liệu mật của Ngũ Giác Đài, Hoa Kỳ có ý muốn ủng hộ một cuộc đảo chính tại Sài Gòn để diệt trừ ông Ngô Đình Nhu. Cũng theo tài liệu này, tình báo C.I.A. báo cáo có ít ra là mười nhóm âm mưu đảo chính. Chính những nhóm tướng tá trẻ trong quân đội đã làm áp lực cho các tướng lãnh cấp cao ngồi lại với nhau để tính chuyện lật đổ chính quyền. Các nhóm trẻ này thấy các tướng lãnh cấp cao chần chừ lâu quá nên đã tự động sắp đặt những kế hoạch cấp tốc và liều lĩnh để mau đạt được mục đích. Tướng Dương Văn Minh cầm đầu cuộc đảo chính đã chần chừ khá lâu trong thời gian từ giữa tháng Chín đến đầu tháng Mười, một phần vì nghi kỵ Hoa Kỳ, một phần vì sợ cuộc chính biến sẽ làm đổ máu nhiều quá. Sự hình thành của những nhóm đảo chính trẻ đã thúc đẩy các tướng lãnh rất mạnh (4).

CÁC TƯỚNG LÃNH NGỜ VỰC HOA KỲ

Từ sau ngày chính quyền càn quét các chùa, đại sứ Henri Cabot Lodge được gửi qua thay thế đại sứ Frederik Nolting. Các tướng Đôn và Kim đã yêu cầu ông Lodge can thiệp để đài Tiếng nói Hoa Kỳ (V.O.A.) cải chính tin đã loan cho rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa đã tham dự vào việc càn quét chùa chiền đêm 20.8.1963 như chính quyền ông Diệm đã phao vu.

Tướng Dương Văn Minh lại còn yêu cầu Hoa Kỳ tuyên bố ngưng viện trợ chính quyền Ngô Đình Diệm để tỏ thiện chí sẽ không phá hoại âm mưu đảo chính. Cũng vì vậy từ hồi cuối tháng Tám, Hoa Thịnh Đốn đã bí mật cho phép đại sứ Lodge tuyên bố cắt viện trợ cho chính phủ Diệm bất cứ lúc nào mà ông đại sứ thấy cần thiết. Lực lượng Đặc biệt mà ông Diệm đã sử dụng để càn quét chùa chiền đêm 20.8.1963 cũng được cắt viện trợ từ cuối tháng này. Lực lượng này được Hoa Kỳ trang bị rất tối tân. Sự cắt đứt viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm được thực hiện dần dần bắt đầu từ tháng Mười.

Như vậy đài V.O.A. đã cải chính tin quân đội có tham dự vào việc càn quét chùa chiền và chính

quyền Hoa Kỳ đã tuyên bố ngưng viện trợ cho chính phủ Diệm. Tuy vậy các tướng lãnh vẫn còn nghi ngờ là tướng Paul Harkins của Hoa Kỳ và ông Jonh Richardson, giám đốc tình báo C.I.A. sẽ tìm cách phá hoại cuộc đảo chính. Tướng Harkins, ông Richardson và ông đại sứ Nolting đều được coi như là người rất có cảm tình với ông Ngô Đình Diệm.

Các tướng lãnh chủ mưu trong cuộc cách mạng vì sự nghi ngờ ấy đã không tiết lộ cho Hoa Kỳ biết chiến lược của họ.

TIẾN TRÌNH CỦA CUỘC ĐẢO CHÍNH

Tướng Trần Văn Đôn đã có công thuyết phục được tướng Tôn Thất Đính tham dự vào công cuộc lật đổ chính quyền. Tướng Đính lúc này thực sự có binh quyền trong tay: ông vừa làm tư lệnh Vùng Ba vừa chỉ huy quân sự thủ đô. Ông được ông Ngô Đình Nhu tin cậy.

Theo tài liệu của Ngũ Giác Đài, ông Ngô Đình Nhu đã nghe phong phanh về cuộc đảo chính và có với tướng Đính vào để nhờ giảng một cái bẫy đảo chính giả với mục đích tiêu diệt những tướng tá muốn đảo chính. Tướng Đính đã về thuật lại với các đồng chí của mình. Các tướng vẫn lo ngại về một số đơn vị quân đội còn trung thành với ông Diệm nên đã đưa những đơn vị này đi hành quân ở những vùng khá xa Sài Gòn để các đơn vị này không kịp về cứu ứng trong ngày đảo chính.

Họ còn tổ chức hai chiến dịch *Phi Hòa* và *Hắc Dịch* tại miền Tây và cho tướng Đính vào thuyết phục tổng Diệm cho bớt một số binh sĩ thuộc Lữ đoàn Phòng vệ Tổng thống Phủ và thuộc Lực lượng Đặc biệt tham gia (5). Ông lại còn thuyết phục để cho Sư đoàn 7 đóng ở Mỹ Tho được sát nhập vào quân đoàn Vùng Ba Chiến Thuật do ông làm tư lệnh.

Nửa đêm rạng ngày 31.10.1963, tướng Đính hạ lệnh cấm trại toàn thể quân đoàn Vùng Ba Chiến Thuật. Rồi ông ủy đại tá Nguyễn Hữu Có xuống Mỹ Tho đoạt quyền tư lệnh Sư đoàn 7. Sau đó đại tá Nguyễn Hữu Có đem một đơn vị tới bắc Mỹ Thuận tịch thu hết tất cả tàu bè để cản đường về thủ đô của bất cứ đơn vị nào của quân đoàn Vùng Bốn Chiến Thuật. Như vậy là Sư đoàn 7, một sư đoàn đã từng góp phần lớn trong việc đàn áp cuộc đảo chính ngày 11.11.1960 đã được trấn an.

Các tướng lãnh đã chặn ba nẻo chính có thể tiến quân về thủ đô: Con đường từ Lục Tỉnh về thì do đại tá Nguyễn Hữu Có án ngữ tại Phú Lâm. Con đường từ miền Tây có thiếu tướng Mai Hữu Xuân với quân lực Trung tâm Huấn luyện Quang Trung. Con đường từ miền Bắc có đại tá Vinh Lộc với chiến đoàn Vạn Kiếp. Các tướng này vừa có nhiệm vụ cản đường những đạo quân từ xa kéo về "cứu giá" vừa có nhiệm vụ tiến về thủ đô. Trong khi đó tướng Tôn Thất Đính có nhiệm vụ bao vây và tiến đánh các lực lượng phòng thủ của chính quyền.

Sáng 1.11.1963, trung tướng Trần Văn Đôn triệu tập cấp chỉ huy của một số đơn vị quân đội đồn trú tại Sài Gòn và các vùng phụ cận, những vị từ cấp Ủy đến cấp Tá mà ông nghi có thể còn trung thành với chế độ. Về tới Tổng Tham mưu, các vị này bị tướng Đôn cầm chân để cho quân lính của họ trở thành "rắn không đầu". Cũng vào sáng hôm ấy, nhiều đơn vị trong đó có chiến đoàn Thủy quân Lục chiến đã được âm thầm di chuyển về tới tận thủ đô.

Đại sứ Henri Cabot Lodge giờ này vẫn chưa hay biết gì về cuộc đảo chính. Vào hồi mười giờ sáng, ông đưa đồ đốc Harry Felt vào dinh Gia Long để ông này từ biệt tổng thống Diệm mà về nước.

Trưa hôm ấy, tướng Đôn cũng mời tất cả các tướng lãnh đến dùng cơm tại trụ sở Tổng Tham mưu. Trong bữa cơm, tướng Dương Văn Minh đứng dậy đề nghị tất cả các tướng lãnh tham dự vào việc lật đổ bạo quyền. Hầu hết đều vỗ tay hưởng ứng nồng nhiệt. Đại tá Lê Quang Tung, tư lệnh Lực lượng Đặc biệt đứng dậy phản đối bỏ về. Ông bị bắt ngay sau khi ra khỏi nơi đó.

Vào lúc 1 giờ 30 chiều hôm đó, tiếng súng đảo chính đầu tiên nổ. Thiếu tướng Mai Hữu Xuân chế ngự ngay được một đơn vị của *Lực lượng Đặc biệt* đóng tại Tân Sơn Nhất. Theo xa lộ Biên Hòa, các đơn vị của chiến đoàn Vạn Kiếp và Thủy quân Lục chiến rầm rộ tiến về thủ đô, chiếm Đài Phát thanh, Tổng nha Cảnh sát, Ty Cảnh sát Đô thành và Nha Viễn thông của Bộ Nội vụ. Thành Cộng hòa, nơi đồn trú của Lữ đoàn Liên minh Phòng vệ Tổng thống Phủ, cũng tức thời bị vây hãm.

Đài Phát thanh được quân đảo chính chiếm vào lúc 1 giờ 45 phút. Hồi 4 giờ 45 phút đài bắt đầu phát thanh tiếng nói của Hội đồng Quân nhân Cách mạng. Hội đồng Diệm Cách mạng kêu gọi tổng thống Ngô Đình Diệm từ chức. Các tướng lãnh ra điều kiện là nếu ra hàng, hai ông Diệm và Nhu sẽ được bảo đảm tính mạng và đưa ra ngoại quốc. Cố vấn Ngô Đình Nhu cho mời các tướng vào dinh thương thuyết, nhưng lời mời bị các tướng bác bỏ.

Từ trong thành Cộng hòa, Lữ đoàn Phòng vệ Tổng thống Phủ dùng đại bác và đại liên chống trả. Họ có tới bốn mươi xe thiết giáp. Cuộc tấn công thành Cộng hòa khởi sự từ 5 giờ 55 chiều, đến 7 giờ, lực lượng này đầu hàng.

CHIẾC HẦM BÍ MẬT DƯỚI DINH GIA LONG

Tại dinh Gia Long, tổng thống Diệm được tin báo về cuộc đảo chính vào lúc 12 giờ 10 phút. Lập tức tổng thống và ông cố vấn xuống ngồi dưới chiếc hầm bí mật đào dưới dinh Gia Long. Hầm này được hoàn thành ngày 28.10.1963, có phòng ngủ, phòng tắm và phòng khách cho tổng thống và ông cố vấn, và có địa đạo dẫn ra ngoài dinh. Tổng thống Diệm ra lệnh cho các sĩ quan cận vệ liên lạc với các tướng Trần Thiện Khiêm, Tôn Thất Đính đến cứu ứng. Ông lại cho liên lạc với tòa đại biểu chính phủ ở Huế bằng đường vô tuyến đặc biệt của phủ Tổng thống. Các sĩ quan cận vệ không liên lạc được với các tướng Khiêm và Đính, song tổng thống vẫn hy vọng vào những tướng lãnh trung thành của mình. Mãi đến lúc 4 giờ chiều, khi đài phát thanh Sài Gòn đọc tên các vị tướng lãnh trong Hội đồng Tướng lãnh với giọng nói của từng vị ông mới biết là không còn hy vọng được ở những người này.

Nhưng từ dưới hầm dinh Gia Long, ông cố vấn Ngô Đình Nhu liên lạc được với đại tá Hồ Tấn Quyền tư lệnh Hải quân. Ông ra lệnh cho đại tá Quyền đi liên lạc với một đại tá có lực lượng đồn trú tại Thủ Đức. Một lực lượng chống đảo chính mới được thành lập xong ngày 28.10.1963. Đại tá Quyền còn được lệnh cho tàu hải quân ra khơi để bắn những chiếc phi cơ đang bay liệng trên không phận Sài Gòn lúc ấy, và sắp đặt để bí mật chở tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu về Phước Tuy

bằng đường biển. Ra lệnh xong cho hai chiến hạm ở Sài Gòn nhổ neo và cho một đơn vị hải quân ở khơi Vũng Tàu kéo về bến Sài Gòn, đại tá Quyền cài trang dùng một chiếc xe *traction* lái ra khỏi bộ Tư lệnh Hải quân, theo xa lộ Biên Hòa để đi về Thủ Đức.

Vào lúc tám giờ tối, sau khi biết tin sứ mạng của đại tá Quyền bất thành, tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu theo đường hầm ra khỏi dinh Gia Long và trốn về nhà một người Hoa Kiều ở Chợ Lớn tên là Mã Tuyên. Rồi từ nhà Mã Tuyên, họ sang ở ẩn một nhà thờ gọi là nhà thờ Cha Tam, nơi có một linh mục lai Pháp tên là Jean chủ trì.

Vào lúc hai giờ sáng ngày 2.11.1963, khi biết rằng tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu đã thoát ra khỏi dinh Gia Long, đại úy Lê Công Hoàn, một trong những sĩ quan trong đạo quân phòng vệ Tổng thống Phủ liền điện thoại cho bộ Tổng Tham mưu và yêu cầu ngưng tấn công dinh Gia Long. Vì vậy, quân đảo chính đã vào tiếp thu dinh này mà không gây thiệt hại nhân mạng. Trong lúc đầu vây dinh, một sĩ quan chỉ huy thiết giáp là đại úy Bùi Ngương Ngãi đã bị quân bên trong dinh bắn chết. Chiến xa của ông bị đạn bốc cháy giữa ngã tư Công Lý và Gia Long.

SỐ PHẬN KHÔNG MAY CỦA ÔNG TỔNG THỐNG VÀ ÔNG CỐ VẤN

Tại nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn, biết kế hoạch trốn đi Phước Tuy bị hỏng, tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu liền liên lạc với bộ Tổng Tham mưu, yêu cầu các tướng cho người tới rước và đưa ra ngoại quốc như đã hứa.

Vào khoảng 7 giờ sáng, một chiếc thiết vận xa M.113 tới nhà thờ Cha Tam để đón hai người. Giữa đường về bộ Tổng Tham mưu, tổng thống và ông cố vấn bị hạ sát.

Tài liệu bí mật của Ngũ Giác Đài nói rằng đến đón tổng thống và ông cố vấn là hai sĩ quan đã thù ghét ông Diệm sẵn. Theo Đỗ Thọ, tùy viên của tổng thống Diệm (6), thì đó là hai vị thiếu tá tên Nhung và Nghĩa. Không biết có phải là hai vị này đã hạ sát tổng thống Diệm và cố vấn Nhu không, và nếu có thì đó là tự ý hay là đã vâng theo lệnh vị tướng lãnh nào. Đây còn là một nghi vấn lớn. Cả hai vị thiếu tá đều bị những người thân ông Diệm tra khảo và hạ sát trong cuộc chính lý của tướng Nguyễn Khánh ngày 30.1.1964.



Sự hạ sát tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu là một điều đáng tiếc trong cuộc đảo chính 1.11.1963. Dù có ra lệnh hay không ra lệnh, các tướng trong Hội đồng Quân lực cũng chịu trách nhiệm về việc không thực hành được lời hứa bảo đảm cho tính mệnh hai người. Cái chết của họ đã kéo theo cái chết của hai vị thiếu tá Nhung và Nghĩa. Nhưng đã hết đâu. Oan oan tương báo, biết bao giờ cho sợi dây oan được cắt đứt.

NIỆM VUI CỦA QUẦN CHÚNG SAU NGÀY ĐÀO CHÍNH

Tin đảo chính thành công vào sáng 2.11.1963 được loan trên đài Phát thanh Sài Gòn làm cho quốc dân mừng rỡ kéo nhau ra đường bày tỏ niềm vui. Tại Sài Gòn, các con đường như Lê Lợi, Lê Thánh Tông, Gia Long, Công Lý và Pasteur, người đổ ra tràn ngập. Họ đổ xô về phía dinh Gia Long. Họ leo tường vào dinh. Họ leo lên xe thiết giáp, ôm lấy các quân nhân. Họ nô nức reo hò. Dân chúng thủ đô biểu lộ sự vui mừng trong suốt ngày hôm ấy và trong hai ngày kế tiếp.

Tại chùa Xá Lợi, trụ sở Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, ngày nào cũng có cả chục ngàn Phật tử tới tụ tập. Các vị lãnh đạo Ủy ban Liên phái và chư tăng ni cùng Phật tử bị bắt đã được thả tự do từ chiều ngày 1.11.1963. Các chính trị phạm từ Côn Đảo trong đó có thiếu tá Phan Trọng Chính cũng được thả tự do về tới. Nhóm sĩ quan xướng xuất cuộc đảo chánh không thành công ngày 11.11.1960 trong đó có đại úy Huỳnh Minh Đường lưu đày tại Nam Vang cũng về tới hôm 16.11.1963. Đại úy Đường đã không thi hành lệnh của tổng thống Diệm đánh đắm chiếc tàu chở chính trị phạm ra Côn Đảo ngày 5.10.1963.

Thiền sư Trí Quang tị nạn tại tòa đại sứ Hoa Kỳ từ ngày thoát được cuộc càn quét chùa Xá Lợi cũng đã về tại chùa Ấn Quang sáng ngày 2.11.1963.

Hội đồng Quân nhân Cách mạng do tướng Dương Văn Minh cầm đầu tuyên bố đảo chính thành công. Ngày 4.11.1963 một bản Hiến ước tạm thời được ban hành, tướng Dương Văn Minh lên làm quyền quốc trưởng Việt Nam Cộng hòa và ông Nguyễn Ngọc Thơ được mời làm thủ tướng để tổ chức một nội các mới.

Nguồn cảm hứng gây nên do một cuộc vận động của Phật tử Việt Nam đã vô cùng rạt rào

trong sáng tác của văn nghệ sĩ trong nước. Thơ và nhạc được sáng tác rất nhiều. Ở đây chỉ xin ghi một bài thơ của Trụ Vũ, bài *Tình Sông Nghĩa Biển*. (7)

*Việt Nam và Phật giáo
Phật giáo và Việt Nam
Ngàn năm xương thịt kết liền
Tình sông nghĩa biển mỗi duyên mặn nồng
Cây đa bến cũ
Hình bóng con đò
Thiết tha còn nhớ câu hò
Cây đa bến cũ con đò năm xưa
Trang sử Việt Nam yêu dấu
Thơm ướp hương trầm
Nghe trong tim Lý, Lê, Trần
Có năm cánh đạo nở bùng nguy nga
Suối xanh ra biển
Ngát ngát hoa vàng
Suối thơm lòng đất Việt Nam
Chim xanh nhà ngọc, lúa vàng trĩu bông
Nắng reo trên lúa
Gió bay trên cờ
Lũy tre vững hiện mái chùa
Âm tay đại thụ mát bờ quê hương
Tóc cài hoa bưởi trắng
Hồn ướp nhụy sen vàng
Đời đời cô gái Việt Nam
Trăng lên ngôi vị nữ hoàng tình yêu
Phượng hoàng châu Á
Bay vượt nghìn trùng
Thái Sơn, Hy Mã hào hùng
Kết tinh châu ngọc trong lòng trường sơn
Mẹ ơi nhớ nước nhớ nguồn
Thương quê thương đạo con còn làm thơ.*

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ĐƯỢC THÀNH LẬP

Ngày 31.12.1963 các đoàn thể Phật giáo trong đó có Tổng hội Phật giáo Việt Nam khai mạc Đại hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại chùa Xá Lợi. Đại hội này đi đến quyết nghị thống nhất Phật giáo trong một giáo hội duy nhất gọi là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, suy tôn thiền sư Tịnh Khiết làm tăng thống lãnh đạo một viện Tăng Thống và bầu thiền sư Tâm Châu làm Viện trưởng

Viện Hóa Đạo. Một bản Hiến chương của giáo hội mới được công bố ngày 4.1.1964. Ngày 12.1.1964 đại hội bầu xong Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo của giáo hội.

Ước vọng thống nhất Phật giáo từng được giới Phật giáo đồ ôm ấp từ gần 50 năm nay đã được thực hiện. Những tập đoàn trong Tổng hội Phật giáo Việt Nam kể từ đây được thực sự xóa bỏ. Trụ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất được đặt tại chùa Ấn Quang cùng với văn phòng của hai viện Tăng Thống và Hóa Đạo. Phần lớn các văn phòng của các Tổng vụ cũng được đặt tại chùa Ấn Quang.

(HẾT)

[4] Tài liệu bí mật *Ngũ Giác Đài* cũng khẳng định rằng các tướng lãnh cấp trên bị thúc đẩy bởi những cuộc âm mưu đảo chính của các tướng tá trẻ tuổi. Điện văn của đại sứ Lodge gửi về Hoa Thịnh Đốn ngày 5.10.1963 cho biết là sáng hôm ấy tướng Minh đã nói rằng một trong những nguyên do khiến ông phải hành động mau chóng là vì "có nhiều cấp chỉ huy đơn vị sư đoàn, đại đội, v.v... đang âm thầm chuẩn bị những kế hoạch đảo chính của riêng họ", và nếu ông không hành động mau thì "những cuộc đảo chính ấy có thể thất bại" và có thể làm hư hết công chuyện. Tướng Minh cũng nhấn mạnh rằng việc đảo chính là việc của ông và của các tướng lãnh khác trong quân đội, và ông không muốn Hoa Kỳ xen vào. Ông chỉ cần Hoa Kỳ cam kết là không tìm cách "thọc gậy bánh xe" mà thôi.

[5] Tướng Tôn Thất Đính đã thuyết phục ông Ngô Đình Diệm rằng nếu để cho Lực lượng Đặc biệt đi hành quân thì mới mong Hoa Kỳ có thể tái lập viện trợ cho quân đoàn này được.

[6] *Nhật ký Đỗ Thọ*, Đồng Nai, Sài Gòn 1970.

[7] Trụ Vũ, *Hành Hương*, Lá Bối, Sài Gòn, 1964, trang 11.

Quốc dân tràn ra đường bày tỏ niềm vui



như thị

xuyên qua những kẻ hồ trường đời
vượt thoát cuộc chạy đua chí mạng
tôi nằm thờ dốc suốt mấy ngày dài
chờ vợ giữa đất trời không cột trời

phơi nắng cùng rơm rạ ngoài đồng
ngồi xồm nhìn tới ngó lui ngán ngâm
bông nhiên nghe cóc nhái ênh ương
tung bùng khai tâm khai thị khai ngộ

chiều về nhuộm vàng tươi chút gió hanh
đón con chim chuyền trên đám bí ngô vạm vỡ
tôi dang tay nháy cõn trên cánh đồng vắng
không va vấp ngọn cỏ xanh và sợi mây hồng

bì bõm trong tuổi thơ tiêng cười dòn ngựa té
rông châu miên man chênh mảng phân thân
một ngày không chờ không đợi không trông
thờ từng hơi ujjayi
ôm nắng trời mượt mà
mà vui muốn khóc.

thơ rơi

nhìn quanh thấy gì
người đói nhăn răng
ôm bụng lép xẹp ru
giác ngủ ngày ngủ đêm
giác ngủ qua thời thất nghiệp

con hẻm vắng lặng
cửa đóng kín kéo màn
khúc khắc tiếng ho khan
mùa gặt hái nghe chừng bội thu
lấy vụn hũ tro tàn làm chuẩn

soi gương mỗi ngày
khuôn mặt thâm xỉ
ngắm tới ngắm lui
nhường mây trợn mắt
chẳng thấy bản lai diện mục
ngờ chừng lạc bước cuối chân mây.



thơ với thần

muốn làm bài thơ đường
thật ngọt
như mía như mật
bạn răn
— sẽ tặng tốc a1c trong máu
xin lỗi
cho tôi làm bài thơ muối
mặn của biển cả bao la
bạn đe
— sẽ tặng huyết áp
thôi thì thơ đường trộn muối
hoặc thơ muối pha đường
bạn nghiêm mặt cả quyết
— sẽ tặng cả hai
đúng là trong thơ có họa
oái oái oái
ngâm cho cùng
— ở sao cho vừa lòng người.

thơ

QUẢNG TÁNH TRẦN CẨM

Truyện cực ngắn Tsutsui Yasutaka

HOÀNG LONG dịch từ nguyên tác Nhật ngữ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tsutsui Yasutaka (筒井 康隆) sinh năm 1934 là nhà văn, kịch tác gia và diễn viên nổi tiếng của Nhật Bản. Ông cùng với Hoshi Shinichi, Komatsu Sakyo được xưng tụng là ba tác gia tiêu biểu nhất của dòng văn học viễn tưởng Nhật Bản. Không những thế ông đã nhiều lần giành được những giải danh giá của dòng văn học thuần túy Nhật Bản như giải thưởng Izumi Kyoka vào năm 1981, giải thưởng Tanizaki vào năm 1987 và giải thưởng Kawabata Yasunari vào năm 1989. Năm 1992, Tsutsui Yasutaka nhận giải thưởng danh giá cho dòng văn học viễn tưởng toàn Nhật Bản. Ông có cái nhìn vô cùng sắc sảo vạch ra được nhiều bi hài kịch của đời người với nhiều suy ngẫm thâm thúy. Những truyện cực ngắn của ông dưới đây được chúng tôi dịch từ tuyển tập "Cảm cười" (Warauna 笑うな) do nhà xuất bản Shinchobunko tái bản lần thứ 69 năm 2016.



CHÍNH NGHĨA

Anh ta là người có cảm giác chính nghĩa đến mức cực đoan. Chỉ cần nhìn thấy chuyện bất bình là tuyệt đối không thể im lặng. Vì thế mà với tính cách như vậy, anh ta tự tạo cho mình rất nhiều kẻ thù.

Tuy nhiên cho dù bị nhiều người căm ghét, anh ta không hề nản lòng. Anh nghĩ rằng tất cả những kẻ căm hận hay ghét bỏ mình đều là người xấu cả. "Lý do họ căm ghét mình là vì mình làm chuyện đúng đắn mà thôi".

Cái ý nghĩ đó khiến anh ta cảm thấy tự tin vô cùng. Vì thế mà ngược lại anh ta càng tỏ ra căm ghét những kẻ căm ghét mình một cách công khai hơn. Và anh ta càng bị căm hận nhiều hơn nữa.

Mỗi lần tranh cãi đến mức đỉnh điểm hay khi đối phương từ bỏ quan điểm, không muốn dính dáng gì đến anh nữa là anh nhất định phải kiện cáo ra Tòa. Không dưới ba bốn lần anh ta dính dáng vào các vụ tố tụng. Vì luôn tin rằng mình đúng nên anh không bao giờ chấp nhận hòa

giải và vì luôn cho rằng người đúng sẽ bao bao giờ bị thua kiện nên các vụ xử án cứ kéo dài mãi ra.

Cứ suốt ngày tranh cãi như thế cho đến cuối cùng xung quanh không còn một ai bên vực anh ta nữa. Điều đó khiến anh ta càng ngày càng thêm giận dữ, càng hăng hái đi kiện cáo tất cả mọi người. "Chỉ riêng việc ghét bỏ mình vốn là người chính nghĩa đã là một chuyện xấu xa rồi".

Và khi Tòa đang phân xử, anh ta lên cơn cao huyết áp mà chết ngay tại pháp đình. Sau khi chết, linh hồn anh được lên thiên đường.

Nơi thiên đường tất nhiên chỉ toàn là người tốt. Không một ai căm ghét hay tranh cãi điều gì với anh cả.

Nhưng đối với anh ta mà nói, đó là nỗi thống khổ nơi địa ngục.

CUỘC GẶP GỠ ĐẦY NƯỚC MẮT

"Nhờ vào sự giúp đỡ của quý vị khán thính giả mà người

cha đi lạc đã được tìm thấy", người dẫn chương trình truyền hình gào lên.

Người vợ và con gái đang ngồi phấp phỏm không yên vừa thấy người đàn ông được dẫn vào trường quay liền đứng dậy, chạy đến gần bên mà la khóc.

"Minh à!"

"Cha ơi!"

Cả hai nứu lấy người đàn ông mà khóc nức nở. Người đàn ông cũng khóc.

"Xin cảm ơn tất cả quý vị trên toàn quốc đã liên lạc giúp đỡ. Xin ông đừng đi lang thang thêm lần nào nữa nhé!"

Nghe lời người dẫn chương trình, ông ta vừa gật đầu vừa khóc.

Chương trình "Những cuộc gặp gỡ" kết thúc. Gia đình cả ba người rời khỏi đài truyền hình.

Đột nhiên, người vợ từ nãy đến giờ đang khóc rưng rức bỗng lao vào đánh đấm người đàn ông túi bụi với vẻ mặt như một con quỷ dữ.

"Này nhé, lần tới mà còn giờ trò chạy trốn thì biết tay tôi nghe chưa?"

Đứa con gái cũng nhảy xổ vào đấm đá và hét lên. "Cho dù ông trốn đi đâu nữa thì chúng tôi cũng tìm thấy ngay thôi. Có đại truyền hình giúp đỡ mà. Hiểu chưa hả? Cái lão già này!"

Người đàn ông vội vàng vừa khóc vừa trả lời "Vâng, tôi biết rồi ạ. Lần sau nhất định tôi không trốn đi nữa đâu. Làm ơn tha cho tôi đi mà."

Cuối cùng chỉ có những giọt nước mắt đang lăn dài của người cha là thật. Không cần phải nói thì ai cũng biết là những giọt nước mắt của buồn bã cô đơn.

VỊ KHÁCH

Ngoài hành lang chợt vắng lên tiếng nói. "Này, xin lỗi mọi người. Tôi là khách đến chơi đây ạ."

"A, có khách đến chơi nhà, tôi nhóm người đây."

"Minh à, có khách đến này,"

vợ tôi từ bếp chạy lên quá đổi vui mừng nên đập cả đầu vào cột nhà.

"Vui quá, khách đến chơi nhà mình này," đưa con trai sáu tuổi cũng vừa nhảy nhót chạy ra hành lang, đập đổ cả cái lò sưởi điện.

Khách là một người đàn ông quynh rũ trên dưới bốn mươi tuổi.

"A, thật hân hạnh. Xin mời vào. Mời đi lối này ạ" Chúng tôi chu đáo dẫn anh ta vào trong phòng khách.

"Này, xin mời xin mời anh".

"Vâng, vâng, vâng ạ. Cảm ơn, cảm ơn nhiều."

Vừa ngồi xuống ghế, anh ta ngay lập tức chào hỏi. "Này mọi người, tôi là khách đây mà. Lâu ngày không gặp nhì."

"Không, không, không, chính chúng tôi đây mới lâu rồi không gặp anh", cả nhà chúng tôi kêu lên.

"Thật sự lâu rồi không gặp đây."

"Lần trước cảm ơn cả nhà mình đã giúp đỡ. Hôm nay thật sự là ngày lành tháng tốt mà cũng phải đầu là ngày xui rủi mất mát không chừng nhì?"

"Thật sự là cảm ơn anh đã đến chơi."

Vợ tôi lấy đồ trong tủ lạnh bày lên đĩa mang ra mời tỏ lòng hiếu khách. Cả chủ và khách đều cười đùa vui vẻ.

"A, cái bình này thật sự rất hoàn mỹ. Anh chị tìm thấy khi nào vậy? Chắc phải đến vài trăm vạn yên đấy nhì?"

Vị khách vừa cười đùa rồi với tay lấy cái bình cổ đặt trên tủ mà nhìn ngắm.

"Không đâu. Thực ra là giá đến cả ngàn vạn yên đấy chứ," tôi cũng vừa cười vừa đáp lại.

Vị khách trượt tay, cái bình rơi xuống sàn vỡ tan tành. "A, vỡ mất tiêu rồi", vị khách cười già là. "Nhưng mà chắc chắn cái bình này có bảo hiểm phải không nhì?"

Tôi cười lớn đến mức ngã lăn ra. "Đâu có. Bảo hiểm làm gì đền mấy thứ này."

"Tuyệt vời. Điều này thật tuyệt vời. Vậy nhanh chóng gọi điện cho nhân viên bảo hiểm đi thôi chứ."

Vị khách la lên như vậy rồi rón rén đặt những đồ vật trong phòng về chỗ cũ và tiến lại gần cái điện thoại.

Còn trai tôi vừa cười phá lên vừa bắt chước vị khách phá

phách đồ đạc trong nhà và đi theo sau anh ta.

"Hồng rồi", vợ tôi bật khóc. "Nhân viên bảo hiểm không đến đâu. Chỉ nói qua quít trong điện thoại cho xong chuyện thôi."

"Trời thế gian gì mà lạnh lùng vậy chứ", vị khách khóc tu tu. "Thời đại gì mà lạnh lùng thế vậy."

Cả nhà tôi cũng khóc tu tu.

Vị khách cùng chúng tôi chơi đùa vui vẻ khoảng một tiếng đồng hồ. Vì là vị khách rất dễ thương nên chúng tôi quyết định chỉ bắt đền mười vạn yên mà thôi.

Cả nhà chúng tôi rời khỏi nhà tiễn vị khách ra về. Vị khách xuôi theo hành lang chung cư, chân nhảy nhót như chân sáo.

Những cánh cửa phòng khác đối diện hành lang chung cư lúc nào cũng đóng im ỉm. Chúng tôi không biết có những ai sống đằng sau những cánh cửa kia.

VỀ NHÀ

Anh lần tìm về nhà mình sau hai mươi năm, tiêu tụy và không xu dính túi.

Sợ hãi và run rẩy, anh nhấn chuông. Cánh cửa nơi hành lang bật mở, vợ anh xuất hiện.

"A, trời ơi mình đây à? Mình thật sự đã trở về nhà với em sao?" Người vợ vừa nhìn thấy anh mắt liền sáng rỡ, nhanh chóng níu lấy tay anh.

"Em đã tha thứ cho một kẻ tệ hại như anh thế này rồi ư? Em không giận anh sao?" Anh chày những dòng lệ cảm động và cất tiếng hỏi.

"Giận gì chứ?" Người vợ vừa khóc vừa dẫn anh vào nhà. "Đây là nhà của anh cơ mà".

Đúng lúc đó tiếng chuông cửa lại vang lên. Anh vội vàng nấp sau cánh cửa. Bởi anh không muốn người quen cũ nhìn thấy bộ dạng tiều tụy đói khát bây giờ của anh.

Người vợ mở cửa, thấy hai người đàn ông đứng nơi hành lang.

Người vợ la lớn. "Trời ơi, mình đây à? Mình thật sự đã trở về nhà với em sao?" Rồi bà ta nắm chặt lấy tay người đàn ông mặc áo trắng đứng cạnh bên.

"Quả nhiên là thế." Vị áo trắng nói với người đàn ông ở nhà kế bên. "Đây là một dạng bệnh tâm thần đấy. Với ai bà ta cũng làm như vậy sao?"

"Từ khi người chồng bỏ đi

vào khoảng hai mươi năm trước thì bà ta cũng đã có chút bất bình thường rồi ạ", người hàng xóm trả lời. "Nhưng dạo gần đây có thể do tuổi tác mà càng ngày càng trở nặng hơn."

"Thì ra là thế. Thôi chúng ta đi nào."

Họ kéo người vợ lỗi đi trong khi bà ta vẫn la bai bai.

"Em nào có giận gì anh đâu. Đây là nhà của anh cơ mà!"

VỢ CHỒNG

Trong dòng người tấp nập nơi siêu thị, Kyoko nhìn thấy bóng dáng của chồng mình. Chồng nàng, Sadao đã bỏ nhà đi từ bốn năm về trước.

"Mình ơi!"

Kyoko la lớn mặc kệ cái nhìn của đám đông. Tuy nhiên Sadao như không nghe thấy tiếng của Kyoko, cứ bước xăm xăm lên cầu thang.

"Mình à? Mình ơi!"

Kyoko ráng hết sức đuổi theo. Nếu lần này để lỡ mất thì không biết bao giờ mới có thể gặp lại. Nghĩ như thế khiến nàng cảm thấy vô cùng bất an.

Sadao quay lại nhìn Kyoko với vẻ lạ lùng. Sau khi thoáng nhìn thấy dáng vẻ đầu bù tóc rối của nàng vì hốt hải đuổi theo mình bằng đôi mắt trống rỗng thì Sadao bắt đầu vội vàng bỏ chạy.

Tại sao lại bỏ chạy như vậy chứ, Kyoko thầm nghĩ. Có vẻ anh ấy không nhận ra mình chẳng? Có lẽ anh ấy bị chứng mất trí nhớ không biết chừng.

Trong khi cố gắng đuổi theo người chồng đang chạy xuống cầu thang, Kyoko bị vấp và ngã lộn nhào.

Cú ngã làm nàng quay vòng vòng cuốn theo cả người chồng đi. Hai vợ chồng lăn đến tận sàn nhà.

Sadao bị đập đầu rất mạnh, ngồi dậy nhìn xung quanh và lẩm bầm. "Đây là đâu? Tại sao mình lại ở chỗ này chứ?"

Rồi Sadao nhìn sang Kyoko với vẻ mặt vô cùng ngạc nhiên. "Này, em làm sao vậy? Chẳng phải Kyoko hay sao? Tình duyên đi em. Anh là Sadao đây mà"

Kyoko cuối cùng cũng tỉnh, mở mắt nhìn xung quanh, cất tiếng hỏi chồng mình. "Xin lỗi chứ anh là ai vậy?"

THUỐC ĐẶC TRỊ

“Thật sự là một phát hiện lớn đấy nhỉ”, giám đốc hồ hởi nói.

“Loại thuốc đặc trị bệnh ung thư mới vừa hoàn thành sau thời gian dài khổ tâm nghiên cứu anh hãy để riêng cho công ty dược phẩm Naru P chúng tôi độc quyền sản xuất và phân phối luôn nhé. Như vậy cả anh và công ty chúng tôi cùng đều chia nhau lợi ích lớn lao cả. Mà... về mặt anh sao vậy?”

Ngài giám đốc nhìn khuôn mặt người tiến sĩ dược phẩm trẻ tuổi. “Là người đầu tiên trên thế giới bào chế ra được thuốc đặc trị ung thư thế mà sao anh lại có vẻ chán chường như thế chứ?”

“Thực ra thì...” vị tiến sĩ trẻ lí nhí trả lời. “Ông già cứng đầu keo kiệt mà tôi vô cùng căm ghét sắp sửa chết vì ung thư. Nếu để mặc vậy thì một hai năm sau cũng quy tiên thôi. Nhưng không may là tôi sáng chế ra được loại thuốc đặc trị ung thư này. Và đương nhiên là ông già sắp ngã ngoài của tôi lại có thể sống dai thêm rồi còn gì!”

“Ha ha. Thì ra đó là lý do khiến anh buồn bã như vậy hả?” Ngài giám đốc suy nghĩ một lúc lâu rồi chợt vỗ đùi đánh đét mà nói. “Tôi hiểu rồi. Vậy thế này đi. Công ty chúng tôi sẽ kéo dài thời gian sản xuất và phân phối loại thuốc này thêm chút nữa vậy.”

“Thật vậy sao?” Vị tiến sĩ dược nói lớn, khuôn mặt bắt chợt sáng bừng lên. “Cảm ơn ông đã giúp. Như vậy thì khối tài sản lớn sẽ rơi vào tay tôi mà hơn nữa tôi cũng chẳng còn bị ông cha già đáng ghét đê đầu cuời cổ nữa.”

Sau khi vị tiến sĩ dược vui vẻ ra về, ngài giám đốc khúc khích cười và lẩm bẩm.

“Mình cũng quên khuấy đi mất. Cái tay chủ tịch công ty cũng đang bị ung thư chắc hai ba năm nữa thì tàn đời, mẹ vợ già của mình cũng ung thư còn khoảng ba bốn năm nữa mới xong. Thành ra việc sản xuất loại thuốc này phải ráng chờ thêm bốn đến năm năm nữa vậy.”

LŨ NGƯỜI BÁN LINH HỒN CHO QUÝ

“Sao rồi? Chiếc bàn đã sửa lại thành hình ngũ giác ngay



ngắn chưa đấy?” Giám đốc hỏi với giọng rưng rưng.

“Thưa rồi ạ,” phó giám đốc trả lời với vẻ mặt mếu máo.

“Vậy thì thập năm cây nến mỗi góc bàn, chính giữa thì ta đốt lửa lên thôi”, một phó giám đốc khác đáp với giọng sù sục.

“Nếu không làm chuyện này thì công ty chúng ta phá sản mất thôi. Thật quá sức tàn nhẫn”, giám đốc nói vậy rồi nức nở.

“Nhưng nếu chúng ta không bán linh hồn cho quý thì ba trăm năm mươi nhân viên sẽ đói khát, mười lăm công ty thầu cũng sẽ phá sản mất thôi”, phó giám đốc lí nhí cất lời. “Thời buổi này những công ty vừa và nhỏ đâu có con đường phát triển nào khác ngoài việc bán linh hồn cho quý dữ cơ chứ!”

“Đúng vậy. Chẳng phải có lần cả ba chúng ta cùng thề nguyện sẽ treo cổ chết cùng nhau còn gì”, một phó giám đốc khác khóc toáng lên.

“Chúng ta ba người đảng nào cũng chết xuống địa ngục rồi. Nếu đã thế thì bằng chúng ta gọi ác quỷ, bán quách linh hồn mình cho hắn để cứu bao nhiêu người bị liên lụy đến chúng ta.”

“Đúng thế đó”, giám đốc gào lên. “Nếu ba chúng ta chết đi thì bao nhiêu người khác cũng sẽ tiêu tùng. Bán linh hồn cho quý thật khổ đau còn hơn chết mà.”

“Đành bán linh hồn cho quý vậy”, ba người cùng lúc khóc tu tu. “Bán đi nào là bán đi thôi.”

“Vậy thì chúng ta bắt đầu tiến hành nghi thức gọi quý đi. Khóc mãi cũng có ích gì đâu. Thắp lửa lên nào”, giám đốc nói.

“Vâng, em sẽ đốt ngay,” phó giám đốc đáp lời.

“Rồi đầu tiên, hãy đốt thứ này đi.”

“Vâng ạ.”

Vị phó giám đốc nhận lấy cái xác khô cong của con thần lần từ tay giám đốc đưa cho và ném vào lửa.

“Tiếp theo là đến chân gà.”

“Vâng.”

“Tôi.”

“Vâng.”

“Tiếp theo là tinh dịch của khi.”

“Vâng.”

“Mì ăn liền.”

“Vâng.”

“Thuốc đo tam giác.”

“Vâng.”

“Hình khiêu dâm.”

“Vâng.”

“Cuối cùng là thứ này”, vị giám đốc run lấy bầy đưa cho phó giám đốc ba sợi tóc.

“Đây là tóc của ba người chúng ta đấy.”

“Và...ng ạ”, phó giám đốc đưa bàn tay run rẩy nhận lấy rồi nhắm mắt lại, ném thẳng vào lửa.

Sau một tiếng “bùm”, từ trong đám khói trắng một bóng người hiện ra.

“Ai gọi ta đấy?”

Bóng người trong khói trừng mắt nhìn ba người, trong tay cầm một thanh đao dài.

"Ben, Benkei (1) à?"

Vị giám đốc kinh ngạc sững sờ thốt lên.

"Ừ. Ta là Musashibo Benkei đây. Ai gọi ta lên? Có việc gì?"

"Không có gì đâu a", vị giám đốc la lớn. "Chúng tôi định gọi ác quỷ cơ."

"Hà, ác quỷ sao?" Benkei trợn mắt lên, múa may tám hướng, xoay đao vu vu rồi cất tiếng "Nếu là ác quỷ để ta trừng trị cho. An tâm đi nhé."

"Trời, nguy hiểm quá," ba người cùng hụp đầu xuống né tránh.

"Chắc là Benkei không giúp được chúng ta khỏi khổ nạn này đâu," vị phó giám đốc vừa hụp đầu né tránh vừa thì thầm với giám đốc. "Phải thỉnh ngài ấy đi thôi".

"Thiệt tình à. Phải vậy chứ biết sao giờ", vị giám đốc gật gù. "Nếu ác quỷ mà bị ngài ấy trừng trị thì thật tai hại cho chúng ta."

Vị phó giám đốc lấy nước trong xô dội vào ngọn lửa. Lập tức hình dáng của Benkei biến mất.

"Tại sao Benkei lại xuất hiện vậy chứ?" vị phó giám đốc gãi đầu gãi tai suy nghĩ.

"Có lẽ là chúng ta đốt sai trình tự rồi", giám đốc nói. "Bây giờ chúng ta thử đổi thứ tự rồi đốt lại xem sao."

Một lần nữa ba người tiến hành nghi thức, thay đổi chút ít trình tự các thứ ném vào lửa, cuối cùng sau khi đốt ba sợi tóc của ba người, một lần nữa tiếng "bùm" vang lên và trong đám khói có một bóng người xuất hiện.

"Nỗi khổ đau nào khiến các con phải gọi ta thế?"

"Chúa Giêsu à?" vị phó giám đốc hoảng hồn la lớn.

"Thôi thỉnh ngài đi mau", giám đốc nói. "Thánh thần thì làm sao hợp với chuyện buồn bán chứ."

"Thiệt tình à. Để vị thánh nhân này mà giúp đỡ việc kinh doanh thì chỉ có lỗ vốn thêm mà thôi", phó giám đốc ca thán. "Hơn nữa, ông ta lại chuyên bênh vực người nghèo với phía công đoàn lao động mới khổ chứ!"

Vị phó giám đốc kia vội vàng lấy nước trong xô dập tắt lửa. Chúa Giêsu biến đi không hình tích.

"Có lẽ như thánh thần và ác quỷ có họ hàng với nhau thì

phải. Vì thần đã xuất hiện rồi thế nên chắc chắn quỷ cũng phải lộ mặt ra thôi."

Giám đốc cất lời. "Được rồi, bây giờ chúng ta kết hợp tất cả các món với các trình tự lại mà làm vài lần nữa xem sao. Biết đâu ác quỷ sẽ xuất hiện đây. Cũng may mắn là tôi có chuẩn bị sẵn rất nhiều nguyên liệu đây."

Ba người lại thay đổi trình tự một lần nữa, gia giảm số lượng các món rồi những món dư thừa thì cũng tiện tay ném hết vào lửa thiêu luôn.

Có những lần không thấy gì nhưng có những lần thì thấy những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử hay quái vật giả tưởng xuất hiện ra. Tuy nhiên những nhân vật đó từ nữ tướng Tomoe Gozen, cậu bé cánh tay sắt Atom, nhạc sĩ Beethoven, Tôn Ngộ Không đến thiên tài kiếm khách Vagabond tất cả đều không ai có thể cứu được công ty đang trên đà phá sản. Vì trình tự nghi lễ được lặp lại cho nên có những nhân vật xuất hiện đến hai lần. Vì từ đầu không ai nhớ rõ trình tự nên quên mất việc mình đã thử qua rồi. Ba người ngoài cách tiếp tục đốt theo kiểu hú họa ra thì chẳng biết làm gì khác nữa cả. Trong lúc đó thì nguồn nguyên liệu tinh dịch của khí và xác thần lần khò hết sạch luôn. Việc có nhân vật xuất hiện trong lần khói giờ trở nên hiếm hoi. Một mối và chán nản, giám đốc cất tiếng. "Không cần đến cả ba chúng ta cùng làm đâu. Cứ để một người làm thôi còn hai người kia đi ngủ. Khi nào ác quỷ xuất hiện thì gọi dậy là được".

"Quả là như vậy thật", vị phó giám đốc nói. "Chúng ta sẽ luân phiên làm thay ca. Vậy đầu tiên, cậu làm đi nhé".

Vì giám đốc và một vị phó giám đốc đi ngủ nên vị phó giám đốc còn lại đành phải tiến hành nghi thức một mình.

Đến sáng khi cả hai người thức dậy thì thấy lửa đã tắt từ lâu còn vị phó giám đốc kia thì hai tay ôm đầu miệng không ngừng lầm nhảm.

"Này, cậu sao vậy hả?" cả hai người cất tiếng hỏi thăm.

"Tại sao lửa tắt rồi mà từ khuya đến giờ có ai xuất hiện không?"

Vị phó giám đốc kia ngược mặt lên với đôi mắt đỏ quạch mà trả lời.

"Lúc đầu thì chẳng có ai xuất

hiện cả. Em cố nén cơn buồn ngủ để tiếp tục tiến hành nghi lễ thì thấy có lần cả đám người xuất hiện. A, a, a chuyện gì vậy cơ chứ. Em nghĩ cái đám đó không phải ác quỷ nên đã thỉnh đi luôn. Khi đám đó đi hết rồi em mới nghĩ ra một chuyện thể mà không sao triệu hồi họ lên lại được nữa. Em quên mất là mình đã đốt cái gì với cái gì và theo thứ tự nào nữa. Vì lúc đó em cứ mơ màng nửa tỉnh nửa mê mà!"

"Vậy cuối cùng cái đám người đó là ai thế?"

"Đạ là bảy vị phúc thần (2) cưỡi trên chiếc thuyền ngọc đó a."

Chú thích:

1) Tức Saito no Musashibo Benkei (西塔の武蔵坊弁慶Tây Tháp Vũ Tàng Phường Biện Khánh) (1155-1189) gọi tắt là Benkei (弁慶), một tăng binh võ sư nổi tiếng cuối thời Heian.

2) Shichifukujin 七福神: Bảy vị phúc thần trong văn hóa dân gian Nhật Bản là Hotei (布袋Bố Đại), Juuroujin (寿老人Ông Thọ), Fukurokujuu (福祿寿Phúc Lộc Thọ), Bishamonten (毘沙門天Bì Sa Môn Thiên), Bentaizen (弁財天Biện Tài Thiên), Daikokuten (大黒天Đại Hắc Thiên), Ebisu (恵比寿Bì Huệ Thọ). Tương truyền bảy vị phúc thần này cưỡi trên thuyền ngọc, mang lại nhiều may mắn, trường thọ, phú quý. Đặc biệt thần Ebisu trở thành vị thần thương nghiệp phù hộ việc buôn bán và được người Nhật Bản rất yêu mến.



MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY**RAGU CHAY****Nguyên liệu:**

Nước lèo: 3 lít nước + 1 trái Fuji apple + 4 bẹ bắp cải + 1 củ su su + 2 củ cà rốt. Tất cả mấy thứ này xắt mỏng nấu cho lẹ khoảng 30 phút vớt hết xác bỏ.

- 1 củ cà rốt, xắt cục vừa ăn
- 5 củ khoai tây, xắt cục vừa ăn, chiên sơ
- 1 lon đậu Lima, xả cho sạch
- 8 oz nấm trắng, chẻ đôi
- 4 miếng đậu hũ chiên xắt con cò
- 1 chén bò cục chay, ngâm mềm, vắt khô nước, chiên vàng (hay dùng mì căn tự làm)
- 10 lá thơm (bay leaf)
- 1/3 muỗng cà phê bột dinh hương
- 1 muỗng canh tomato paste
- 1/2 muỗng cà phê tiêu
- Dầu ăn
- Gia vị: muối, đường, bột nêm tùy thích

Thực hiện:

Bắt chảo phi bột dinh hương và lá bay cho thơm, đổ tomato paste vào xào cho ra màu, cho tiếp bò cục chay, đậu hũ vào xào với chút muối, tiêu, đường cho thấm rồi trút vô nồi nước lèo.

Xào sơ theo thứ tự cà rốt, nấm với chút muối, rồi đổ vô nồi nước lèo trên, nấu khoảng 5 phút, cho tiếp khoai tây vào, nấu tiếp khoảng 7 phút nữa, nêm nếm lại gia vị cho vừa ăn, sau cùng cho đậu Lima vào, nấu sôi lại là xong.

Ăn với bánh mì, bún hay cơm tùy thích.

(Nguồn: G. Phụng)



TUYẾT TRẮNG BOSTON

(Gởi con LAT, thêm một mùa đông xứ người)

*Khi những bông tuyết đầu mùa bắt đầu rơi
Loài bông tuyết ủa về theo gió mùa đông bắc
Những mái nhà lợp tuyết – trắng màu trắng tinh
khô
Ba biết – con lại thêm một mùa đông xứ lạ.*

*Dòng sông đã đóng thành băng rồi chưa nhỉ
Mặt trời tròn và trắng – lạnh tựa ánh trăng đêm
Cây điểm trang – treo từng khối cầu pha lê kỳ lạ
Lấp lánh suốt mùa – chạy ngang dọc phố chưa
quen.*

Con mặc áo hoodies ra đường có mỏng mảnh
Xuống tàu điện ngầm – chỉ thấy trắng mênh
mông
Những nhánh tay xương khăng khi trong gió
lạnh
Hàng cây buồn - công viên Boston Public
Garden.*

*Tiếng chuông nhà thờ Trinity** có âm vang rộn
rã
Chào đón một mùa giáng sinh rất đổi yên bình
Quảng trường Copley – chắc thấy toàn người lạ
Con có nhớ nắng vàng – cái nắng phương đông.*

*Ôi cái nắng ngọt ngào – ngọt xanh từng cây trái
Con vẫn chưa về – ai thấp sáng chút niềm vui
Đã bao lần ba năm mơ – thấy mình chạm tuyết
Như chạm vào tay con – thuở con mới chào đời.*

* Áo hoodies; áo trùm đầu

** Nhà thờ Trinity: nhà thờ cổ xưa nổi tiếng của
thành phố Boston –Hoa Kỳ

thơ

LƯƠNG THIẾU VĂN

HOÀI NIỆM SÔNG QUÊ

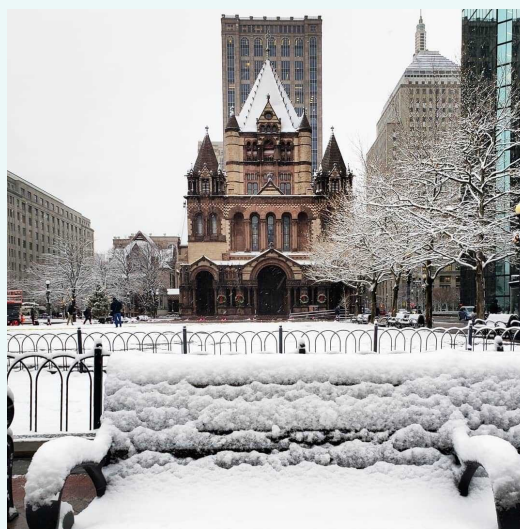
*Về nhìn nước chảy lưng cầu
Hôn như ngâm tiếng ca dao thuở nào
Đời trôi một cánh buồm nâu
Tôi qua biển rộng sông sâu cuối trời.*

*Con đồ trần trở mùa vui
Hạt phù sa nặng tình người sớm trưa
Sóng dòn dỏi ánh trăng xưa
Bờ lau lách ngọn gió đưa bèo bồng.*

*Tiếng chim chiền chiện rung lòng
Lời kêu khắc khoải mênh mông nỗi buồn
Gọi hè vọng cả khúc sông
Còn thơm hạt lúa thắm hồn hương quê.*

*Gánh gồng thấp thỏm chân đê
Khúc ru ngày cũ tôi về đêm rơi
Còn nghe tiếng vọng mẹ tôi
Ngày giông mưa bão trắng trời chơi vơi.*

*Lũ nguồn vỗ sóng lòng tôi
Nhìn mây nhớ núi ngó sông tìm người
Ngày về ngọn cỏ mô côi
Hôn thành lau trắng bãi bồi ven sông.*



A Cloud Never Dies...

HẠNH CHI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Thời gian, không gian vô hình vô tướng ngỡ như hờ hững nhưng lại có sức mạnh vô song khắc bao nét đậm trên những sự kiện đặc thù ở mọi lãnh vực mà không thời gian, không gian nào xoá nhoà được. Những nét đậm đó lặng thầm nối kết thành những trang sử song hành với nhân loại, để người trước, kẻ sau, biết được phần nào giòng sinh mệnh luân lưu, chìm nổi ...

Thời điểm giao mùa cuối năm Tân Sửu, trong lãnh vực tôn giáo, lúc 01:30 ngày 20 tháng chạp, tại quốc độ Việt Nam, cố đô Huế, Thiên-sư Thích Nhất Hạnh đã an nhiên thị tịch tại Tổ Đình Từ Hiếu.

Chỉ một vị thiên-sư ra đi nhưng tin được chuyển tải nhanh như tốc độ ánh sáng nên trong cùng ngày, khắp năm châu bốn biển đều nhận tin và rúng động. Không gian bao la như có một khoảng trống vô hình mà hữu hình. Khoảng trống vô hình của một vầng mây không còn trên bầu trời, nhưng hữu hình vì mây đó đang chuyển thành mưa.

Đó cũng là tinh-thần-tiếp-nối mà Thầy Nhất Hạnh thường xuyên nhắc nhở môn sinh khắp thế giới từ nhiều thập niên, nương lời Thầy giảng dạy mà tìm về Giáo Pháp, nương bước Thầy mà đi trên con đường tìm cầu Giác ngộ.

Pháp môn Làng Mai đã và đang có mặt khắp thế giới, khắp lãnh vực, khắp sắc tộc, đã và đang mang niềm tin và an lạc tới khắp nơi, khắp chốn...

Ảnh hưởng của Thầy mênh mang như vậy nên dấu biết ngày này sẽ tới nhưng lòng biết ơn và sự kính thương của muôn người thọ nhận, khó tìm hãm được cảm xúc!

Khắp thế giới đang cập nhật tin tức về những khoá tu Lễ Tâm Tang của Thầy và đường như, ai không đủ phương tiện và hoàn cảnh để đến được những địa điểm có Tăng Thân thì đều thực tập những lời Thầy dạy để ngay nơi mình cư ngụ, có thể tạo được không gian an hoà, tìm được thời gian tĩnh lặng mà chuyển tải tự lực cho nhau, thành nguồn tha lực, thực nghiệm sức mạnh vô song của sự Im Lặng Hùng Tráng.

Đan cử, ngày thứ nhất của khoá tu là Chủ Nhật 23 tháng 1 năm 2022 (nhằm ngày 21 tháng chạp năm Tân Sửu) đã hiển lộ điều đó qua hình ảnh Tăng Thân và đại chúng khắp các châu lục đang chia sẻ.

Nội dung thời khoá uyển chuyển tuỳ quốc độ nhưng đều có những phần căn bản mà Tăng Thân khắp nơi đều tinh tấn hành trì như toạ thiền, tụng kinh, lạy Sám Pháp, nghe Sư Ông khai thị (qua máy ghi âm), cung tiến Giác Linh Sư Ông, thiền hành trong Chánh Niệm, nghe đọc kinh (từ Nhật Tụng Thiền Môn Làng Mai)....

Dù ở nơi nào, từ Âu sang Á, từ Đông qua Tây, từ Nam lên Bắc, nhất nhất đều như đang cùng ở một nơi chốn, cùng có mặt cho nhau và cùng thể hiện được Chánh Niệm nội tâm, lan toả trong không gian bao la, sức mạnh kỳ diệu của sự Im Lặng Hùng Tráng.

Phải chăng đây là Âm-Thanh -Cửa-Vô-Thanh, không một lời

mà lời đang vô tận, không một bước mà bước vượt non ngàn ...

Đường như rất ít - hoặc chưa từng - trước một sự kiện chỉ nhận thông tin mà hàng triệu người trên khắp các châu lục đang tự thể mỗi cá nhân, bất ngờ thực chứng được tinh thần Hoa Nghiêm "**Một trong tất cả. Tất cả là một.**"

Điều gì khiến hàng triệu trái tim đang cùng một nhịp đập?

Phải chăng đây là hoa trái mà Tăng thân khắp nơi, môn sinh khắp chốn và những ai đủ duyên gặp được pháp môn Làng Mai, bỗng nhận thấy thành quả bấy lâu âm thầm hành trì đang kỳ diệu hiển lộ?

Một vị Thầy hướng dẫn tâm linh đã từng bước vững chãi, trao truyền Chánh Pháp qua những phương thức cực kỳ đơn giản mà đã giúp muôn người giải toả được khổ đau, cởi bỏ được lưới phiền não, mở rộng được lòng từ bi...

Nếu không thường xuyên tinh tấn, không thực sự hành trì thì khó có thể nhất loạt đồng tâm như vậy.

Nhớ lại, vào trung tuần tháng 11 năm 2014, Thầy bị xuất huyết não! Tình trạng nghiêm trọng tới mức hầu hết các bác sỹ ưu tú tại bệnh viện ở tỉnh Bordeaux, Pháp Quốc đã nghĩ rằng Thầy sẽ ra đi, không quá 24 tiếng đồng hồ!



Nhưng Thầy đã ở cùng các con của Thầy tới bảy năm sau.

Bảy năm - hơn 2 ngàn bốn trăm ngày - không dài, cũng không ngắn và Thầy vẫn truyền đạt lời dạy tới môn sinh, tới đại chúng bằng những động tác khi ngồi trên xe lăn. Hơn bảy năm, tuy Thầy không còn trực tiếp hiện diện nhưng lịch trình các khoá tu ở khắp năm châu bốn biển đã vẫn diễn ra, bình an và hạnh phúc.

Thầy từng chia sẻ rằng, trở ngại về thể lực cũng là dịp để Thầy thấy được các con của Thầy sẽ bước những bước chân thế nào, qua tinh thần sự-tiếp-nối mà Thầy trao truyền.

Tăng thân khắp chốn - nói chung - và những đệ tử lớn - nói riêng - đã không phụ lòng Thầy. Thầy đã thấy rõ sự-tiếp-nối, không chỉ nơi Tăng đoàn, là những đứa con Thầy trực tiếp truyền dạy, mà còn ở đại chúng thăm lặn khắp năm châu, an lạc hành trì Đạo Bụt Dẫn Thân, giúp mình và độ người.

Hình ảnh những khoá tu Tâm Tang khắp nơi đang tự nói lên điều này. Muôn người về, nhận chiếc khuy nhỏ thọ tang với 4 chữ "Đến đi thông dong" gắn lên ngực áo bên trái, hẳn đều nghe trái tim mình thổn thức lời Thầy từng nhắc nhở:

Ta vẫn còn đến, đi thông dong

Có không, còn mất, chẳng bản khoản

Bước chân con hãy về thanh thân

Không tròn, không khuyết, một vầng trăng ...

Kính bạch Thầy,
Bước thiền hành sáng nay, ngược lên bầu trời trong xanh, chúng con đang cùng nhìn thấy nét chữ thư pháp bay lượn:

"A cloud never dies"

Đám mây không bao giờ chết.
Đám mây chỉ đang chuyển thành mưa...

Hạnh Chi

(Thời điểm giao mùa 2021-
2022 - Đại Ân Sơn, Lộc Uyển tự
- Một ngày trong Khoá Tu Tâm
Tang tưởng niệm Thầy)



BUỔI ẤY NGƯỜI VỀ

(Viếng hương hồn cố thi sĩ Lâm Anh)

*Buổi ấy người về thăm cố quận
Xóm nhỏ bùng lên ngọn lửa hồng
Đêm lạnh tẩy trần mọi cạn mãi
Thăm tình huynh đệ bấy thu đông*

*Tiếng thơ vắt vẻo hồn vạn cổ
Ngân vọng về chao cốc rượu đầy
Tết ấy giao thừa không pháo nổ
Rượu tràn trên chiếu khói thơ bay*

*Người rời xứ đọa quên thương tích
Nhắm nháp tình xuân những mấy nhà
Chẳng cứ kiêng chi đêm trừ tịch
Mây thẳng quân mai rút không ra*

*Một tôi ta về ngang buổi ấy
Ấn Trà cội tiếng vạc kêu mưa
Lòng buốt đêm xuân ai lẻ bạn
Bồng trào lên chiếu rượu giao thừa*

*Đại bàng gãy cánh đêm tháng chạp
Đất trịch đành chôn một kiếp người
Ta rướn lên vãn thơ vĩnh biệt
Linh hồn của buổi ấy ai ơi!*

*Hồn nao lạnh lẽo trời cổ xứ
Đường chiều xao xác tiếng chuông ngân
Gió đuối từ âm dương cách biệt
Nổi cuồng phong quét xuống thật gần*

*Chớm bốn mươi năm hờn đày cốc
Lòng hiu như cỏ tự bên rừng
Hồn say ngát ngưỡng nơi đâu gió
Nhớ người mái phố cũng rung rung.*

thơ

LƯU LÃNG KHÁCH



MĂNG TÂY, A-TI-SÔ VÀ Ô-LIU

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

MĂNG TÂY (Asparagus)

Măng được thổ dân Hy Lạp và La Mã trồng từ cả vài trăm năm trước Công nguyên, nhưng chỉ du nhập Hoa Kỳ vào thế kỷ 17. Măng tây được trồng nhiều vào khoảng tháng 2 tới tháng 7.

Măng Tây hấp cách thủy hoặc chần nước sôi là món ăn khai vị rất ngon miệng mà lại bổ dưỡng. Măng cũng được trộn làm xà lách, nấu súp cua, thịt hoặc xào.

Măng có nhiều chất xơ và chất dinh dưỡng. Sáu đọt măng cung cấp 25 calori, 1g chất xơ, 150mcg sinh tố A, 10mg sinh tố C, 130 mg folacin.

Măng tây rất mau hư, nhất là không để tủ lạnh, nên cần được ăn càng sớm càng tốt sau khi hái. Măng đóng hộp mất nhiều dinh dưỡng và có nhiều muối. Măng có thể để đông lạnh và giữ được sinh tố C.

Khi mua lựa măng xanh sáng, đầu măng đỏ tía, thân chắc.

Măng chỉ ăn được từ phần còn xanh, khúc dưới trắng thường cứng nhắc nên bỏ đi; da của măng đôi khi khá dày, có thể bóc ra, để dành nấu súp.

Nhiều người cho rằng ăn măng sẽ bớt bị phong thấp khớp. Nhưng măng có nhiều Purine, nguyên thể của uric acid, nên ai bị bệnh thống phong (Gout) không nên ăn nhiều măng tây.

Măng đôi khi cũng làm nước tiểu có mùi hăng khó chịu, nhưng vô hại.



A-TI-SÔ (Artichoke)

Đây là loại cây giống như cây kê, thuộc họ Cúc, cao tới hai thước, lá dài, mọc cách; hoa hình đầu màu tím nhạt. Phần gốc của cánh hoa và đế hoa mềm có thể ăn được.

Actisô có nhiều chất dinh dưỡng như các sinh tố C, B, folacin, chất xơ và một vài khoáng chất như sắt, kali.

Actisô thường được luộc, hấp cách thủy để ăn hoặc ninh với thịt gà, thịt lợn.

Actisô có thể được dùng tươi, để đông lạnh hoặc đóng hộp.

Nhiều nghiên cứu cho biết Actisô có tác dụng bảo vệ gan, làm hạ cholesterol trong máu và đường huyết, kích thích sản xuất mật, giảm đau khớp xương, thông tiểu tiện.

Tại vài quốc gia, dung dịch chế biến từ actisô được dùng làm thuốc chích chữa các bệnh về gan. Trà Actisô là thức uống được rất nhiều người ưa dùng.

Theo nhiều chuyên gia, actisô không gây tác hại cho cơ thể.

Ô-LIU (Olive)

Ôliu thuộc loại trái cây nhưng lại được dùng như rau ăn.

Nguồn gốc củ olive ở bán đảo Hy Lạp, được người Tây Ban Nha đưa vào California vào giữa thế kỷ thứ 17.

Hiện nay, olive được trồng nhiều nhất ở Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ. Tây Ban Nha và Ý chiếm 50% sản lượng trái olive và 55 % dầu olive trên toàn thế giới. Tại Hoa Kỳ, 98% olive được trồng ở California.

Trái oliu hình bầu dục, nhỏ, vị đắng. Khi chưa chín thì màu xanh, lúc chín thì màu đen.

Sau khi hái, olive xanh và đen được nhúng vào dung dịch nước có pha một chút muối natri hydroxid rồi rửa sạch bằng nước để loại bỏ chất đắng *oleuropein*.

Olive trên thị trường được bán dưới nhiều hình thức và đã được lên men hoặc không lên men.

Trái olive có rất ít năng lượng, có một số chất dinh dưỡng như sinh tố A, calci, sắt, chất béo đơn chưa bão hòa và chất xơ. Năm trái olive xanh hoặc đen nặng khoảng 20g có 2g chất béo.

Olive dùng để ăn hoặc lấy dầu.

Dầu olive được dùng phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới. Dầu olive được dùng trộn xà lách, nấu với các thực phẩm khác hoặc để làm mỹ phẩm.

Olive là món ăn và cần thiết của người dân vùng Địa Trung Hải, để nấu với thịt vịt, thịt cừ non...

Với nhiều người khác, olive được coi như món ăn khai vị kích thích sự ngon miệng, thường được dùng với rượu Martini hoặc trang trí trên các món ăn chính như xà lách, pizza... cho thêm phần hấp dẫn

Olive sống cần được chế biến ướp muối, nấu chín trước khi ăn.

Khi mua olive hộp, nên lựa hộp nguyên vẹn không bị không khí xâm nhập. Loại Olive xanh hơi chát hơn olive đen.

Hộp olive dùng dở cần được cất vào tủ lạnh để tránh mau hư vì oxy hóa.

Olive hộp thường có vị mặn. Nếu ngâm vào dầu olive trước khi ăn thì sẽ bớt mặn hơn.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.

www.bsnguyenyduc.com



LIFE IS A GIFT

Today before you think of saying an unkind word -
Think of someone who can't speak.

Before you complain about the taste of your food –
Think of someone who has nothing to eat.

Before you complain about your husband or wife –
Think of someone who's crying out to God for a companion.

Today before you complain about life –
Think of someone who went too early to the grave.

Before you complain about your children –
Think of someone who desires children but they're barren.

Before you argue about your dirty house,
someone didn't clean or sweep –
Think of the people who are living in the streets.

Before whining about the distance you drive –
Think of someone who walks the same distance with their feet.

And when you are tired and complain about your job –
Think of the unemployed, the disabled and those who wished they had your job.

But before you think of pointing the finger
or condemning another –
Remember that not one of us are without sin and we all answer to one maker.

And when depressing thoughts seem to get you down –
Put a smile on your face and thank God you're alive and still around.

Anonymous

ĐỜI LÀ MỘT TẶNG PHẨM

Hôm nay suy nghĩ kỹ đi
Trước khi nói một điều gì xấu xa
Nhớ rằng có kẻ quanh ta
Nào đâu nói được vì là người câm.
Trước khi chê những món ăn
Không ngon! Rất dở! Ta cần biết thêm
Rằng bao nhiêu kẻ kẻ bên
Đồ ăn thiếu thốn, triền miên đói lòng.
Trước khi than chuyện vợ chồng
Bất hòa trong cuộc sống cùng bên nhau
Chớ quên nhiều kẻ muộn sâu
Kêu Trời! Than khóc! Có đâu bạn đời.
Hôm nay trước lúc thốt lời
Than phiền cuộc sống tứ thời bi ai
Thì nên nghĩ đến có người
Giờ này an nghỉ sớm nơi mộ phần
Trước khi lên giọng thở than
Than vì con cái chỉ mang chuyện buồn
Thời xin hãy nghĩ đến luôn
Có người hiếm muộn không con nổi dòng
Trước khi bực bội trong lòng
Vì nhà dơ bẩn mà không ai làm
Xin nghĩ đến kẻ làm than
Đầu đường xó chợ lang thang không nhà
Khi than phải lái đi xa
Lái xe mệt mỏi thật là không vui
Thời xin nghĩ đến những người
Cũng con đường đó tứ thời lê chân
Than việc làm chán vô ngần
Thì xin nghĩ đến người tàn tật kia
Và người thất nghiệp nã nê
Ước mong kiếm được việc chi để làm
Trước khi cáo buộc tha nhân
Trách người tội lỗi! Ta cần lưu tâm
Có người đôi lúc sa chân
Ít nhiều cũng phạm sai lầm tránh đâu.
Và khi tâm trí u sầu
Khiến ta chán nản! Hãy mau mỉm cười
Cúi đầu cảm tạ ơn Trời
Ta còn được sống, dong chơi vui vầy.

thơ

TÂM MINH —
NGÔ TẶNG GIAO

(chuyển ngữ)



LỤC BÁT THÁNG GIÊNG

*Xanh mùa hoa cỏ mênh mang
Trời cao đất rộng thênh thang mây ngàn
Đầy sân rộn tiếng riu ran
Đàn chim tha cọng nắng vàng đùa chơi*

*Trên cành lộc biếc sương rơi
Gọi mùa vui tới rợp trời én bay
Nàng xuân tha thướt gót hài
Vườn xuân sẵn lối mở bầy thiên thanh*

*Rót xuân giọt giọt long lanh
Say mùa hương phấn ướt vành môi Giêng
Thơ xuân bầy chữ huyền thuyên
Vay vãn lục bát chạm miền xuân neo...*

DIJU DÀNG GIÊNG HAI

*Mưa xuân như rắc bùa mê
Giêng Hai diu dặt én về đưa thoi
Đào phai ửng nụ tình khôi
Thoáng hương khép nép xa xôi mảnh tình*

*Rụng bông hoa bưởi im thình
Trăng treo vời vợi bóng hình tương tư
Lối về hoa cỏ hồ như
Tình tang ong bướm buồn... hư vô buồn...*

*Ru vãn lục bát trôi sông
Giêng Hai thềm thẹn in tường nhớ ai
Nàng xuân lược giặt trâm cài
Treo lên cành mộng lộc đài thanh tân*

*Thoảng nghe khúc gió băng khuâng
Tình xuân e ấp tận ngần trao thương
Dịu dàng chút nắng tơ vương
Giêng Hai chúm chím môi hường lời yêu...*

XUÂN BÌNH YÊN

*Neo đậu vào tôi mùa tươi mới
Mùa xuân sà xuống những yêu thương
Chim vẫn hát lời ca mê đắm
Gió và mây ngan ngát cung đường*

*Thấp hân hoan chắt đầy phía trước
Khung cửa gọi về giọt sáng bình minh
Xuân sắp tới và xuân đang tới
Môi chạm môi xao xuyến ngát hương tình*

*Hỏi cánh én từ đâu mang xuân đến
Diu dặt khắp trời tựa khúc hoan ca
Xuân thanh tẩy lòng người tươi mới lại
Phút bình yên nghe mưa nắng chan hòa...*

MƯA ĐÀU NĂM

*Ngỡ như qua phố tình cờ
Chút mây đông đánh bất ngờ thành mưa
Hỏi xuân, xuân đã về chưa?
Thêm rêu lối trúc đông đưa nắng vàng*

*Đường tơ ong bướm tình tang
Ơ hay xuân đã khẽ khàng qua Giêng
Mưa vui trảy hội trăm miền
Mưa như gột rửa bụi phiền thế nhân*

*Mưa về lòng lá thanh tân
Tiếng chim ban sớm băng khuâng niềm gì
Chênh vênh giọt mỏng nhu mì
Mưa Giêng khe khẽ thăm thì lời yêu...*

thơ TỊNH BÌNH

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



ĐÃ VỀ TỚI

Năm ấy quốc gia còn nội chiến loạn lạc, thầy đã dẫn thân chủ trương Phật giáo dẫn thân, lập trường thanh niên phụng sự xã hội. Thầy đi khắp nơi kêu gọi hòa bình, chấm dứt chiến tranh... Điều này làm phật lòng chánh phủ, thế là bị cấm cửa về và cũng từ đó thầy đem chánh niệm truyền bá khắp phương tây, thổi một làn hơi mới vào Phật giáo, độ rất nhiều người... Những lời thầy, thủ bút và thư pháp của thầy trở thành món ăn tinh thần cho những Phật tử khắp năm châu. Nào là: Sit in peace, breath you are online, here and now, đã về đã tới, uống trà của bạn, hiểu và thương... Thầy trở thành một thủ lĩnh tinh thần của bao nhiều người ở thế gian này. Ngày thầy về lại quê hương, đem hơi thở tươi mới đến với đồng bào Phật tử, tiếc thay hạt giống Làng Mai vừa ươm mầm thì bị triệt hạ ngay lập tức. Đại chúng kính và quý mến thầy, tuy nhiên cũng có một thiểu số hằn học kết tội, lên án và vu vạ cho thầy. Thầy vẫn bình thản và vững vàng như núi,



mim cười theo hơi thở vào ra
- Có hiểu mới thương.

Ngày thầy viên tịch, cả thế gian này tiếc thương, có kẻ hậu sinh bảo:

- Đâu phải bây giờ thầy mới về tới, thầy đã về tới từ lâu lắm rồi.

**NHẤT THỪA NGUYỄN HẢI
THANH TỊNH LỤC CÁN THẮNG
ĐẠO Ứ NIỆM HIỆN PHÁP LẠC
TRÚ**

**HANH BẤT NHI PHÂN VÔ
NHIỆM LỤC TRẦN THÁNH PHẠM
TẠI TÂM TỊNH THỔ MAI THÔN**

TỪ VÀ HUỆ

Quốc gia vẫn thường xảy ra thiên tai địch họa, người tử tâm lẫn kẻ hảo tâm không nề hà gian khó luôn đứng ra quyền góp giúp đời cứu người, khổ nổi đời cũng có không ít kẻ gian trá tà tâm, lợi dụng lòng hảo tâm của dân để xà xẻo, ăn chặn thậm chí bỏ hết vào túi riêng. Báo chí lẫn mạng xã hội phanh phui nhiều vụ động trời làm cho nhiều người hoang mang. Trong số họ có kẻ tham vấn thầy:

- Mình góp tiền làm từ thiện nhưng giao phó kẻ xấu hay kẻ thủ ác, vậy còn có lợi chi chăng?

Thầy lẳng lẳng một lát rồi kể chuyện:

- Có người nông dân đem mớ lúa giống gieo trên cát biển, nửa gieo trên sỏi đá, cuối mùa chẳng gặt được gì. Anh nông dân than thân trách phận, rồi còn trách cả trời đất. Có vị thần nghe thế bèn bảo anh ta: "Nhà nông trước khi xuống giống thường làm gì?" Anh ta mới trả lời: "Chọn đất, làm đất, đủ nước, đủ phân, hợp thời vụ..." Bấy giờ vị thần cười: "Anh biết thế sao anh không làm thế mà còn than trách?"

Nghe thầy kể chuyện xong, mấy vị Phật tử kia cũng hiểu

thầm ý nghĩa nên tất cả lặng thinh, không nói lời nào.

THUẬN NGHỊCH DUYÊN

Tan trường, tụi học trò ghé vào chùa Bồ Đề chơi, thiên hạ xưa nay vẫn bảo: "Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò". Chúng nó giỡn, chơi đùa âm ỉ. Chợt thằng Tí động tâm:

- Chỗn chùa chiền, tụi mình phải giữ im lặng để quý thầy tu.

Thằng Tèo phản đối:

- Mấy ông thầy tu cao rồi, ngồi giữa chợ cũng như ngồi trên non, chẳng sao đâu!

Bạn bè cũng chia hai phe, nửa theo thằng Tí, nửa ủng hộ Tèo. Chiều về nhà, cái Lan đem sự việc mách bố. Mẹ nghe được khen Tí và la Tèo. Bố cười bảo:

- Bà nó lại thiên lệch, đành rằng phước tội của Tí Tèo nhưng cũng là duyên thuận nghịch khảo nghiệm ông thầy.

CHƠI

Thiên hạ vốn thiên sai vạn biệt, kẻ tục người thanh, người hiền đũa dũa, có vị hưởng thượng thì cũng có không biết bao nhiêu người hưởng địa... từ đó cuộc chơi sinh tử này sanh ra bao nhiêu thứ chơi khác, nào là: chơi hoa, chơi chữ, chơi cảnh, chơi thú, chơi sách, chơi kiếng, chơi tiền, chơi sắc dục, chơi bời, chơi quyền lực, chơi chợ, chơi chùa... Làng có lão đại gia nhà cao cửa rộng, hoa viên đủ kỳ hoa dị thảo. Trong nhà nuôi một ông thầy đồ để dạy chữ cho con cháu trong nhà. Ông thầy đồ nổi tiếng văn hay chữ tốt, lại thường thắng cuộc chơi thơ thả chữ những ngày xuân. Một hôm ông nhà giàu bảo:

- Ông thầy nổi tiếng văn hay chữ tốt, ngày tết sắp đến rồi, ông hãy viết đôi câu đối mừng xuân nhé!

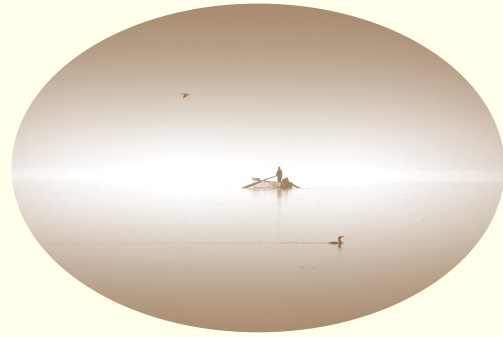
BAO ĐIỀU

Tam ngôn

Mỗi Sát-na,
Kéo hoài ta
Mùa xuân đến,
Tiết hạ qua,
Thăm kẻ não,
Giúp người hòa.
Gân chân tỉnh,
Bớt rộn ra.

Ngũ ngôn

Theo dần mỗi Sát-na,
Cứ mãi kéo hoài ta.
Lộc trời mùa xuân đến,
Cây mừng tiết hạ qua,
Hay tìm thăm kẻ não,
Sẽ hộ giúp người hòa.
Xích lại gân chân tỉnh,
Tâm mình bớt rộn ra.



Thất ngôn

Hiểu sợ theo dần mỗi Sát-na,
Bao điều cứ mãi kéo hoài ta.
Nhìn quen lộc trời mùa xuân đến,
Thấy rõ cây mừng tiết hạ qua,
Vạn sự hay tìm thăm kẻ não,
Mười phương sẽ hộ giúp người hòa.
Mon men xích lại gân chân tỉnh,
Được thể tâm mình bớt rộn ra.

thơ MINH ĐẠO

Ông thầy đồ hỏi chủ đề gì thì ông nhà giàu bảo:

- Y cứ vào hiện thực này mà viết.

Chỉ trong nháy mắt ông đồ treo lên vách mảnh giấy hồng:

CHƠI CÁN CHẠM HOA DẰNG
SẮC HƯƠNG NGÀO NGAT

CHƠI CHỮ CHUỐT VẦN TỎ
TÌNH Ý BĂNG KHUÁNG.

VÔ THƯỜNG

Đôi bạn trẻ là Phật tử thuần thành, biết giáo lý, hiểu đạo... Ngày kia hai người quỳ trước tôn tượng Bồ tát Quán Thế Âm. Cô gái thề nguyện:

- Có Bồ tát chứng giám, dù giàu hay nghèo em cũng yêu anh mãi mãi.

Chàng trai chỉ đơn giản:

- Anh thề cũng yêu em.

Cô gái liếc khế chàng trai nhưng không nói gì, đêm về mới tỏ thề:

- Dường như anh nhị tâm? Không dám thề nguyện mà chỉ dùng lời vô thường vô phạt.

Chàng trai cười:

- Mình là Phật tử hiểu đạo, lẽ nào em quên? Làm gì có chuyện trường cửu mãi mãi. Anh yêu em bây giờ và tại đây, còn mai kia, ở đâu làm sao biết được!

Cô gái hiểu vô thường nhưng vẫn phụng phịu. Chàng trai vỗ về:

- Dầu vô thường thay đổi không biết trước được, nhưng người Phật tử chắc chắn không phản bội tình yêu.

QUYỀN NĂNG BỌN NGƯỜI

Trời giữa đông, thời tiết lạnh kinh khủng, băng tuyết khắp phủ trắng xóa, gió àoạt từng cơn cơ hồ vạn vật hóa đá hết. Thần băng giá cười hăng hắc:

- Ta cho bọn người nếm vị đông, bọn họ sẽ biết quyền năng của ta như thế nào!

Lão nói dứt lời thì đám bộ hạ của y hốt hơ hốt hải chạy đến tâu:

- Bọn người không sợ lạnh, chẳng ngán tuyết băng. Bọn họ

tạo ra những cảnh giới ấm lạ lùng, thậm chí có thể nóng bức hơn cả mùa hè.

Thần băng giá lắc đầu nguầy nguầy:

- Làm gì có chuyện đó? Làm gì có cảnh giới ấm áp giữa mùa đông?

Lão không tin và bắt bọn chúng dẫn lão đến những nơi đó xem sao. Lão vừa chui đầu vào tòa nhà cao chọc trời thì lập tức thoát lui ngay. Lão lẩm bẩm:

- Quái lạ thật! Bọn người hóa giải được quyền năng của ta, ta không thoát ra sớm thì tiêu tùng rồi!

Lão còn đang bối rối không biết sự thể thế nào thì nhận được tin nhắn của nữ thần mùa xuân:

- Bọn người có quyền năng lớn lắm. Họ có thể tạo ra những cảnh giới bốn mùa theo ý thích. Xem ra bọn họ đã có phần vượt mặt bọn ta rồi!

STEVEN N
Georgia, 01/21

Tiếng đàn vi diệu

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Trong một đêm trăng sáng, trời trong xanh hiền lành như một tâm hồn giải thoát. Trong Kỳ Hoàn tịnh xá, Đức Phật trang nghiêm ngồi trên Bửu tọa, hào quang ngũ sắc tỏa khắp quanh Ngài; ánh sáng chói ngời làm tăng thêm vẻ uy nghi của một đấng Thế Tôn.

Đêm càng về khuya, khí trời càng thêm mát dịu, gió nhẹ man man đem muôn vãn hương lạ từ Hy Mã Lạp Sơn về lượn qua kẽ lá của rừng cây, len vào trong Tịnh xá, hòa hợp tạo nên một hương vị đậm đà mùi đạo vị.

Giữa sự vắng lặng của đêm khuya, các vị Tỳ kheo đều ngồi quanh trong Tịnh xá, trầm tư mặc tưởng, cố công tu luyện tìm rõ cội gốc nghiệp chướng của con người, để diệt trừ mọi dây oan nghiệt hầu trở nên con người lành mạnh hữu ích cho thế nhân. Với tâm niệm bao la, với tâm hồn phóng khoáng, các vị Tỳ kheo tùy theo căn cơ vị theo sở thích của mình, đều một lòng tinh tấn tu tập theo phương pháp của mình lựa chọn không ngừng.

Nhưng trong đêm nay một trong hàng ngàn vị Tỳ kheo

đương tu tập có một vị mới được thọ giới Tỳ kheo vì chí dũng mãnh muốn mình sớm đắc đạo liền, đã tung kinh Di giáo của Đức Phật Ca Diếp suốt đêm, cầu nguyện Ngài gia hộ để mau chứng Thánh quả. Nhưng đêm càng về khuya, thân thể của vị Tỳ kheo ấy càng thêm mệt mỏi, mà nhìn lại bản thân và nội tâm của mình vẫn chưa giác ngộ được điều gì. Vì thế, sau một hồi suy nghĩ chưa thấu đáo, vị Tỳ kheo ấy sinh tâm buồn chán, có ý định muốn thôi lui, trốn tất cả bạn đồng tu để về sống lại cuộc đời trần tục.

Ý định của vị Tỳ kheo kia vừa khởi, Đức Phật biết được. Ngài cho vị Tỳ kheo thị giả gọi ngay vị tỳ kheo sắp thoái chí kia đến. Thoáng qua nét mặt ưu tư, với lòng Từ bi cao cả, Đức Phật liền dịu dàng hỏi:

- Khi còn ở thế gian, con thích chơi thứ gì?
- Bạch Đức Thế Tôn, con thích chơi đàn cầm.
- Dây chùng thì thế nào?
- Bạch Ngài đàn không ra tiếng.
- Dây căng quá thì sao?

- Bạch Thế Tôn, mọi tiếng đều dứt.

- Còn dây lên vừa vừa thì thế nào?

- Bạch Thế Tôn, tiếng đàn vi diệu, vang ngân đó đây.

- Cũng vậy con ạ! Người học đạo không tinh tấn thì không đạt đạo, mà tinh tấn quá cũng không đem lại kết quả nào. Nếu muốn có kết quả tốt đẹp, con cần phải tu tập vừa phải, tinh tiến đều đặn. Đừng nên thái quá rồi bất cập, sanh tâm chán nản, như con vừa có ý định thoái lui.

Nghe Phật dạy xong, vị Tỳ kheo kia liền tỉnh ngộ. Thấy sự tu tập của mình quá khờ dại, ý định trở về trần tục thật điên rồ, nên đã thành thật ăn năn sám hối, đành lễ Phật và nguyện vâng lời chỉ dạy của Ngài, cố công tu tập vừa phải, tinh tiến không ngừng trên đường đạo.

Sau khi lễ Phật trở về phòng riêng của mình, vị Tỳ kheo thoái chí kia vẫn còn nghe văng vẳng lời Phật dạy, trong lòng thấy khoan khoái và mãn nguyện lắm. Vì không có gì quý giá hơn, khi vị Tỳ kheo ấy thấy rõ hướng đi của mình trên đường tu tập không khác gì chiếc thuyền sau bao ngày lênh đênh lạc hướng giữa bể cả, vừa tìm thấy được lối về quê hương bến cũ.

Chuông trong Tịnh xá nhẹ nhàng, khoan thai điểm từng tiếng một, báo hiệu một đêm đã tàn. Ánh sáng ban mai hòa hợp với không khí trong lành của Tịnh xá, tạo thành một sớm bình minh vô cùng tươi sáng. Chim trong vườn tỉnh dậy, cất tiếng hát líu lo hòa theo tiếng gió, tạo nên một bản nhạc trầm hùng của vũ trụ.

Chư thiên khắp nơi, từ những phương trời xa thẳm vượt qua giới hạn của không gian, rộn ràng bay về trong Tịnh xá, và mang theo vô số hoa lạ của ngàn phương về cúng dường Đức Phật, làm cho buổi sáng của Tịnh xá đã linh động, lại tăng bừng và càng linh động thêm. Nhưng có bình minh nào trong lành tươi sáng, có cảnh nào tưng bừng linh động bằng tâm hồn của vị Tỳ kheo kia, khi vị ấy nhận rõ được đường lối tu tập của đời mình qua một đêm dài đen tối của cõi lòng...

Trúc Ti



XUÂN VỀ BUỔI SỚM MAI

Sớm Mai vừa thức dậy
Tuy chưa thấy mặt trời,
Trong Tâm bừng tiếng nói,
Yêu quê hương, yêu người...
 Một ngày sớm tinh sương,
 Gửi lời chào quê hương,
 Nơi tôi được sanh trưởng,
 Dưỡng nuôi trong yêu thương...
Ơn Cha Mẹ khắc sâu,
Ơn Tổ Quốc hàng đầu,
Ơn Công Thầy dạy dỗ,
Ơn Tam Bảo đậm màu...
 Hoa đào sân trước nở
 Khoe sắc thắm nhụy hồng
 Phảng phất gió mùa đông
 Đón xuân về rực rỡ...
Hoa lung linh trong gió
Nụ đào vừa chớm nở
Lộc xuân vừa trở lá,
Hương nhẹ nhàng bay xa....
 Tia nắng sớm long lanh,
 Hơi ấm nhẹ trong lành,
 Giọt sương tan trên lá
 Rơi xuống một đóa quỳnh..
Hương ngọc lan thơm ngát
Bướm vàng lượn trong sân.
Chú chim khuyên quanh quẩn,
Trăm hoa nở quanh mình....
 Bầu trời cao trong xanh
 Mây lơ lửng an lành
 Soi mình trên hồ nước
 Thiên nhiên thật an bình..
Ngày mới đến thật nhanh,
Chánh Kiến chọn điều lành,
Chánh Ngữ từng lời nói,
Chánh Tư Duy an bình...
 Thế giới ở chung quanh
 Trần gian chẳng yên lành
 Con dâng lời khấn nguyện,
 Cầu thế giới thanh bình
Xin cầu chúc mọi người
Mỗi ngày nhiều niềm vui,
Sống an lành hạnh phúc,
Mang yêu thương cho đời...

BÁT CHÁNH ĐẠO

CHÁNH KIẾN

Mỗi ngày chứng kiến những buồn vui,
Thất tình lục dục của bao người
CHÁNH KIẾN đúng sai ta phân biệt
Xét điều tà-chánh bởi tâm thôi,

CHÁNH TƯ DUY

CHÁNH TƯ DUY nghĩ đúng, thiện lành,
Không theo vọng tưởng nghĩ loanh quanh.
Tư duy an nhiên, tâm tự tại
Mọi điều lành dữ bởi tâm sanh.

CHÁNH NGŨ

CHÁNH NGŨ thẳng ngay mỗi ngôn lời,
Chánh chân lời nói tạo niềm vui,
Ái ngữ, từ bi, tâm khẩu phục
Được lòng yêu mến biết bao người.

CHÁNH NGHIỆP

Hành động sáng suốt và thiện lành,
Thanh cao, minh bạch, chẳng đua tranh
Đóng góp việc lành cho đại chúng,
Mang niềm hạnh phúc người chung quanh...

CHÁNH MẠNG

Việc làm chân chánh để nuôi thân,
Thẳng ngay, trong sạch, với chuyên cần.
Sanh mạng muôn loài luôn tôn trọng,
Từ Bi với tất cả sinh linh...

CHÁNH TINH TẤN

Chuyên cần, cố gắng một việc chi
Tinh tấn, chú tâm, thực hành, trì..
Việc tốt quyết tâm ta thực hiện
Trau dồi Phước Huệ lẫn Từ Bi...

CHÁNH NIỆM

Một niệm khởi biết từ chân tâm,
CHÁNH NIỆM đúng đắn bởi tâm lành.
Không để tâm mình theo trần cảnh
Thấy/ Nghe/ Hay biết từ Phật tâm.

CHÁNH ĐỊNH

Tập trung tư tưởng một điều gì,
Lắng lòng Thiền Định chẳng nghĩ suy.
Chân tâm yên tịnh như hồ nước,
Nhìn suốt đáy hồ mây trời xanh.

The Story of Kapila the Fish

Dhammapada, Verses 334, 335, 336 & 337

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (334), (335), (336) and (337) of this book, with reference to a fish with a lovely, golden colour and a stinking mouth.

During the time of Kassapa Buddha, there was a bhikkhu named Kapila, who was very learned in the Pitakas. Because of his great learning he gained much fame and fortune; he also became very conceited and was full of contempt for other bhikkhus. When other bhikkhus pointed out to him, what was proper or not proper he invariably retorted, "How much do you know?" implying that he knew much more than those bhikkhus. In course of time, all good bhikkhus shunned him and only the bad ones gathered round him. On one fasting day, while the bhikkhus were reciting the Fundamental Precepts for the bhikkhus (i.e., the Patimokkha) Kapila said, "There is no such thing as Sutta, Abhidhamma, or Vinaya. It makes no difference whether you have a chance to listen to the Patimokkha or not," etc., and left the congregation of the bhikkhus. Thus, Kapila was a hindrance to the development and growth of the Teaching (Sasana).

For this evil deed, Kapila had to suffer in niraya/hell between the time of Kassapa Buddha and Gotama Buddha. Later, he was reborn as a fish

in the Aciravati River. That fish, as mentioned above, had a very beautiful golden body, but his mouth had a very horrid, offensive smell. One day, that fish was caught by some fishermen, and because it was so beautiful, they took it in a boat to the king. The king, in his turn took the fish to the Buddha. When the fish opened its mouth, the horrid and offensive smell spread all around. The king then asked the Buddha why such a beautiful fish should have such a horrid and offensive smell. To the king and the audience, the Buddha explained, "O king! During the time of Kassapa Buddha there was a very learned bhikkhu who taught the Dhamma to others. Because of that good deed, when he was reborn in another existence, even as a fish, he was endowed with a golden body. But that bhikkhu was very greedy, proud and very contemptuous of others; he also disregarded the Disciplines and abused other bhikkhus. For these evil deeds, he was reborn in niraya/hell, and now, he has become a beautiful fish with a mouth that stinks." The Buddha then turned to the fish and asked whether it knew where it would be going in its next existence. The fish answered that it would have to go again to niraya/hell and it was filled with great despair. As predicted, on its death the fish was reborn in niraya/hell, to undergo another term of continuous torment.

All those present hearing about the fish got alarmed. To then, the Buddha gave a discourse on the benefits of combining learning with practice.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

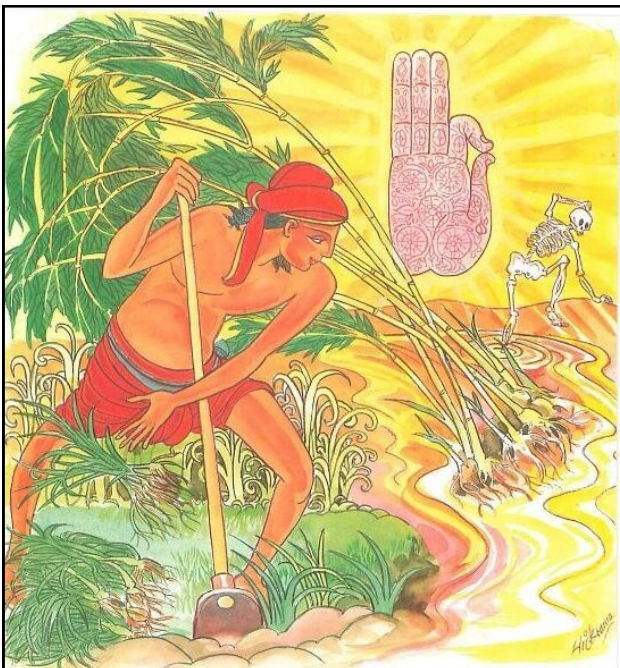
Verse 334: In a man who is unmindful craving grows like a creeper. He runs from birth to birth, like a monkey seeking fruits in the forest.

Verse 335: In this world, sorrow grows in one who is overwhelmed by this vile craving that clings to the senses, just as well-watered birana grass grows luxuriantly.

Verse 336: In this world, sorrow falls away from one who overcomes this vile craving that is difficult to get rid of, just as water drops fall away from a lotus leaf.

Verse 337: Therefore, I will deliver this worthy discourse to all of you who have assembled here. Dig up the root of craving just as one who wishes to have the fragrant root digs up the birana grass. Do not let Mara destroy you again and again, as the flood destroys the reed.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Root out craving like Birana grass for its fragrant root. Let not death repeatedly shatter you.

337. *Tañh vō vadāmi bhaddaṇh vō
yāvant'ettha samāgatā
tanhāya mūlāṇh khaṇatha
usirathhō va biraṇaṇ
mā vō naḥaṇ va sōḥ va
mārō bhañji puṇappamaṇ. (24:4)*

Prosperity to you, I say,
to all assembled here!
When needing grass's fragrant root
so craving extirpate.
Don't let Mara break you again,
again as a torrent a reed!

HAI CẢNH ĐỜI

Năm mới đã gần sang
Người người đi sắm Tết
Chợ họp thật rộn ràng,
Phố phường vui ra phết

Ông bà kia sang ghé
Mua nhiều gói khá nặng
Cô, cậu nhỏ cùng đi
Ăn mặc rất sang trọng

Anh xích-lô bên lề
Vội vàng đưa xe tới
Những rổ thực chán phè
Xe Huế-kỳ lái lại

Ôi, hoa nở xuân lai ...
Áo quân anh rách rưới
Vợ đau, con còn dại
Thấu tình chẳng? Trời hời!

Gạo hết, tiền cũng không
Lòng đờm buồn tê tái
Chủ nợ chẳng rộng dung
Năm hết rồi, khát mãi!

Tết nhất thật mĩa mai
Từng lớp người sương, khổ
Kẻ vui, người ại hoài
Tết làm chi thế hờ!

HOMELESS

Mùa đông gió rét mịt mù sương
Trời sâu nên nặng mối tơ vương
Mưa tuyết ngập tràn đường phố xá
Thương người thiếu áo lạnh thấu xương
Thương dân homeless không nhà cửa
Người ở vila, kẻ bụi bờ
Phải chăng thiếu phước nên đời khổ
Ngay xứ sang giàu sống tả to!

Dẫu đời không phải một vườn hồng
Cũng không nên khinh thường mạng sống
Cần thanh lọc tinh thần trong sáng
Dẹp bỏ đi lối sống buông tuồng
Nghiện ngập say sưa rượu, ma túy
Khiến cho đời ngày mỗi tối đen
Làm lỡ cả chuyến đò hoa niên
Giữa thủ đô (Washington D.C.) trắng lệt!
Phải biết trân quý cuộc sống này
Vì được làm người không phải dễ!

thơ **DIỆU VIÊN**

Xuân Nhâm Dần 2022



[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Thiện Đặc mới quen tôi vào mùa hè năm ngoái. Trước đó, Thiện Đặc biết tôi qua sự giới thiệu của chú Hòa (lúc này đã là một vị đại đức, nên gọi là thầy Tâm Hòa). Tâm Hòa kết giao với Thiện Đức và Nguyễn Lạc trong một dịp lễ lớn nào đó ở Sài Gòn. Vì có sinh hoạt và giữ một nhiệm vụ quan trọng trong Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, Tâm Hòa muốn giới thiệu đường hướng sinh hoạt chung của chúng tôi đến hai người bạn mới này; rồi thấy họ là những tăng sĩ trẻ nhiệt tâm, Tâm Hòa hướng dẫn họ đến tiếp xúc tôi tại chùa Long Quang, ngôi chùa ở kinh tế mới Bàu Cạn, thuộc huyện Long Thành.

Thiện Đặc lớn hơn tôi vài tuổi, nhưng anh hòa hợp và làm việc với tôi dễ dàng. Anh và Nguyễn Lạc có đến ở lại chùa Long Quang với tôi ba tháng vào mùa hè năm ấy.

Thiện Đặc đang là sinh viên Luật khoa năm thứ nhất vào năm cuối cùng của chế độ Cộng Hòa. Một tu sĩ đeo đuổi Luật học cũng cho thấy phần nào cả tính và khuyên hướng của Thiện Đặc. Thường ngày, Thiện Đặc chuyên tâm đọc sách, tọa thiền, tụng mật ngôn (đà-la-ni, tức thần chú), ít nói chuyện. Nhưng vào các đêm chùa Long Quang có tổ

chức uống trà đọc thơ dưới trăng, Thiện Đặc luôn luôn là người sôi nổi, tích cực nhất trong mọi tiết mục. Anh ca, đọc thơ, thảo luận thao thao với nhiều sáng kiến, nhiều nhận định sâu sắc về thời cuộc. Anh không đam mê gì ngoài việc tụng đọc thần chú và hút thuốc. Có thể nói là anh nghiện thuốc lá khá nặng. Tuy vậy, mỗi khi nhập thất (kéo dài một tuần), anh có thể không hút một hơi thuốc nào. Bắt tay vào việc gì anh cũng sốt sắng và quyết tâm làm cho đến nơi đến chốn. Có khi Thiện Đặc nói với tôi rằng anh không thấy gì trở ngại khi vừa đeo đuổi con đường giải thoát vừa dẫn thân cứu đời bằng con đường chính trị để mưu cầu hạnh phúc cho số đông. Tôi cũng tán đồng quan điểm của anh. Tôi cho rằng, Phật giáo là đạo từ bi, giải thoát và giác ngộ. Nuôi dưỡng lòng từ bi thì không thể để mặc cho dân đói khổ; có lý tưởng giải thoát thì không thể để dân bị trói buộc trong xiềng xích nô lệ; có tinh thần giác ngộ thì không thể để cho dân bị các thế lực cầm quyền dìm vào chính sách ngu dân, hiểu biết một chiều một cách vô minh để rồi lại thêm trăm năm, ngàn năm tiếp tục sống dưới ách nô lệ, mất hết tính tự chủ độc lập mà tổ tiên đã trải cả máu xương để gìn giữ! Và tôi lặng lẽ nhìn Thiện Đặc như một hình

ảnh đẹp biểu trưng tinh thần Đại thừa Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Việt Nam qua mọi thời đại, luôn gắn liền với dân tộc để gánh chung tất cả khổ nhục trong những bối cảnh suy vi của đất nước.

Sau ngày 30/4/1975, Thiện Đặc bị cộng sản trục xuất ra khỏi Việt Nam Quốc Tự. Nhà nước cho rằng ngôi quốc tự này được xây dựng bằng ngân quỹ của Mỹ-Ngụy, nên phải sung công để làm khu vui chơi giải trí của quận 10 (Cô nhi viện Quách Thị Trang ở sau lưng Việt Nam Quốc tự cũng cùng chịu chung số phận). Thiện Đặc kể lại rằng lúc mang hành lý cá nhân để rời khỏi Việt Nam Quốc Tự, anh hãy còn là một chú sa-di mười chín tuổi. Anh không ngờ là có lúc trên đời, một tu sĩ Phật giáo như anh bước ra khỏi cổng chùa mà chẳng biết đi về đâu. Đứng bên đường quay nhìn ngôi tháp cao sừng sững của Việt Nam Quốc Tự, anh nói lời từ biệt rằng: "Quốc tự ơi, có ngày ta sẽ trở lại để tiếp tục làm tiêu đồng quét dọn lá vàng trong sân mi." Cuối cùng, Thiện Đặc đến sống tạm với người anh ruột trong một ngôi nhà nhỏ trên đường Nguyễn Thiện Thuật, thuộc quận 3. Tưởng là sống tạm, không ngờ vì vấn đề khai báo hộ khẩu, Thiện Đặc trở thành thường trú nhân của gia đình người anh, và suốt mười năm kế tiếp, anh vẫn chưa chính thức xin được hộ khẩu hợp

lệ ở bất cứ ngôi chùa nào trên đất nước. Dù vậy, anh vẫn quyết chí giữ gìn lý tưởng và sắc áo tu. Ban ngày anh đến tu học tại chùa Pháp Hoa (gần cầu Trương Minh Giảng), ban đêm về ngủ tại nhà người anh. An một nơi, ngủ một nơi, Thiện Đặc vẫn vui vẻ, lạc quan và lặng lẽ tìm bạn cùng chí hướng.

Nhắc đến Thiện Đặc, cũng khó lòng quên được hình ảnh rất dễ thương của một tu sĩ trẻ đứng thả cá, thả chim trên các cây cầu Sài Gòn, nơi mà xe cộ ồ ạt qua lại. Thịnh thoảng có tiền, Thiện Đặc ra chợ mua chim, cá đem phóng sanh. Tục phóng sanh đã có từ lâu đời và là một tục lệ rất phổ thông trong sinh hoạt Phật giáo với ý nghĩa tôn trọng sự sống của muôn loài, đồng thời là để thể hiện lòng từ bi của một người theo Phật. Phóng sanh vì thế, trong ý nghĩa thâm sâu, cũng chính là một phương pháp tu hành, thuộc về hạnh bố thí. Nhưng hiện nay, do vì người ta quá câu chấp vào hình thức phóng sanh nên phong tục này lại được hiểu sai như là một hành vi cầu phước. Tín đồ Phật giáo bây giờ phóng sanh với ý niệm cầu nguyện cho mình được an lành, may mắn, tai qua nạn khỏi, tiêu trừ tật bệnh. Vì đã hiểu như thế, dần dần tục phóng sanh trở nên một công việc dành cho giới bình dân phật-tử chỉ biết đến chùa cầu nguyện xin phước. Tôi chưa thấy một tu sĩ nào đích thân mang chim cá có ý cầu danh, muốn được người khác nhìn thấy và khen ngợi

hành vi cao đẹp của mình. Vì tôi biết rõ, giới tu sĩ chúng tôi, không ai chuộng những lời khen là mình đã phóng sanh, ngầm hiểu là ham cầu phước. Dĩ nhiên trong hàng ngũ tu sĩ có nhiều sự sai biệt về khuynh hướng cũng như thói quen về sinh hoạt thường nhật. Người ý này, kẻ ý nọ, tùy theo cá tánh, tầm nhìn và hoàn cảnh của mình mà hành xử với đời. Nhưng, sự nghiệp duy nhất của tăng sĩ Phật giáo vẫn là sự nghiệp giác ngộ. Có giác ngộ mới có giải thoát. Phóng sanh đã bị hiểu như hành vi cầu phước của quần chúng bình dân ít hiểu đạo thì hiếm khi nào một tu sĩ—nhất là tu sĩ trẻ ở phố—lại chịu một mình đi phóng sanh công khai ở chỗ đông người. Thường thì vị thầy chỉ chú nguyện, trì tụng nghi thức phóng sanh rồi thả chim ngay tại chùa, còn cá, ếch nhái hay rùa thì giao các phật-tử mang đi thả ở mé sông. Bởi thế phóng sanh công khai giữa phố đời, tôi biết chỉ có Thiện Đặc là ông thầy tu trẻ duy nhất thực hành. Ban đầu tôi cũng không mấy thích về chuyện phóng sanh của anh, vì tôi cho rằng, chính tục lệ phóng sanh bị hiểu sai mà đưa đến tình trạng lạm phát của nghề bán chim cá; càng có nhiều người ham cầu phước phóng sanh thì càng có nhiều người khác nỗ lực đi bắt chim, lưới cá. Nhưng Thiện Đặc thì nghĩ khác. Anh cho rằng chỉ sau năm 1975, vì đời khổ quá nên xã hội mới nảy sinh quá

nhiều nghề nghiệp mà trước đó không hề có, hoặc chỉ có rất ít. Nghề bán chim, cá cũng là hậu quả của một xã hội đói kém, thiếu thực phẩm. Anh nói, người ta càng đánh bắt chim cá nhiều, người phật-tử càng thực hành hạnh bố thí và phóng sanh nhiều hơn. Điều này cũng có thể ngầm hiểu rằng, khi người cộng sản bắt bớ bỏ tù và tước đoạt hết nhân quyền của người dân, phật-tử khắp nơi trong cả nước có bốn phần lên tiếng để đòi lại những gì bị đánh mất.

Lần cuối cùng tôi và Thiện Đặc gặp nhau cách nay khoảng hai tháng. Tình cờ đi ngang đường Nguyễn Thiện Thuật ở quận 3, tôi bắt gặp Thiện Đặc đạp xe đi ngược chiều. Tôi đưa tay vẫy, anh mừng quá, dừng xe lại, rồi mời tôi về nhà của người anh ruột, nơi anh tá túc lâu nay. Câu cuối cùng Thiện Đặc nói với tôi lúc chia tay rất cảm động, đáng nhớ:

"Khi nào cần người góp sức, hay cần việc gì đó, Khang cứ đến đây gọi, tôi sẵn sàng tham gia bất cứ lúc nào, tham gia vô điều kiện."

Trong thời gian ẩn lánh, nghe được một lời nhiệt tình như thế, tưởng cũng ấm lòng tôi phần nào.

Ông Trọng đẩy miếng cạc-tông qua phía tôi:

"Quạt đỡ đi. Sao, bữa nay khai cung thế nào? Tụi nó quần cậu dữ hả?"

"Cũng đâu có quần gì lắm đâu. Mọi chuyện đã đâu vào đó hết rồi mà."

"Đâu vào đó? Ý cậu nói sao?"

"Hôm nay làm biên bản kết cung rồi."

"Cái gì? Kết cung? Sao nhanh quá vậy?"

Tôi cười:

"Có gì lạ đâu? Bộ khai cung thì phải lâu, phải kéo dài sao? Không, cháu hỏi thiệt đó, khai cung lúc nào cũng phải kéo dài ạ? Tại sao vậy?"

"Thì... bởi vì vấn đề phạm tội lúc nào mà chẳng phức tạp! Nó luôn luôn liên quan đến nhiều người và việc khác. Với lại một phần cũng do mình không khai thật, không khai hết những gì tụi nó muốn biết. Kéo dài là vì vậy. Thường thường khai cung cũng phải mất cả tháng, hoặc nửa



tháng, hay nhanh lắm là trong vòng một tuần lễ làm việc liên tục. Cậu mới có hai ngày mà đã kết cung thì lạ đó chứ."

"Vây hả. Nhưng cháu chẳng thấy gì lạ cả. Cháu có nói chú nghe trường hợp của cháu rồi mà. Bốn tháng trước, gần như toàn bộ nhân sự của Lực lượng Phục quốc bị bắt ở Long Thành và nhiều quận huyện khác của tỉnh Đồng Nai."

"Điều đó không có nghĩa là mọi chuyện đã xong, vì chưa chắc cả trăm người đó đều biết cậu hoặc khai gì đó về cậu, phải không?"

"Nhưng có người bạn cháu làm đặc tình, như chú đã biết, anh ta nắm rõ mọi vấn đề rồi. Vây lại, cháu thấy chẳng cần thiết gì cái chuyện chối quanh co những gì cháu đã làm. Chối quanh co chỉ có lợi khi nào nó dẫn cán bộ khai cung đến chỗ lẫn lộn, không tìm ra được manh mối nào để kết tội mình. Đàng này, đã biết trước là không thể tránh, không thể chối, thì chối làm gì. Huống chi..."

Tôi định nói rằng, "huống chi giới luật Phật giáo dạy cháu không được nói dối," nhưng kiềm lại. Ông Trọng nhìn tôi, có vẻ chờ đợi tôi nói tiếp câu nói bỏ lửng. Thấy tôi không nói gì nữa, ông hỏi:

"Cậu nói *huống chi*... cái gì?"

"Huống chi cháu thực tình là không muốn nói dối. Chối chạy việc mình làm là nói dối chứ gì, phải không? Cháu không thích làm vậy. Nói dối với những người nắm vũ lực trong tay, có vẻ hèn nhát quá. Cháu cảm thấy vậy. Họ nghĩ rằng mình sợ án tù, sợ họ kết tội nặng nên mới chối cái."

Ông Trọng ngó tôi với hai con mắt mở lớn:

"Trời đất, làm chính trị mà nói như cậu thì chết tiêu! Chấp nhận làm chính trị thì phải chấp nhận mọi thứ phương tiện, cho dù là một thứ phương tiện dối trá, lừa đảo... mà người ta thường gọi là thủ đoạn. Huống gì chuyện che giấu trong lúc khai cung, cũng chỉ là một phản ứng tự vệ tất nhiên thôi, có gì mà cậu phải mặc cảm chứ!"

"Cái kiểu làm chính trị như chú nói là kiểu chính trị của mấy tay hoạt đầu. Họ làm chính trị với mục tiêu là nắm chính quyền. Bởi cái mục tiêu đó, họ bất chấp mọi thủ đoạn."

"Thế cậu làm chính trị theo



kiểu nào? Cậu hoạt động mà không nhằm đến chuyện nắm chính quyền sao?"

"Không."

Ông Trọng đột thêm điều thuốc khác, lẩm bầm:

"Cũng lạ nhỉ."

Im một lúc, ông quay qua dụi giong hỏi tiếp với vẻ mặt đầy nghi vấn:

"Có một mục đích nào khác hơn mục đích cầm quyền trong hoạt động chính trị sao?"

"Có lẽ chú đã quên rằng hồi xưa có những người phò vua giúp nước chống ngoại xâm, khi đất nước bình định rồi lại rút lui, vào hang sâu núi thẳm ẩn tích mai danh, hoặc làm kẻ vô danh ngao du sơn thủy..."

"Đó là trường hợp những thánh nhân hiền sĩ, những nhà sư..."

Tôi bật cười:

"Đâu nhất thiết phải là những thánh nhân hiền sĩ hay những nhà sư! Chuyện đó ai lại làm chẳng được. Khi đất nước lâm nguy, dân tình thống khổ, kẻ sĩ tự đứng dậy lòng bút rút, phải dẫn thân hành động để cứu đời. Dẫn thân trong trường hợp này là làm việc nghĩa chứ có phải *làm chính trị* theo cách hiểu của người thời nay! Khi việc thành tựu rồi, họ có thể giấu áo lên đường ngay chứ có khấn gì. Có bao giờ họ nghĩ đến chuyện nắm chính quyền hay được ban thưởng danh quan tước vị gì đâu mà nấn ná lại với đời. Hành động của họ là hành động cứu đời. Nếu có liên quan đến chính quyền, chính trị hay

chẳng, là ở chỗ hành vi của họ nhằm đến việc điều chỉnh những rối ren bất toàn của xã hội. Vua bất minh, chính quyền thối nát, kẻ sĩ phải góp phần điều chỉnh, giống như việc chữa bệnh của thầy thuốc: chỗ nào có bệnh nhân, chỗ đó có thầy thuốc; bệnh gì cho thuốc nấy."

Ông Trọng nhìn tôi một lúc, gật gù:

"Cũng phải. Lý tưởng quá. Như vậy, theo ý cậu... nếu biết chính quyền đó tàn hại, không thể chữa trị gì được nữa, có phải là chúng ta phải triệt hủy nó để ủng hộ một chính quyền khác mà chúng ta tin tưởng là khả quan hơn không?"

"Vâng, phải vậy thôi. Nhưng trước hết vẫn là chuyện điều chỉnh, điều chỉnh từ gốc đến ngọn. Không điều chỉnh được thì mới đốn luôn cả cây."

"Theo cậu, cái gốc bây giờ là gì?"

"Là sự mê muội say đắm vào ý thức hệ, vào chủ nghĩa."

"Còn cái ngọn của nó?"

"Quyền lực, danh lợi."

"Điều chỉnh thế nào đây?"

"Một khi từ gốc đến ngọn đều nhuốm bệnh, sự điều chỉnh rất ư khó khăn. Nếu chỉ lo chữa ngọn thì không bao giờ hết bệnh, còn chỉ lo chữa được cho cái gốc, có thể căn bệnh của cái ngọn lại trở thành căn bệnh chính cho toàn thân cây. Bệnh của gốc thì giết chết nhiều người, bệnh của ngọn thì làm băng hoại cuộc sống. Cả hai đều nguy hiểm. Cần phải chữa trị... Tóm lại, thấy bệnh, thấy bắt

bình, phải ra tay hành động ngay, bệnh ở đâu, chữa ở đó.”

Ông Trọng tiếp tục gật gù, nhìn tôi:

“Cậu có vẻ là một nhà lý thuyết.”

Tôi cười:

“Trên thực tế, cháu chẳng chuộng gì lý thuyết. Cháu thích hành động hơn.”

“Cậu thích hành động, nhưng hành động của cậu chỉ là điều chỉnh, sửa sai, chữa trị, hoặc tích cực hơn, đốn ngã một thân cây mục nát để trồng một thứ cây tốt đẹp hơn chứ bản thân cậu không phải là cái cây đó... Nói thẳng cho đúng theo ý cậu thì có nghĩa rằng: cậu không có ý niệm hoặc ước vọng trực tiếp tham gia điều khiển đất nước, phải không? Vậy thì hành động của cậu chưa phải là hết mình. Ý tôi muốn nói... chưa phải là trọn vẹn. Đáng lý cậu nhận thức được cái gì là đúng, cái gì là sai thì phải đứng ra gánh lấy trọng trách điều khiển quốc gia một khi đủ khả năng đốn ngã một chế độ mục nát; nhưng cậu lại rút đi, làm ẩn sĩ, để cho một kẻ nhân hay một nhóm nào đó gánh lấy. Cái hành động lưng chừng đó, có khi nào cậu nghĩ rằng, nó vô tình bỏ ngõ cho những kẻ cũng tồi tệ không kém, đứng lên tiếp tục dẫn đất nước vào con đường khốn cùng chẳng? Cậu nói nghe thử xem nào, trong trường hợp đó, cậu sẽ làm gì?”

“Lại tiếp tục điều chỉnh.”

“Kỳ vậy? Đốn một cây mục, trồng một cây mới khác, cũng do một tay cậu mà. Không lý cậu lại trở thành đối lập ngay cả những kẻ mà cậu từng ủng hộ?”

“Chuyện xây dựng đất nước tất nhiên phải vậy. Tốt thì mừng, xấu thì phải điều chỉnh chứ! Lúc mình ủng hộ, nó tốt, nhưng sau đó nó xấu, thì phải điều chỉnh, sao làm ngơ được? Kẻ cầm quyền mà mình ủng hộ đó có phải là thứ gì của mình đâu! Họ là của đất nước, của dân tộc. Mình ủng hộ họ vì họ có lòng với đất nước, vì tin tưởng họ khá hơn những kẻ mà mình tranh đấu chống lại. Nếu một lúc nào đó, họ đánh mất đi lòng tốt và sự nhiệt thành của họ đối với đất nước, mình phải tranh đấu chống luôn cả họ chứ, có gì khó hiểu đâu. Mình có lên tiếng, có hành động hay không là vì dân chứ có phải vì họ đâu mà ái ngại việc chống lại họ khi họ làm

đường lạc lối.”

“A, vậy mà tôi tưởng rằng khi đứng lên để lật đổ phe nhóm này cậu sẽ đưa phe nhóm của cậu lên thay thế... Té ra cậu cũng không lập một phe nhóm nào để ủng hộ hay đưa lên nắm chính quyền khi cần thiết... phải vậy không?”

“Vâng. Cháu chỉ là một người dẫn, chưa hề bao giờ nghĩ đến chuyện cầm quyền. Cháu có công việc và đời sống riêng của cháu, không phiền quấy gì đến các chế độ chính trị cầm quyền nào. Nhưng nếu người ta phiền quấy đến đất nước hay người dân chung quanh cháu, cháu không ngồi yên mà bó tay đâu.”

Ông Trọng im lặng, nhìn tôi một lúc rồi cúi xuống, đốt thêm thuốc nữa. Hình như ông đang cố che giấu một nỗi xúc động nào đó. Phà một hai hơi thuốc trong im lặng, ông mới nói:

“Mười năm nay, từ khi đất nước thay đổi chế độ, tôi không giao tiếp nhiều, chỉ lần quần tới lui với vài người bạn già, hoặc trẻ lắm thì cũng lứa trung niên. Cho nên tôi thực không hiểu được cái tâm tình và chí hướng của những người thanh niên ngang lứa cậu thời nay như thế nào. Có thể nói, cậu là thanh niên đầu tiên mà tôi có cơ hội nói chuyện đôi chút về chính trị, về tình hình đất nước... Hôm nay nói chuyện với cậu, tự dưng tôi có một niềm tin mãnh liệt cho tương lai tươi sáng của đất nước. Vâng, tương lai đất nước sẽ khá hơn nhiều vì các thế hệ trẻ sau này ý thức được những vết đổ của các thế hệ già nua đi trước. Bao nhiêu năm nay, hết thế hệ này đến thế hệ nọ, thay nhau đứng lên, cũng đấu tranh, cũng tin tưởng mình là đúng, có chính nghĩa, nhưng rồi đất nước vẫn cứ khổ đau, chẳng làm sao góc đầu lên nổi. Cái đó là do đâu? Tự dưng, nói chuyện với cậu, tôi bỗng tìm thấy một câu trả lời rất đơn giản, vậy mà lâu nay tôi không thấy: rằng nếu ta thực sự nghĩ đến kẻ khác chứ bản ngã nhỏ nhoi của ta, thì hành động nào của ta cũng mang lại lợi ích cho đời cả. Phải vậy không, cậu em?”

Tôi cười, gật nhẹ. Hình như nói xong cảm nghĩ của mình, ông Trọng bị nghẹn nơi cuống

họng. Tay ông cầm mãi thuốc, rày hoai, không đưa lên môi nữa, mắt nhìn ra phía cửa gió. Một lúc thật lâu, ông lại bắt chuyện:

“Cậu đã ký tên vào biên bản kết cung rồi phải không?”

“Đạ, ký rồi. Cháu thấy ký hay không cũng chẳng đố. Trong biên bản, họ ghi rõ cháu đã làm gì cho lực lượng Phục quốc, mà những chuyện đó có thật, chẳng sai chút nào. Vậy thì có gì đâu mà không chịu ký.”

Ông Trọng nhún vai, cười:

“Ừ thì ký. Nếu là người khác, tôi còn muốn nói thêm điều này nữa, thậm chí không thèm đọc biên bản... nhưng đối với cậu, nói chuyện ấy thì chẳng hợp chút nào. Cậu có lối suy nghĩ không được thực tế... à, ý tôi muốn nói là không giống lắm với những người sống trên xã hội thời nay. Con người cậu có cái vẻ gì lạ lắm. Cậu giống như những kẻ sĩ, những chàng quân tử ở các triều đại xa xưa. Trong thời đại này, những chàng quân tử đó phải chết trước mọi người. Nhưng có thể cũng nhờ sự có mặt của họ mà những thế hệ kế tiếp sẽ cao đẹp, sáng sủa hơn... Tôi hy vọng như thế. A, cậu nói vụ Phục quốc đấy lên từ Long Thành, thuộc tỉnh Đồng Nai, phải không? Nếu vậy thì cậu sắp rời khỏi trại giam này rồi.”

“Sao vậy?”

“Phạm tội ở đâu thì bị giam và bị xử án ở đó. Cậu hoạt động ở Long Thành thì công án ở đây sẽ chuyển giao cậu về cho công an tỉnh Đồng Nai. Đây thuộc địa phận Sài Gòn mà. Tội công an này đâu có quyền xử cậu. Chúng chỉ lấy cung sơ sơ thôi rồi dẫn độ cậu đến một trại giam nào đó của tỉnh Đồng Nai. Hèn gì chúng kết cung nhanh quá.”

“Vậy sao! Cháu đâu có rành mấy vụ đó.”

Ông Trọng lại đốt thuốc:

“Nếu cậu đã ký tên vào biên bản kết cung rồi thì con đường trước mắt là chờ kết án rồi đi tù cải tạo thôi. Thời gian chờ xử án có khi cũng lâu lắm chứ chẳng nhanh gì đâu. Tội này làm việc vậy đó. Chờ bắt đủ hết các tay đầu não của lực lượng rồi chúng mới đưa ra tòa xử. Nhưng cũng có khi nhắm vào một dịp nào đó cần thiết, chúng đem ra xử đại, xử rất nhanh. Khó hiểu lắm cái tội cộng sản này. Ô, đến giờ phát cơm rồi.”

Tôi lấy ca bước đến cửa gió, nhìn ra ngoài. Mây anh nuôi lẳng xăng, hô hoán. Thùng cơm được đóng bằng gỗ, đang bốc khói. Ông Trọng nói, trại giam này vì thuộc Sài Gòn nên tương đối khá; tuy phần cơm cũng chẳng nhiều bao nhiêu so với các trại giam khác, nhưng gạo Sài Gòn mà, còn mới chứ chẳng hư mốc và nhiều thóc sạn như ở các nơi. Anh nuôi ở đây lại ưu đãi mấy người tù biệt giam. Có khi ông Trọng xin thêm được cả hai ba phần cơm, buổi trưa chỉ ăn một nửa, một nửa để dành cho buổi chiều; chiều được phát phần cơm khác thì ông để dành cho buổi sáng kế tiếp (vì trại không phát cơm buổi sáng). Như vậy, ông vẫn có được ba bữa ăn. Ông ăn khá mạnh. Chuyện cũng chẳng gì lạ. Ông to lớn như một người khổng lồ thì phải ăn nhiều mới đủ sức để vận chuyển cái khối thịt đó.

Lãnh cơm xong, chưa đến mười giờ rưỡi. Hãy còn quá sớm để ăn trưa. Ông Trọng ngồi đốt thuốc. Tôi đứng bên cửa gió nhìn băng qướt. Trời nắng dịu. Những cụm mây trắng vô tình trôi qua trên nền trời xanh biếc.

Ngày qua nhanh quá. Tiếng keng báo hiệu cứ hết hồi này lại đến hồi kia. Vừa đánh thức xong đã thấy phát nước sôi cho bữa điểm tâm. Xong bữa điểm tâm thì có keng báo giờ làm việc. Sau keng làm việc, loay hoay một lúc đã đến giờ phát cơm trưa... Rồi sẽ có keng báo ngủ và thức cho giấc trưa. Giờ làm việc buổi chiều. Phát cơm buổi chiều. Điểm danh. Cửa gió đóng. Đèn phòng bật lên. Tù nhân om sòm ca hát... rồi keng báo nghỉ ngơi. Người ta nói *nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại* mà sao tôi thấy ngày qua nhanh khủng khiếp. Cái tâm trạng phức tạp nào đây mà có cảm giác ngược đời vậy? Phải chăng mấy ngày đầu, chưa quen cảnh tù nên thấy vậy, sau đó ngày sẽ bắt đầu dài thiên thu như người xưa từng nói? Ô, nếu mỗi ngày là thiên thu thì có phải là ta sống trên triệu tuổi không! Hãy thường thức cái dài thiên thu đó đi, có gì mà phải rầu lo chứ, hồi mấy anh chàng tù nhân trên khắp đất nước!

(còn tiếp)



Chùm Thơ Xuân

XUÂN VỀ

XUÂN sang tươi thắm cánh đào mai,
VỀ chùa lễ Phật đặng tiêu tai,
XIN nguyện mẹ cha tâm thanh thần,
KÍNH lễ chư Tăng khắp nơi nơi.
CHÚC mọi loài an trong chánh pháp,
QUÝ mến yêu thương tựa một cha,
THIỆN lành gõ cửa khắp mọi nhà,
TRI kỷ cùng nhau trà cạn chén.
THỨC trong cõi mộng đón giao thừa,
THÂN luôn mạnh khỏe, sức chẳng vơi,
TÂM luôn hỷ xả cùng bá tánh,
AN LẠC tự nhiên sống thành thoi.

CHÚC TẾ

CHÚC người người an lạc,
MỪNG chánh pháp nơi nơi,
NĂM nay luôn thành thoi,
MỚI sạch từ tâm thân,
VẠN lặn tăng phước tuệ,
SỰ thể được thanh bình,
AN trú ánh quang minh,
KHANG ninh cùng phú quý.

TỰ TRI

*"Muốn gặt quả tốt,
 Hãy trồng nhân lành".
 Xuân này lộc nở đầy cành,
 Vì xuân năm ấy hạt lành đã gieo...*

XUÂN CA

Xuân đến xuân đi cội mai già,
 Long lanh sương sớm đọng cành hoa,
Xuân khai nụ mới vàng sân trước,
 Bầy trẻ đùa nô khúc xuân ca.

thơ CHÂN THANH MỸ